

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay du lịch trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống văn hoá - xã hội của các nước. Những nước có ngành kinh tế phát triển hàng năm có đến một nửa dân số đi du lịch. Nhiều nước coi du lịch là một trong những chỉ tiêu để đánh giá mức sống của người dân. Cùng với sự gia tăng quốc tế hoá sản xuất và đời sống của thời đại, sự phát triển của cách mạng khoa học kỹ thuật - công nghệ thì du lịch đang và sẽ trở thành một hiện tượng xã hội, một nhu cầu phổ biến biểu thị sự nâng cao mức sống vật chất và đời sống tinh thần.

Ở nước ta du lịch đang trở thành một ngành kinh tế quan trọng, bao gồm nhiều hoạt động khai thác các tiềm năng của các hệ địa - sinh thái khác nhau trên khắp đất nước. Sự phong phú, đa dạng của các hình thức du lịch được thể hiện từ việc thăm quan các danh lam thắng cảnh tự nhiên, nghiên cứu các thành phần tự nhiên, xã hội để nghỉ dưỡng, từ du lịch bằng xe, đi thuyền, đi bộ đến du lịch cưới thú lớn. Quá trình phát triển của các loại hình du lịch đã tạo ra khả năng khai thác nhiều tiềm năng to lớn của các tài nguyên tự nhiên, nhân văn.

Trong những năm gần đây thay vì đến những nơi đô thị ồn ào, náo nhiệt với các tòa nhà che khuất tầm nhìn của con người thì khách có xu hướng đến với các miền quê để được hòa mình vào cuộc sống của người dân, những phong tục tập quán mang tính truyền thống và tính địa phương, được hiểu thêm những giá trị về lịch sử, văn hóa, kiến trúc... Được hòa mình vào thiên nhiên trong lành với vẻ đẹp cổ kính của di tích lịch sử và gắn với nó là lễ hội truyền thống độc đáo. Do vậy việc khai thác các giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc ở mỗi miền quê là công việc cực kỳ quan trọng cho phát triển du lịch.

Trong hệ thống các tài nguyên du lịch nhân văn ở Việt Nam, các yếu tố của văn hoá làng có xu hướng phát triển mạnh trong những năm tới đây. Những ngôi làng cổ được hình thành từ rất sớm cùng với tiến trình lịch sử đất nước, chứa đựng trong đó những nét độc đáo, in đậm dấu ấn lịch sử - văn hoá của đất

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

nước. Mỗi làng có truyền thống lịch sử văn hoá riêng với hệ thống các di tích như: đình, miếu, chùa... gắn liền với các lễ hội, các trò chơi dân gian, các phong tục tập quán, các sinh hoạt văn hoá văn nghệ, không chỉ phản ánh cuộc sống chiến đấu và lao động của người dân ở các làng quê, gắn với các danh nhân văn hoá, thể hiện khát vọng trong đời sống tâm linh của con người, hướng tới cái chân - thiện - mỹ mà còn chứa đựng nhiều dấu tích của từng giai đoạn phát triển, từng thời kỳ lịch sử của đất nước. Những giá trị đó có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với du khách, không chỉ để chiêm ngưỡng mà còn mong muốn tìm hiểu đến ngọn nguồn.

Trên vùng châu thổ Bắc Bộ, từ thuở cha ông ta lập nước đến nay có hàng vạn làng, mỗi làng dù thuộc loại hình nào cũng đều có những nét riêng. Nhiều làng có những nét độc đáo in đậm dấu vết lịch sử - văn hoá của đất nước. Một trong những làng đó là làng ca trù Lỗ Khê.

Làng Lỗ Khê nằm trong vùng Ngũ Giỗ của huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc. Thời phong kiến là một xã, nay là một thôn của xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội. Làng được hình thành từ lâu đời, đến nay vẫn còn lưu giữ nhiều nét của một làng cổ, với quần thể đình, miếu, công, lũy làng, lễ hội những làn điệu dân ca. Đặc biệt trong đó phải kể đến hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian đặc sắc là hát ca trù - một bộ môn nghệ thuật lâu đời, độc đáo và có ý nghĩa đặc biệt trong kho tàng âm nhạc, gắn liền với lễ hội, phong tục, tín ngưỡng, văn chương, âm nhạc, tư tưởng, triết lý sống của người Việt.

Lỗ Khê có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, nổi bật là loại hình nghệ thuật Ca trù. Song trên thực tế, làng Lỗ Khê đã chưa khai thác được những lợi thế của mình cho phát triển du lịch. Do đó em xin chọn đề tài “Tìm hiểu những giá trị lịch sử, văn hóa của làng Ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội” làm khóa luận tốt nghiệp cử nhân ngành văn hóa du lịch của mình, và cũng thông qua đó mong muốn đánh giá thực trạng, đề ra các giải pháp hợp lý, hiệu quả nhằm khai thác triệt để tiềm năng du lịch sẵn có của làng cũng như việc

quảng bá khuếch trương cho loại hình du lịch văn hóa của làng Lỗ Khê nói riêng, của thủ đô Hà Nội nói chung.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Khoá luận “ Tìm hiểu giá trị lịch sử văn hoá của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội” nhằm mục đích sau:

- Tìm hiểu những giá trị lịch sử, văn hoá của làng Lỗ Khê với tính cách là một làng cổ, trong đó đặc biệt có sinh hoạt ca trù độc đáo.
- Đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị trong việc bảo tồn và khai thác các giá trị lịch sử văn hoá, đặc biệt nghệ thuật ca trù để phục vụ phát triển du lịch, góp phần phát triển kinh tế, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống của làng Lỗ Khê.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của khoá luận là những thành tố văn hoá như các di tích lịch sử văn hoá, phong tục tập quán, lễ hội truyền thống của làng, trong đó đặc biệt là ca trù.

- **Phạm vi nghiên cứu**

- Về không gian: Khoá luận nghiên cứu chính ở làng Lỗ Khê, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội.
- Về thời gian: Khoá luận xem xét các thành tố văn hoá truyền thống của làng ca trù Lỗ Khê còn tồn tại đến ngày nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Khoá luận sử dụng các phương pháp nghiên cứu liên ngành như Văn hoá học, dân tộc học trong đó coi trọng phương pháp nghiên cứu điền dã dân tộc học để thu thập tư liệu về lịch sử văn hoá làng ca trù Lỗ Khê.

Ngoài ra khoá luận sử dụng phương pháp hệ thống để phân tích các hiện tượng cần nghiên cứu, đánh giá các giá trị văn hoá làng Lỗ Khê như phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp thống kê.

5. Bố cục của khoá luận

Ngoài Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, Khoá luận được chia làm 3 chương:

Chương I: Giới thiệu chung về làng Lỗ Khê.

Chương II: Những giá trị lịch sử, văn hoá của làng Ca trù Lỗ Khê.

Chương III: Giải pháp bảo tồn, khai thác các giá trị lịch sử, văn hoá của làng Ca trù Lỗ Khê để phục vụ du lịch.

Chương 1

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ LÀNG LỖ KHÊ



1.1. ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH

Làng Lỗ Khê ngày nay là một thôn thuộc xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội. Liên Hà là một xã lớn ở phía Đông huyện Đông Anh, cách khu di tích Cổ Loa 5 km về phía Tây Nam, phủ lỵ Từ Sơn cũ 8 km về phía Đông, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội 18 km về phía Nam.

Từ trung tâm Hà Nội đi theo hướng cầu Thăng Long hoặc cầu Đuống, đến ga Cổ Loa, đi vào đường Cao Lỗ - Việt Hùng, qua đình Trung làng Dục Nội sẽ nhìn thấy ngay làng Lỗ Khê.

Nếu từ Hải Phòng ta sẽ đi theo quốc lộ số 5, rồi cũng đi theo đường cầu Đuống là có thể đến được làng Lỗ Khê.

Liên Hà ngày nay gồm 8 thôn: Lỗ Khê, Hà Hương, Hà Phong, Hà Lỗ, Thù Lỗ, Đại Vỹ, Giao Tác, Châu Phong.

Theo sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX* thì vào cuối thời Lê, đầu thời Nguyễn, tám thôn này thuộc 4 xã: Hà Lỗ, Thù Lỗ, Lỗ Khê và Hà Vĩ thuộc tổng Hà Lỗ, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc (năm Minh Mạng thứ ba, 1822 đổi thành trấn Kinh Bắc, năm Minh Mạng thứ 12 - 1831 là tỉnh Bắc Ninh). Từ năm 1918, sau khi vua Khải Định ra đạo dụ qui định cấp phủ ngang cấp huyện thì huyện Đông Ngàn không còn tồn tại trên thực tế, các làng xã của huyện này trực thuộc phủ Từ Sơn.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, ba xã : Hà Lỗ, Thù Lỗ và Lỗ Khê nhập thành một xã mang tên Ngũ Hà, còn Hà Vĩ vẫn là một xã độc lập. Cả hai xã thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Tháng 4 năm 1949, trước yêu cầu của cuộc kháng chiến tại địa phương, hai xã Ngũ Hà và Hà Vĩ hợp nhất thành xã Liên Hà thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà huyện Đông Anh, Hà Nội

Theo Nghị quyết của Kỳ họp thứ II, khoá II, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ngày 17 tháng 4 năm 1961) về việc mở rộng Thành phố Hà Nội và Quyết định số 78 CP (ngày 31 tháng 5 năm 1961) của Hội đồng Chính phủ về tổ chức hành chính của Thành phố Hà Nội, đầu tháng 6 năm 1961, Liên Hà được chuyển về huyện Đông Anh - một trong bốn huyện ngoại thành của Thành phố.

Lỗ Khê là một làng ra đời sớm ở vùng đồng bằng châu thổ Sông Hồng, thuộc triều đại Kinh Dương Vương Lạc Long Quân (2879 -258 trước CN).

Tương truyền khi lập làng các dòng họ hợp lại với nhau thành cộng đồng dân cư, thực hiện dân chủ nguyên sơ bầu người có uy tín làm “Già làng”. Đến thời Hùng Vương thứ 6 làng nằm trong tổng Hà Lỗ có 3 trang: Lỗ Khê, Hà Lỗ, Thù Lỗ.

Về vị trí địa lý, phía đông làng Lỗ Khê thôn Hà Hương, ba mặt còn lại giáp cánh đồng. Theo số liệu thống kê của xã Liên Hà, tính đến năm 2009, thôn có diện tích tự nhiên khoảng hơn 100 hécta, dân số gồm 630 hộ khoảng 2800 người.

1.2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG LỖ KHÊ

Trong quan niệm của nhân dân địa phương từ xa xưa, tám thôn của xã Liên Hà ngày nay thuộc năm làng Giỗ và ba làng Quậy. Làng Lỗ Khê (Giỗ Khê), cùng với bốn làng Hà Lỗ (Giỗ Đông), Hà Phong (Giỗ Dong), Hà Hương (Giỗ Hương), Thù Lỗ (Giỗ Thù) gọi là Ngũ Giỗ (hay Ngũ Lỗ).

Nằm ở vùng trung tâm vùng châu thổ Bắc Bộ, các thôn làng thuộc xã Liên Hà ngày nay được người Việt cổ khai phá từ rất sớm. Các nhà nghiên cứu cho rằng, các làng mang tên Nôm có từ Kê, đi kèm một từ Nôm khác thường khó xác định chính xác ngữ nghĩa, như Kê Giỗ, Kê Quậy...là những làng rất cổ, được hình thành cùng với quá trình dựng nước của tổ tiên ta từ thuở các Vua Hùng.

Việc thờ các vị thần gắn liền với thời kỳ lập nước sơ khai góp thêm tư liệu minh chứng cho tính cổ xưa của các làng. Trong 12 vị thần được các làng xã

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

thờ có đến tám vị liên quan đến buổi đầu lập nước của tổ tiên ta, như *Lộc môn Hoàng thiếu thủy tộc long vương*, tương truyền là con út của Lạc Long Quân hóa thân (Vua Út) ở làng Hà Phong; *Thiên Uy* và *Minh Uy*, còn gọi là Dục Công và Minh Công hay *Ông Dục* và *Ông Minh* là hai anh em, người làng, có công đánh giặc Xích Ty (giặc Mũi đỏ) và giặc Ân xâm lược đời Hùng Vương thứ sáu ở hai làng Hà Lỗ và Hà Hương; Tản Viên Sơn Thánh ở làng Thù Lỗ; *vị thủy thần* vốn là người con út của Lạc Long Quân, trấn trị miếu Đầu Triền và *Điện Hung* (sinh năm 313 trước Công nguyên) có công “bình Thục, phù Hùng” (theo thần phả) ở làng Lỗ Khê v. v.

Tính chất cổ xưa của làng Lỗ Khê còn được phản ánh qua truyền thuyết, địa danh, thần phả, còn được khẳng định thêm bằng tư liệu khảo cổ học. Mới đây nhất, vào năm 2002 và tháng 11 năm 2003, các nhà khảo cổ học thuộc khoa Lịch sử, trường Đại Khoa học Xã hội và Nhân văn đã khai quật di chỉ Đình Chiền ở thôn Lỗ Khê. Các hiện vật thu được gồm mảnh vỡ, mảnh lưỡi của rìu (bôn), mảnh vòng đá, bôn đá có chất liệu đá Nephrit. Kết quả nghiên cứu các di vật và lớp đất trong các hố khai quật cho thấy, đây là di tích thuộc Văn hoá Phùng Nguyên, cách ngày nay trên dưới 3500 năm.

Tên các làng Gĩô mang nhiều ý nghĩa. “Lỗ” trước hết là một từ Nôm, chỉ các làng trong xã nằm ở rốn nước, một “lỗ” nước trong một lòng chảo rộng lớn, cuối một nhánh cụt của sông Hoàng Giang (sông Thiếp) từ Cổ Loa chảy về; hoặc do địa hình trũng, các làng lại bị chia cắt với nhau bằng các “luồng nghịch thủy” gây úng tắc cục bộ vào mùa mưa lũ. Về sau, từ “Lỗ” được phiên âm thành từ Hán - Việt với nhiều nghĩa khác nhau.

Cũng có ý kiến cho rằng, tên Nôm của các làng này phải viết là “Dỗ” (dạy dỗ) vì theo thần phả làng Hà Hương, thân sinh các vị thành hoàng làng từ vùng đất Thái Nguyên về đây dạy học, mở mang dân trí cho dân làng.

Lại có ý kiến cho rằng, gọi là “Giỗ” (hay “Rỗ”, “Lỗ”) vì xưa kia, Thánh

Giống cùng Ông Dục, Ông Minh (thành hoàng hai làng Hà Hương và Hà Lỗ) khi đánh giặc tại đây đã để lại hàng trăm vết chân ngựa, chính là các ao chuôm trên các cánh đồng còn lại gần đây.

Còn chữ “Khê” mang đặc điểm địa hình lấm lạch khe, chữ Hán “Khê” là khe nước chảy từ núi ra sông suối nhỏ. Theo truyền thuyết, từ thời Hùng Vương thứ 6, con gái làng nấu cơm cho quân ông Gióng ở Cầu Bài, cơm bị nấu khô nên binh lính gọi đùa là “con gái làng Khê” từ đấy mà có tên là Lỗ Khê.

Tương truyền buổi đầu lập làng từ thời Văn Lang dựng nước có số người của 4 dòng họ Đinh, Dương, Lường và Đỗ từ xứ Bắc Hà đến săn bắn thú rừng, đánh cá và trồng trọt. Điều kiện sinh sống rất khắc nghiệt, đất canh tác gò ghề, đầm sâu, rừng rậm, sông nước lạch khe, thú dữ bao lụt nhưng người bốn họ vẫn trụ vững xây dựng quê hương. Sử sách đã miêu tả con người Lỗ Khê thời mới lập làng rằng: “Người bốn họ kiên định xây dựng quê hương, vững vàng trong giông bão như cây tùng cây bách giữa rừng, như cột đá giữa dòng nước xiết, vui vầy với trời đất, thời nào cũng xuất hiện công hầu”.

Lúc đầu có bốn họ, quá trình phát triển chu chuyển các họ như thế nào chưa rõ, nhưng đến cách mạng tháng Tám năm 1945 làng có 15 dòng họ.

Như vậy sự hình thành và phát triển của làng Lỗ Khê cũng như các làng vùng Giỗ - Quậy là kết quả của quá trình các dòng họ trong làng chung lưng đấu cật để khai phá. Đồng thời đó cũng là kết quả của sự hợp sức với nhiều làng khác trong vùng, thể hiện qua tục kết nghĩa giữa làng Lỗ Khê với Chóa (huyện Yên Phong) và Hương Tràm (xã Thụy Lâm).

1.3. CƠ SỞ KINH TẾ

1.3.1. Nông nghiệp

Nhìn toàn cảnh các làng thuộc xã Liên Hà ở cốt đất thấp trong huyện Đông Anh (từ 3 đến 6 mét so với mực nước biển). Cùng với các làng Quậy thì làng Lỗ Khê nằm ở khu đất thấp nhất của xã. Bởi vậy dân làng Lỗ Khê chủ yếu cấy vụ chiêm.

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

Ngoài việc chịu ảnh hưởng nước lũ của sông Ngũ Huyện Khê và nhánh sông cụt Hoàng Giang từ Cổ Loa về cửa làng, đồng các làng còn hứng chịu nước từ 36 ngọn nước ở các làng khác tuôn về. Suốt một dải đồng từ Dục Nội (xã Việt Hùng) về Châu Phong đều trắng nước, chỉ nhô lên những vệt màu xanh của các lũy tre.

Đồng ruộng của làng Lỗ Khê đều là bậc thang, chủ yếu là đất cát pha chiêm khô mùa thối, hơi mưa một chút là đồng bị úng, hơi nắng một chút là trên đồng bị hạn. Hệ thống thủy lợi của làng hầu như không có, làng Lỗ Khê có đến trên 50 mẫu hồ ao, tưới tiêu chủ yếu qua con ngòi “Quan Khê” từ xứ Ba Lãng qua 18 xã xuống Đặng Xá (huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh).

Trong điều kiện trên, để cải tạo đồng ruộng, làm thủy lợi, người nông dân các làng xã Liên Hà phải liên kết lại với nhau, không chỉ giữa những người có chung ruộng trong một cánh đồng mà trên bình diện cả xóm, làng và hơn nữa là giữa các làng với nhau. Lưu truyền dân gian kể lại rằng, đầu thế kỷ XV, làng Lỗ Khê và làng Hương Tràm liên kết đào rãnh Mốc ở xứ đồng Mát giáp ranh hai làng để đưa nước từ ngòi vào nội đồng và tiêu nước từ đồng ra. Việc làm thủy lợi còn được sự quan tâm của những vị quan là người địa phương và các chức sắc, kỳ mục. Theo văn bản Hán Nôm còn lưu tại đình Lỗ Khê thì vào năm Vĩnh Thọ thứ hai (1659), ông Nguyễn Tuấn Ngạn (hay Nguyễn Phú) - người làng, làm quan Tham chính sứ Tuyên Quang cùng ông Đồng Quốc Phái là Hộ bộ Tả Thị lang, tước Vinh Xuyên hầu và chức dịch các xã trong vùng đã làm tờ khai lên Tây Định vương Trịnh Tạc cho khai thông con ngòi dài trên 100 dặm, từ Lỗ Khê xuống Đặng Xá (huyện Yên Phong), chảy qua địa phận 18 xã để tiện cho việc tưới tiêu làm mùa. Tương truyền, ông Nguyễn Tuấn Ngạn là một lương y giỏi, đã chữa bệnh khỏi cho thân nhân của nhà vua, được vua ban thưởng vàng bạc nhưng ông khước từ, chỉ nhận một đôi lọ lục bình và xin cho được khai thủy con ngòi trên để tiện việc tưới tiêu cho đồng ruộng, đồng thời xin ra lệnh chỉ, cấm người các làng vì lợi riêng làm tắc ngòi. Nguyện vọng của ông được Chúa

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

Trịnh Tạc chuẩn y và ra lệnh chỉ ngày 11 tháng tư năm Vĩnh Thọ thứ hai (1659). Gần 100 năm sau, vào tháng tư năm Cảnh Hưng thứ 14 (1753), các quan viên, sắc mục, thôn trưởng... của các xã lại làm tờ khai lên chúa Trịnh cho phá bỏ các đập chắn ngang lòng con ngòi trên để việc làm mùa được thuận tiện. Chúa Trịnh Doanh đã cho người đi kiểm tra và chuẩn y tờ khai trên, ra lệnh chỉ cho thi hành vào tháng Mười năm Cảnh Hưng thứ 14 (1753). Những người đứng tên trong tờ khai là *Tri sự Dương Phạm Phái, Sắc mục Quốc Bảo, Thôn trưởng Dương Thế Hoa* (người xã Hà Lỗ); *Sinh đồ Phạm Hồ, Thôn trưởng Đỗ Duy Dương, Nguyễn Thời Cử, Đỗ Văn Vân, Ngô Phạm Cận* (xã Hà Vĩ); *Xã sử Nguyễn Đạt Tôn, Sinh đồ Dương Hữu Phùng, Thôn trưởng Phạm Đình Triều, Chu Văn Bái, Nguyễn Thời Sĩ* (xã Lỗ Khê) cùng các quan viên sắc mục các xã : Vân Đầm, Gia Lộc...

Gắn bó bao đời với đồng ruộng, người nông dân làng Lỗ Khê hiểu rõ thể đất, chất đất của từng cánh đồng, từ đó bố trí mùa vụ, giống lúa cho phù hợp. Các khu ruộng trồng cấy các giống : Chiêm bầu, Chiêm dế; vụ mùa cấy : Tám xoan, Tám thơm, Tám dự, Văn và Nếp.

Mặc dù nhân dân trong làng đã nỗ lực khắc phục khó khăn, làm thủy lợi, song điều kiện kinh tế kỹ thuật và tổ chức xã hội thời phong kiến không làm thay đổi được diện mạo đồng ruộng để thâm canh, tăng vụ. Đồng làng Lỗ Khê chỉ cấy được một vụ chiêm, năng suất đã thấp lại bấp bênh (Mỗi sào ruộng tốt nhất thu được ba nôi thóc, mỗi nôi 20 kg, các chân ruộng khác chỉ được hai nôi). Thường cứ 10 vụ thì có tới bảy vụ không được thu hoặc rất thấp. Lương thực từ việc cấy lúa không đủ để nuôi con người được 3 - 4 tháng trong một năm.

Ngoài lúa, nhân dân địa phương còn trồng thêm một số loại hoa màu khi gặt mùa xong. Đặc biệt với việc tận dụng lợi thế của vùng có nhiều ao chuôm, nhân dân trong làng còn khai thác các nguồn tôm cá trong đồng ruộng, bằng các hình thức: dâng đáy, vó, chài, dậm, tát vét... diễn ra quanh năm nhưng nhiều nhất là vào tháng ba, tháng tư và sau vụ gặt mùa.

1.3.2. Thủ công nghiệp

Đây là khu vực làng nghề truyền thống từ lâu đời. Nổi tiếng trong làng Lỗ Khê nói riêng và trong vùng Liên Hà nói chung là nghề mộc xây dựng, mộc dân dụng và đặc biệt là mộc mỹ nghệ cao cấp. Nghề thủ công hiện đang từng bước được cơ giới hóa để đáp ứng tốc độ phát triển của thị trường, của mẫu mã sản phẩm. Tổ chức sản xuất cũng đang phát triển nâng quy mô từ hộ gia đình thành xưởng thuê mướn nhân công.

Ngoài ra ở Lỗ Khê còn có nghề gói bánh chưng. Cả thôn có khoảng 700 hộ, ngoài nghề chính là nông nghiệp, cứ đều đặn vào dịp tết hàng năm, tính cả số hộ làm bánh thường xuyên và không thường xuyên vào khoảng 200 hộ. Bánh của thôn phục vụ nhu cầu của bà con các vùng lân cận như: Hà Nội, Thái Nguyên, Bắc Giang... Thời gian cả làng gói bánh rộ nhất bắt đầu từ ngày 22 (âm lịch), và bán từ đó cho đến tận tối ngày 30 Tết. Hiện gia đình bà Phạm Thị Lành có qui mô gói bánh chưng lớn nhất thôn Lỗ Khê. Ngày bình thường, trung bình gia đình bà gói khoảng 1 tạ gạo (mỗi ngày xuất khoảng 200 chiếc), khi có đám cưới đặt thì số lượng gạo lên tới 4 tạ. Nhưng đến ngày tết, mỗi ngày gia đình bà gói khoảng 5, 6 tạ gạo. Nếu ngày thường giá bán chỉ vào khoảng 12.000đ/ chiếc thì ngày Tết, giá bán buôn là 17.000đ/ chiếc, giá bán lẻ là 20.000đ/ chiếc. Bà con Lỗ Khê vẫn luôn tự hào về vị ngọt riêng của bánh. Họ vẫn nói vui là nơi đây “được” nước, bánh vùng này có vị đậm hơn, ngọt hơn nhờ nguồn nước.

1.3.3. Thương nghiệp

Nói đến đời sống kinh tế của người dân Lỗ Khê, ta không thể không nói đến hoạt động buôn bán biểu hiện qua chợ làng, nơi mà người phụ nữ nông dân thể hiện vai trò quan trọng của họ trong việc lo toan cuộc sống gia đình. Hầu hết các hoạt động buôn bán ở làng chủ yếu là buôn bán nhỏ - vốn là đặc điểm của nền kinh tế tự cấp tự túc. Tại đây người dân trao đổi với nhau những sản phẩm thừa trong sản xuất để đổi lấy những thứ thiết yếu khác phục vụ cho cuộc

Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà huyện Đông Anh, Hà Nội

sống và hoạt động sản xuất của gia đình.

Vì ở xa trung tâm xã (chợ Giỗ), trên địa bàn làng Lỗ Khê có chợ thôn họp theo ngày, theo buổi nhằm phục vụ cuộc sống thường nhật trên phạm vi làng mình. Một số cửa hàng tạp hóa cũng mở ra hoạt động bên cạnh chợ thôn này.

Ngoài ra những người buôn bán nhỏ và dân làng Lỗ Khê còn có thể mang hàng hóa của mình đến bán ở các chợ làng xung quanh. Đó là chợ làng Hà Lỗ (chợ Giỗ), họp một tháng sáu phiên, vào các ngày Bốn và Chín và chợ Chùa (làng Hà Hương) cũng một tháng sáu phiên, vào các ngày Một và Sáu. Các chợ này họp luân phiên nhau tạo thành vòng khép kín để hầu như ngày nào trong vùng cũng có chợ, nhờ đó người dân Lỗ Khê có thể mang hàng hoá của mình đi bán thường xuyên hơn.

Như vậy, hoạt động buôn bán thể hiện qua chợ làng của Lỗ Khê khá phát triển. Bản thân các nghề phụ như nấu rượu, gói bánh Chung ở Lỗ Khê từ xa xưa đã góp phần làm cho hoạt động thương nghiệp của làng trở nên phong phú, đồng thời tận dụng được thời gian rỗi và các hoạt động dư ra sau mùa vụ chính làm cho đời sống của người dân Lỗ Khê trở nên ổn định hơn các thôn phụ cận.

1.4. CƠ CẤU TỔ CHỨC LÀNG LỖ KHÊ

Trên cơ sở nền kinh tế nông nghiệp ruộng nước là chính, thiết chế làng xã sớm được hình thành.

Về cấu trúc vật chất, làng xã Liên Hà có hai cụm có cấu trúc làng xã khác nhau: Cụm các làng Quậ và cụm các làng Giỗ. Cũng như cấu trúc của các làng Giỗ, làng Lỗ Khê có các lũy tre bao quanh ba mặt Đông, Tây, Bắc; mặt Nam là ao. Các lũy đất (nhân dân quen gọi là thành) được đắp cả ba mặt trên; các con đường trong xóm thẳng góc với đường chính, tạo thành các cụm ngõ vuông vức. Vào mùa mưa, nước nổi trên các cánh đồng trũng, làng xóm với “thành” lũy soi bóng bên các bến nước tạo ra một cảnh thơ mộng, đi vào thơ ca, câu đối.

Về cấu trúc xã hội, tuy có nhiều nét chung, song mỗi làng hay cụm làng

có một kiểu tổ chức riêng, với những qui định riêng dễ nhận thấy. Cơ cấu tổ chức làng Lỗ Khê xưa vẫn thuộc mô hình của làng nông nghiệp vùng châu thổ Bắc Bộ, gồm xóm ngõ, dòng họ, giáp, phường hội, bộ máy quản lý (hội đồng kỳ mục và chức dịch).

1.4.1. Xóm ngõ

Lỗ Khê xưa có bốn xóm (*Đông - Tây - Chùa - Trước*). Xóm Đông tập trung người của họ Nguyễn Tuấn và họ Hoàng. Xóm Tây gồm người các họ: Phạm, Đỗ, Chu. Xóm Chùa có họ Nguyễn Văn Ca công, Nguyễn Thế Ca công và họ Mai. Xóm Trước có họ Đinh, họ Dương. Đứng đầu xóm là một *cai phiên*, là người ở dưới tuổi 50. Cai phiên có các nhiệm vụ sau :

- Điều hành các việc chung trong xóm như việc thờ quan hành khiển, cúng hậu ở điểm xóm. Cai phiên sử dụng mõ của xóm để thông báo các công việc trong làng.

- Điều hành tổ chức tang lễ cho người trong xóm (khi đưa đám, cai phiên cầm cành phan và đi đầu đám tang).

- Cùng hương lý và đại diện các dòng họ chỉ đạo việc hai ban phiên tuần canh gác tuần phòng, đặc biệt là trong tháng *củ mật* (từ mùng một tháng Chạp đến sau Tết Nguyên đán và trong dịp hội làng).

Một trong các đặc điểm chung của xóm ở Lỗ Khê cũng như các làng quê khác trên vùng châu thổ Bắc Bộ là cư dân luôn có sự đoàn kết chặt chẽ với nhau bởi hai mối quan hệ: láng giềng và huyết thống. Phần đông các gia đình trong xóm ở liền nhau nhưng không có quan hệ huyết thống, chỉ có quan hệ láng giềng với nhau. Tuy nhiên nhiều trường hợp anh em co cụm lại với nhau trong một khu vực ngõ xóm. Mối quan hệ này đã qui định thế ứng xử của những người sống cùng một ngõ xóm là “xóm giềng tối lửa tắt đèn có nhau” hoặc “ bán anh em xa mua láng giềng gần”.

1.4.2. Dòng họ

Làng Việt cổ truyền ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ là một đơn vị dân cư được tập hợp chủ yếu theo quan hệ láng giềng. Tuy nhiên không phải vì vậy mà quan hệ huyết thống không còn phát huy tác dụng trong xã hội Việt hôm qua và cả hôm nay nữa. Và chẳng, cho đến bây giờ, có nơi nào trên thế giới mà quan hệ gia tộc không còn là một nguyên lý tập hợp người. Trong xã hội Việt cổ truyền, đặc biệt trong xã hội nông thôn, gia đình nhỏ đóng một vai trò hết sức năng động, là diện mạo chính của gia tộc Việt. Nó là đơn vị tụ cư nhỏ và chặt nhất. Nó còn là đơn vị sản xuất phổ biến, tuyệt đối ứng hợp với một nền nông nghiệp lúa nước tiền công nghiệp đã biết thâm canh. Trong mối tương quan với cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền, còn phải tìm hiểu tác động của quan hệ dòng huyết thống trên một bình diện cao hơn, vì mặc dù đã phân giải, gia đình lớn của người Việt vẫn còn lưu đến tận ngày nay một vết tích phổ biến mà đậm đà: tổ chức “*họ*”.

Cũng như bao làng quê khác ở vùng châu thổ Bắc Bộ, thì truyền thống văn hóa của làng Lỗ Khê chính là bắt nguồn từ lớp người cổ đại, từ các bậc tổ tiên sinh thành ra bao thế hệ ở từng dòng họ của làng. Trước đây ở làng Lỗ Khê có hơn mười họ (hội đồng thập tộc) như: Nguyễn Văn ca công, Nguyễn Thế ca công, Phạm, Chu, Đỗ, Dương, Mai, Hoàng, Đinh, Lường. Hiện nay do sự nhập cư nên làng đã có tới 46 dòng họ. Dưới đây là sự giới thiệu khái quát một số dòng họ của làng:

- Họ Nguyễn Văn ca công và Nguyễn Thế ca công có lịch sử 600 năm. Cụ tổ của hai họ này đều là văn nhân văn hóa, học trò của ông Đinh Dự cùng nhau thay mặt giáo phường hàng phủ đèn hương cho Tổ sư ca trù.

- Họ Phạm có lịch sử hơn 600 năm, khoảng 20 đời. Đây là một trong những họ lớn nhất của làng Lỗ Khê. Đặc biệt có cụ tổ đỗ tam tứ tràng là thầy dạy chữ và dạy địa lý thiên văn nổi tiếng. Con cháu trong họ có 18 quan chức triều nhà Lê.

Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà huyện Đông Anh, Hà Nội

- Họ Hoàng lịch sử hơn 300 năm, có cụ tổ đỗ tú tài làm chánh quản tổng triều Lê, con cháu nhiều người đỗ đạt là quan chức triều Lê Nguyễn.

- Họ Mai có lịch sử 400 năm, có cụ tổ đỗ cử nhân dạy học ở Thanh Hóa triều Lê.

- Họ Dương có lịch sử 400 năm, có cụ tổ đỗ sinh đồ dạy học ở huyện Võ Giàng triều Lê.

- Họ Tuấn có cụ tổ đỗ sinh đồ, con cháu nhiều người là quan chức từ cơ sở đến cấp tỉnh triều Lê Nguyễn.

Tổ chức họ viện đến nhiều yếu tố như: một “cương lĩnh” về quan hệ đồng huyết (gia phả); những “thủ lĩnh” (tộc trưởng, thêm các chi trưởng nếu là trường hợp họ lớn); một hệ thống tôn giáo (hình thái thờ phụng tổ tiên và nhà thờ họ); một cơ sở kinh tế để nuôi dưỡng hình thái thờ phụng ấy (ruộng họ).

Với mục đích để con cháu biết rõ nguồn gốc cũng như truyền thống của dòng họ, việc ghi chép gia phả được chú trọng ở làng Lỗ Khê. Hầu hết các gia phả được ghi bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm. Tuy nhiên trải qua thời gian cùng những biến động xã hội, nhiều gia phả đã bị cũ nát. Hiện tại ở Lỗ Khê còn có gia phả của họ Hoàng do cụ Hoàng Kỳ ghi chép lại.

Nếu như gia phả được coi như là một “cương lĩnh” về quan hệ đồng huyết, thì nhà thờ họ cùng với hình thái thờ phụng tổ tiên chứa trong đó như là một hệ thống tôn giáo để người trong dòng họ tin theo. Với hơn 10 họ, nhưng đến nay chỉ còn nhà thờ của họ Nguyễn ca công, thờ nhị vị tổ sư ca trù.

1.4.3. Giáp và phường hội

● Giáp

Giáp là hình thức tổ chức xuất hiện muộn sau này. Theo *Việt sử thông giám cương mục* thì giáp xuất hiện từ năm thứ ba đời Lý Thánh Tông (1041) với mục đích là để tiện cho việc thu thuế. Chắc chắn là trong quá trình tồn tại, nó đã tự biến đổi rất nhiều để có được hai đặc điểm: chỉ có đàn ông tham gia vào giáp và mang tính chất “cha truyền con nối” cha ở giáp nào thì con ở giáp ấy. Đúng

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

đầu giáp là ông *cai giáp* (câu đương); giúp việc cho cai giáp là các ông lệnh - lệnh nhất, lệnh hai, lệnh ba (từ chữ lệnh mà ra). Trong nội bộ giáp phân biệt ba lớp tuổi chủ yếu: ty ấu - từ nhỏ đến 18 tuổi; đình (hoặc tráng) - từ 18 đến 59 tuổi; và lão là từ 60 tuổi trở lên.

Làng Lỗ Khê có bốn giáp và điều đặc biệt là các giáp được chia theo đơn vị xóm. Đây là một trong số ít làng trên vùng châu thổ Bắc Bộ giáp trùng với xóm. Mỗi xóm - giáp cử bốn người *lệnh* ở dưới tuổi 50, gồm hai người làm *cai đám* và hai người làm *cai tế*. Cai đám phải cách ly gia đình, ăn nghỉ tại một gian nhỏ ở đình trong suốt nhiệm kỳ (từ mồng một tháng Chạp năm trước đến cùng thời điểm năm sau). Trong 16 người lệnh của bốn giáp cử người nào khá giả, đứng đắn nhất làm *thủ chỉ*.

● ***Phường, Hội***

Phường là một tổ chức dựa trên nghề nghiệp. Trong một nông thôn chủ yếu sống bằng nghề nông, những người làm các nghề khác, trong phạm vi một làng, tự nguyện tập hợp nhau lại, nghề nào thành phường ấy. Thế là trong một làng có thể xuất hiện nhiều phường khác nhau. Như vậy chức năng của phường đã rõ ràng tạo ra một mối cộng cảm cần thiết cho những con người cùng một thân phận đặc biệt. Và như trong trường hợp các hình thức tổ chức khác mà chúng ta đã điếm qua, mối cộng cảm ấy được tạo ra chủ yếu bằng một hình thái thờ phụng tập thể, ở đây là thờ vị “Thánh sư” (cũng có khi gọi là nghệ sư hay tiên sư) của từng nghề. Như ở làng Lỗ Khê, nổi bật nhất là tổ chức họ Ca Công của những người hát Ca trù. Theo truyền thống, giáo phường Lỗ Khê xưa chủ yếu gồm hai họ : Nguyễn Văn và Nguyễn Thế, với tổ nghề là Đình Dự và Đường Hoa Tiên Hải.

Mỗi làng có thể có nhiều Hội nhưng đứng trên hết là “Hội Tư văn”, mà thành viên, trên danh nghĩa đều là những người có học thức. Vốn gồm những người có học nhất trong làng, trong xã, nó được tập quán làng xã trao cho nhiệm vụ và vinh dự thảo “văn tế”, bài văn nêu lên chức tước của vị “thành hoàng”, tức

thần bảo hộ làng xã, tóm tắt lại mọi công tích của thần và nhất là thể hiện lòng thành kính cũng như lời cầu xin của dân làng, dân xã mà người hành lễ chính phải thay mặt cả làng xướng to lên trong quá trình tế lễ tại đình vào hai kỳ tế lớn xuân - thu hàng năm.

Việc tế lễ tại văn từ hay văn chỉ của làng, nơi thờ đức Khổng Tử, và các vị khoa bảng đã quá cố vốn xuất thân trong làng cũng do phe Tư văn đảm nhiệm. Mỗi khi tham gia bằng “văn học” vào việc tế lễ cộng đồng của xã tại đình, tại văn từ hay văn chỉ, hội Tư văn hoạt động cùng lý dịch, và nhìn bề ngoài mà xét, thì chẳng khác gì một tổ chức chính thức của bộ máy lý dịch.

Ngoài ra ở làng Lỗ Khê còn có các Hội như hội chur bà, hội phụ nữ, ...

1.4.4. Bộ máy tổ chức quản lý

- **Bộ máy điều hành** ở làng Lỗ Khê gồm hai thiết chế:

- **Hội đồng kỳ mục** là cơ quan quản lý truyền thống của từng làng, gồm các quan lại, cai đội (là người làng về hưu), các cựu chánh phó tổng (người làng), cựu lý phó trưởng (không bị can cách). Hội đồng này có toàn quyền với các công việc chung như đấu thầu ruộng đất công, sửa chữa đình, chùa, mở hội... Đứng đầu hội đồng là một Tiên chỉ, là người có phẩm hàm hay chức tước cao nhất và một Thứ chỉ, là người có phẩm hàm cao thứ hai.

Năm 1921, chính quyền thực dân Pháp thực hiện cuộc cải lương hương chính, bãi bỏ Hội đồng kỳ mục, thay thế bằng Hội đồng Tộc biểu, gồm đại biểu của các dòng họ trong làng, tùy theo họ đa đình hay ít đình mà được cử số tộc biểu. Tộc biểu là người từ 25 tuổi trở lên, biết chữ Quốc ngữ, có gia sản. Hội đồng Tộc biểu bầu ra Hội đồng Hương chính để giải quyết các công việc chung, đứng đầu là một Chánh hội và một Phó hội cùng một Thư ký giúp việc. Tuy nhiên Hội đồng Tộc biểu hoạt động kém hiệu quả nên năm 1927, thực dân Pháp phải cho lập lại Hội đồng Kỳ mục tồn tại song song với Hội đồng Tộc biểu. Đến năm 1941, Hội đồng Tộc biểu bị bãi bỏ, chỉ còn Hội đồng Kỳ mục.

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

- **Bộ máy chức dịch:** Là đại diện của Nhà nước phong kiến ở Xã. Thời Lê bộ máy này gồm có các chức: Xã trưởng, Xã sử, Xã giám, Thôn trưởng. Từ năm 1828 trở đi, đứng đầu bộ máy này là một Lý trưởng, hai Phó lý. Ngoài ra là một số các chức danh giúp việc như Hộ lại (trông coi hộ tịch), Chuông bạ (trông coi về địa chính), Thủ quỹ (trông coi về tài chính) và Trương tuần (trông coi việc an ninh). Bộ máy này chịu trách nhiệm trước chính quyền Nhà nước bên trên về việc sưu thuế, binh dịch, an ninh cộng đồng.

● ***Ngôi thứ***

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ngôi thứ ở đình là vấn đề quan trọng và nổi bật trong đời sống xã hội các làng. Theo nguyên tắc chung, hệ thống ngôi thứ này ưu tiên những người có bằng cấp, phẩm hàm, chức tước, tuổi tác, song từ cuối thế kỷ XIX, hệ thống này dành cho cả những người có tiền để mua, tùy tập tục của làng.

Làng Lỗ Khê, tại đình chia thành bốn hàng, gồm hai hàng bên Tây và hai hàng bên Đông. Bên Tây ở hàng trên dành cho những người chức sắc, phẩm hàm, các viên hương lý kỳ cựu; hàng dưới dành cho các đương thứ chánh phó tổng, lý phó trưởng, tiên thứ chỉ, chánh phó hội, các Tộc biểu. Bên Đông hàng người mua các ngôi : Điền lễ, Nhiều nam, Tư văn. Tuy nhiên để có được vị trí ngôi thứ này, những người trong cuộc phải khao vọng rất tốn kém. Theo bản Hương ước lập năm 1942 hiện còn lưu tại Thư viện thông tin Khoa học Xã hội thì trước kia những người có ngôi thứ, từ 18 tuổi trở lên phải bày cỗ bàn, bánh trái khao vọng, phí tổn tới 200 đồng. Từ năm 1921, làng bãi bỏ ăn uống, thay thế bằng nộp tiền, tùy theo từng hạng.

- Người có hàm bát, cử phẩm : nộp 20 đồng.

- Các chức viên trong kỳ mục, chức dịch : 30 đồng, sau khi mãn khoá mà không mắc lỗi phải nộp thêm 3 đồng nữa mới được ngôi thứ chính thức của người mãn khoá.

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

Những người mua ngôi thứ gồm những các ngôi sau:

- *Ngôi Diên lễ*: được ra đình dự các kỳ tế lễ, bàn việc làng, phải vọng 40 đồng.
- *Ngôi Nhiêu nam*: vọng 20 đồng. Việc mua ngôi này trước hết nhằm được miễn đi phu, lính và được tòng các cụ; sau nữa, nhiều gia đình mong muốn sinh con trai nên đã mua Nhiêu cho con từ khi con còn trong bụng mẹ.
- *Ngôi Nhiêu tư văn*: gồm hai hạng. hạng một dành cho những người từ 1 - 15 tuổi, lại chia thành hai bậc: *đơn* (nộp 4,75 đồng) và *kép* (nộp 7,75 đồng); hạng hai dành cho người từ 16 tuổi trở lên cũng gồm hai bậc: *đơn* (nộp 7,75 đồng) và *kép* (nộp 15,75 đồng). Ai có nhiều *kép* mới được đi tế lễ, vào ngôi cai đám, cai tế, được ra ứng cử các chức hương lý.
- *Quan viên*: ngôi này chỉ người từ 18 tuổi trở lên mới được mua để được ra đình tế lễ, nhưng không được miễn tuần phòng.

● ***Hương ước***

Trong sinh hoạt cộng đồng của cư dân làng xã Việt trước đây với nhiều hình thức tổ chức khác nhau: ngõ, xóm, họ, phe, hội, phường - không những mỗi hình thức tự triển khai thành nhiều đơn vị nhỏ đồng dạng mà mỗi đơn vị nhỏ lại có đời sống riêng của mình. Vậy thì giữa vô vàn đơn vị “óc đảo”, yếu tố gì sẽ đảm nhiệm được phần nào vai trò điều hoà chung, khiến làng Việt cổ truyền dù phức tạp đến mấy vẫn là một tế bào xã hội, vẫn vận hành như một đơn vị thống nhất. Đó chính là vai trò trung gian của *hương ước*.

Làng Lỗ Khê hiện còn lưu giữ bản hương ước được lập từ năm 1927. Đến năm 1941 thì viết lại bổ sung. Bản hương ước có 32 khoản mục và 92 điều, có tiên chỉ, lý trưởng đóng dấu và các thành viên trong hội đồng kỳ mục ký tên, nó như một bộ luật của làng triều nhà Nguyễn. Hiện nay bản hương ước đó được lưu tại Thư viện Thông tin Khoa học Xã hội, đề cập đến những nội dung sau:

➤ *Về đoàn kết xóm làng*

- Khuyến khích dân làng lập các phường hội để giúp đỡ lẫn nhau trong nội

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

bộ phường hội và đóng góp xây dựng làng xóm như các phường gạo, phường đồng niên, phường rạp, phường chèo, phường tuồng, phường vật, phường kèn, phường bát âm...

- Mức đóng góp và phương thức sinh hoạt do từng phường hội bàn bạc quyết định nhưng không được trái với luật pháp của nhà nước và lệ làng.

➤ *Về nghĩa vụ lao động công ích*

- Nữ từ 18 đến 44 tuổi, nam từ 18 đến 19 tuổi đều phải lao động công ích theo qui định để xây đắp và tu bổ đường làng.

- Ai không lao động có lý do được nộp bằng tiền.

- Ai không làm thì làng phạt gấp đôi theo qui định.

- Con trai lấy vợ thiên hạ, con gái lấy chồng thiên hạ, trai gái trong làng lấy nhau phải nộp một số tiền nhất định (theo ba mức) để xây dựng đường làng công rãnh và công trình công cộng.

➤ *Việc bảo vệ làng xóm, mùa màng*

- Nghiêm cấm mọi hành động trộm cắp trong làng và ngoài đồng. Kẻ cắp bị gông cổ diễu vòng quanh làng để cho mọi người chứng kiến và lên án, làm gương răn kẻ khác.

- Hàng năm đến thời vụ lúa màu chín, làng cấm không cho trâu bò, gà vịt ra cánh đồng, ai vi phạm phạt rất nghiêm.

- Nếu ai để cháy nhà, cháy đồng rơm rạ thì phải giết một con gà trống lớn, 1 chai rượu, 1 cành cau ra đình làm lễ xám hối. Lễ xong để lại đình phá lễ.

- Nếu ai gây hỏa hoạn cháy lây lan cho nhà khác thì làng phạt tiền theo mức gây hại.

- Hết giờ qui định buổi tối, 4 cổng làng và cổng các ngõ đều phải đóng chặt. Ai đi chơi về muộn thì cổng ngõ không mở cho vào, mà phải ra nghỉ ngoài điểm canh và nộp tiền phạt cho tuần phiên, ngày hôm sau mới được về nhà.

- Ban đêm nếu có cháy, có trộm cướp thì tuần phiên đánh mõ, thổi tù và báo động liên hồi, mọi người phải khẩn trương tham gia chữa cháy và bắt trộm

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

cướp trong làng hay việc khẩn cấp ngoài đồng.

- Tuần phiên do các hộ cử ra, hộ bé cử một người, hộ vừa cử hai người, hộ lớn cử ba người do trưởng hộ cất cử. Trưởng tuần điều hành tuần phiên hoạt động theo phận sự.

➤ *Việc đình đám*

- Đàn ông đến tuổi làm quan đám, nhất thiết phải ngủ tại đình để làm nhiệm vụ trong các ngày đình đám lễ hội (trừ người đang chịu tang).

- Đàn ông ra đình phải ngồi đúng chiếu (phân biệt theo đẳng cấp: Quan chức, hương lý, cụ thượng, điển lễ, nhiều nam, quan viên, trai hạng).

- Ở đình không được nói nhảm nhí, xằng bậy, không được gây gổ đánh cãi nhau.

- Những người là quan chức mới được viết văn, những người có học thức cao mới được đọc văn, những người có phẩm hàm bá hộ hoặc Tiên chỉ, Thứ chỉ hoặc Điền lễ mới được xướng tế.

- Nếu viết sai, đọc sai, xướng sai đều bị phạt và sửa lễ cúng Thánh xin ân xá, tha thứ.

- Làng còn có “định ước” về quan hệ kết nghĩa bang giao với làng Hương Trầm (Thụy Lâm) và làng Chóa (huyện Yên Phong) nên mọi người phải chấp hành nghiêm định ước nhất là về hôn nhân về quan hệ giao tiếp và phát ngôn.

➤ *Việc cưới, việc tang*

- Gái lấy chồng thiên hạ phải nộp một khoản tiền tương đương 500 viên gạch để xây đường làng.

- Trai lấy vợ thiên hạ phải nộp một khoản tiền thấp hơn gái lấy chồng thiên hạ.

- Trai gái trong làng lấy nhau cũng phải nộp một khoản tiền thấp nhất để xây dựng công trình công cộng.

- Người chết không để thi hài trong làng quá một ngày một đêm.

- Người chết ở ngoài làng không được mang về trong làng, ai cố ý vi phạm

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

bị phạt nặng và buộc mang ra khỏi làng tổ chức mai táng.

- Làng có người chết cả làng thăm viếng tiễn biệt.

- Khi nhà táng đi qua, người đang ngồi phải đứng dậy chào tiễn biệt. Khi nhà táng đến huyệt mộ thì những người đang làm bỏ nón tưởng niệm giây phút.

- Ngõ nào có người chết thì cả ngõ không ai cười đùa, không ai đi ăn cỗ khao cưới. Cả ngõ để tang 3 ngày, riêng đàn bà thì sỏ tóc.

Nhìn chung, hầu hết các điều khoản trong các bản hương ước mang tính tích cực, gắn kết với các cá nhân và các thiết chế tổ chức trong những nghĩa vụ và quyền lợi chung, đề cao tôn ty trật tự xã hội từ trong gia đình ra ngoài làng xã, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội.

Tuy nhiên trong bối cảnh của xã hội phong kiến, nhiều điều khoản của hương ước đã thành sợi dây ràng buộc người nông dân vào các khoản đóng góp nặng nề, gây tốn kém và lãng phí rất lớn, là một trong những nguyên nhân bản cùng hoá của người nông dân các làng.

Tóm lại cơ cấu tổ chức làng Lỗ Khê trước Cách mạng Tháng Tám 1945 là một phức hợp các thiết chế, trong đó giáp đóng vai trò quan trọng nhất, làm nhiệm vụ tổ chức thực hiện các công việc cộng đồng, dưới sự điều hành của hội đồng Kỳ mục và bộ máy chức dịch, dựa trên cơ sở pháp lý là Hương ước. Đó là một kết cấu tương đối hoàn chỉnh và chặt chẽ, gắn kết cá nhân với cộng đồng, giúp cho làng bảo đảm được các mặt đời sống qua các thời kỳ lịch sử, cả những thời kỳ bị chiến tranh, thiên tai ác liệt. Song kết cấu đó chỉ mang ý nghĩa tích cực khi chế độ phong kiến còn giữ được vai trò tiến bộ. Khi giai cấp phong kiến và thể chế của nó đi vào con đường suy vong, trở thành vật cản của sự phát triển xã hội, khi các kỳ mục chức dịch làng xã trở nên đối lập với nhân dân thì kết cấu đó trở thành bộ máy nặng nề áp bức và bóc lột nhân dân. Sau khi thực dân Pháp thiết lập ách thống trị lên đất nước ta thì kết cấu làng Lỗ Khê cũng như các làng Việt khác trên vùng trung du và châu thổ Bắc Bộ trở thành công cụ phục vụ đắc lực cho chính sách cai trị, bóc lột của chế độ thực dân đối với nhân dân ta.

Chương 2

NHỮNG GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VĂN HÓA CỦA LÀNG CA TRÙ LỖ KHÊ



2.1. CÁC THÀNH TỐ VÀ CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA VẬT THỂ

Như ở bao làng quê khác ở vùng Kinh Bắc và châu thổ Bắc Bộ, dù với mức sống nông nghiệp thấp kém, nhưng các thế hệ người làng Lỗ Khê cũng như người các làng xã Liên Hà vẫn ăn dùm để dành, dựng nên một hệ thống các đình, chùa, đền, miếu, văn chỉ, nhà thờ các dòng họ, làm nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng, làm vốn quý cho con cháu ngày nay.

2.1.1. Đình

Đình Lỗ Khê tương truyền là ngôi điện thờ Đệ nhất thành hoàng Điện Hưng, được dân làng dựng vào thế kỷ II trước Công Nguyên, lúc đầu ở bãi Đình Chiền, ngay trong khu vực đồn trại của Ngải. Đến khoảng thế kỷ III sau công nguyên, dân làng chuyển điện từ ngoài đồng về chỗ hiện nay. Về sau điện được mở rộng và nâng cấp thành ngôi Đình. Giữa thế kỷ XV, làng thờ thêm hai vị thành hoàng Dương Trục và Tô Quang, cùng với hai vị thần cũ gọi là “Vạn cổ tứ linh”.

- Điện Hưng: sinh năm 313 trước Công nguyên, thân mẫu là Vũ Thị Khang - người làng Mộ Trạch, huyện Đường Hào (nay là thôn Mộ Trạch, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương), rời quê đến chùa Pháp Vân, xã Vạn Kỳ, huyện Gia Định (nay là huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Giang), sau lại rời đến làng Lỗ Khê, rồi sinh ra Điện Hưng. Lớn lên, Điện Hưng văn võ toàn tài, giúp vua Hùng đánh lại nhà Thục. Sau khi mất, ông được dân làng Lỗ Khê thờ và được nhà nước phong kiến phong là “Hiển ứng linh phù đại vương, Thượng đẳng thần”.

- Thủy thần: Là con của Lạc Long Quân, cai quản sông Nguyệt Giang, chế ngự miếu Đầu Triền nên các sắc phong đều ghi là “Út Đầu Triền phổ tế linh ứng

*Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội*

đại vương, Thượng đẳng thần”.

- Dương Trục (1402 - ?): Quê ở trang Thanh Liêm, huyện Thanh Liêm, phủ Lý Nhân (nay thuộc tỉnh Hà Nam). Ông từng theo Lê Lợi đánh giặc Minh, đóng quân ở làng Lỗ Khê. Trong thời gian đóng quân ở đây, Dương Trục đã cho quân lính cùng dân làng đào 72 cái chuôm và 11 mạch để trữ nước tưới cho đồng ruộng, trồng cây gai quanh làng làm hàng rào bảo vệ làng và đồn trại, Vì thế ông được dân làng thờ và nhà nước phong kiến phong là “Hầu Đại liêu đại vương, Thượng đẳng thần”.

- Tô Quang: là người cùng quê, anh em con cô con cậu với Dương Trục, lại là con nuôi của cụ Dương Bang (thân sinh ra Dương Trục và là anh trai của mẹ mình). Hai anh em cùng theo Lê Lợi đánh giặc Minh và mất cùng ngày (mùng bảy tháng chín). Ông cũng được nhà nước phong kiến phong là “Hầu Đại liêu đại vương”, lúc đầu chỉ là Trung đẳng thần, đến thời Nguyễn, nâng lên thành Thượng đẳng thần.

Kể từ thời nhà Nguyễn, trong văn tế ở đình, xếp thứ tự các vị Thánh như sau:

- Đệ nhất thần vị: “ Điện Hưng hiển ứng linh phù đại vương ” (Thời Hùng)
- Đệ nhị thần vị : “ Dương Trục hầu đại liêu đại vương ” (Thời Lê)
- Đệ tam thần vị: “ Tô Quang hầu đại liêu đại vương ” (Thời Lê)
- Đệ tứ thần vị: “ Út Đầu Triền phổ tế linh ứng đại vương ” (Thời Hùng)

Đặt chân đến trước cổng đình, chỉ cần đọc đôi câu đối bên ngoài và trong cổng ta đã phần nào hiểu được nét văn hóa của Đình Lỗ Khê.

Câu đối mặt ngoài cổng :

*“ Tứ vị thần từ công hiển hách
Lưỡng triều lịch sử Thánh anh linh”.*

Lược dịch:

(Đình thờ bốn vị Thành Hoàng có công với nước,
Bốn vị Thánh của hai triều đại lịch sử).

Câu đối mặt trong cổng:

“Văn hóa ca trù dân ngưỡng mộ

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

Cung đình lịch sử quốc bao phong”.

Theo quan niệm phong thủy, đình được dựng trên đầu con rồng nhìn hướng Tây Nam, hai mắt rồng là hai giếng nước ở cổng Đông và cổng xóm Tây, là những nơi quang đãng, không bị tầm che khuất. Đây là mảnh đất tốt nhất về “ngũ hành”, phát cả về nhân đinh, thịnh vượng và tài lộc. Quanh làng lại có 10 gò đồng “tiền tam thai, hậu thất diệu”, tượng trưng cho 10 ngọn đèn thần chiếu vào đình, vào mọi nhà trong làng.

Đình được xây dựng hoàn chỉnh, cả phần nề và mộc đều mang đậm phong cách chạm khắc hoa văn kiến trúc thời Lê. Đình không làm sàn, từ đình trên đến đình dưới cho đến tam quan chiều rộng gian giữa thẳng hàng và bằng nhau, nền hạ thấp 15 phân so với gian phải trái. Thêm đình dưới và tam quan đều lát đá xanh, bậc tam cấp. Hai bên hậu có tả trù, hữu trù. Hai bên sân đình trong có tả mạc và hữu mạc. Trước đình có mái tam quan, trên cửa gian giữa có bốn chữ lớn “Thánh cung vạn tuế”. Gian tam quan bên phải có dựng bia đá ghi lại sự tích đình làng (bia nay không còn). Phía trước và sau nam đình có hai cây đa cổ thụ ước tính ngàn tuổi, đứng ở đường sắt phủ Từ Sơn có thể nhìn thấy cây đa đình Lỗ Khê (nay không còn). Cạnh gốc đa trước đình có tượng chó đá to, cổ đeo nhạc ngẩng đầu nhìn về hướng tây nam. Nghe nói, trong mình chó được yểm kim khí bùa làm cho tượng chó có hồn, có sức mạnh vô biên để “trấn ” trừ khử mọi yêu ma quỷ quái, không thể xâm phạm vào đình làng, giữ cho làng xóm thịnh vượng bình yên. Sau đình có năm từ chỉ, trong đó có một thờ đức Khổng Tử. Phía ngoài thành sau đình có cánh cung (thường gọi là tay ngai). Bên tây đình có một nghiên, một bút là của báu thánh trao lại cho làng, nghiên mực nay vẫn còn. Bút nghiên của Đức Thánh cả để lại và truyền rằng: “ Để mất bút nghiên thì con cháu làng sẽ dốt nát ”.

Hiện tại trong đình không còn lưu tài liệu Hán Nôm nào về quá trình dựng đình bằng gạch ngói. Theo các bậc cao niên trong làng thì vào năm Kỷ Ty đời vua Tự Đức (1869), quân đội triều đình về làng trấn dẹp giặc Thảo Khấu.

Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà huyện Đông Anh, Hà Nội

Ngày 21 tháng Chín, đình bị đốt cháy dân làng lại quyên góp tiền của dựng lại đình, tổ chức rước các vị thần tạm trú ngụ ở gốc đề Cầu Bài, gốc đa Mạch cây đa, gốc đa công trại và gốc đa ven miếu sông Nguyệt Giang (huyện Yên Phong). Năm Mậu Ngọ đời vua Khải Định (1918), đình được trùng tu, phục chế và mở rộng cửa võng theo các đường nét chạm khắc thời Lê. Năm Tân Ty đời vua Bảo Đại (1941), mở rộng lòng giếng đình.

Đình trước đây được cấu trúc chữ “Nhị”, gồm nhà Tiền tế và Đại đình, mỗi tòa năm gian. Nối Tiền tế là hai tòa Tả mạc và Hữu mạc. Hai bên Hậu cung có Tả trù và Hữu trù. Trong tòa Đại đình không có sàn mà chỉ lát đá xanh, cao hơn thêm đình.

Đình Lỗ Khê cùng với ba ngôi đình Hà Vĩ, Hà Lỗ, Hà Hương thuộc xã Liên Hà đã được xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

Có thể nói rằng ít có ngôi đình nào ghi nhiều dấu tích lịch sử văn hóa như đình làng Lỗ Khê. Đó là sự kiện vua Đinh Tiên Hoàng đã làm lễ thần và xin thánh Thủy Thần “Mỹ tự âm phù” về kinh đô cầu mưa. Được toại nguyện, vua Đinh Tiên Hoàng phong tặng hai đức thánh bốn chữ vàng: “Nhị vị đại vương” (năm 978); Tiếp đến sự kiện vua Lê Đại Hành làm lễ thánh tại đình và phong tặng hai đức thánh bốn chữ: “Trung đẳng phúc thần” (981); Vua Lê Thánh Tông khi lên ngôi làm thơ gửi đến Lỗ Khê, ca ngợi hai vị thánh có công lớn phò Lê Lợi chống giặc Minh (1460); Đặc biệt đình làng Lỗ Khê đã được vinh dự đón chủ tịch Hồ Chí Minh về chúc tết vào ngày mồng một tết nguyên đán năm Giáp Thìn (13/2/1964). Đây là một sự kiện chính trị đặc biệt, một hạnh phúc lớn lao nhất trong ngàn năm lịch sử của làng Lỗ Khê.

2.1.2. Chùa Bụt Mọc (Quang Linh Am tự)

Lỗ Khê là một làng có chùa từ sớm. Tương truyền từ thời Văn Lang, làng đã có điện thờ “Bụt đá”. Truyền thuyết kể rằng, vào một đêm trăng thanh, bụt đá mọc lên, dân làng đi lấy nước thấy chuyện lạ trên đồi “Bạch ngô công” (đồi con rếp trắng) có mười hòn đá xanh ngồi hai hàng hình thù kì dị trông hiền từ. Người

*Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội*

xưa cho rằng trời đất mang điềm lành đến cho dân làng nên lấy đá đắp xung quanh gọi “Quang Linh am điện” - tiền thân của chùa Bụt Mộc sau này. Đến thế kỷ thứ 3 sau công nguyên, đổi tên thành “Quang Linh am tự”.

Dân làng quen gọi nôm na là chùa Bụt Mộc hoặc chùa Đồng (do chùa tọa lạc trên một quả đồi giữa cánh đồng).

Đến thời Lê thế kỷ XV, chùa xây dựng hoàn chỉnh. Ở ngoài đồng thì xây 5 gian chùa có tòa tam bảo - thập điện. Trong cùng là Am Bụt đá, cửa chùa là gác chuông. Trong làng thì xây 5 gian nhà tổ, đến thời nhà Nguyễn thì xây 5 gian nối tiếp là 10 gian. Sư ni ở cả nhà Tổ, trong làng thường có 4 - 5 nhà sư. Làng giao cho nhà chùa 5 mẫu 2 sào ruộng để sinh sống và sửa các lễ vấn. Các cụ bà chỉ ra lễ chùa không phải sửa vấn, chùa có 3 thầy cúng là người làng chuyên trách. Nhà Tổ trong làng hàng năm thường có các nhà sư ở các làng huyện Đông Ngàn đến tập trung có khi 2, 3 ngày học.

Năm 1947, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, chùa được chuyển vào trong làng. Hưởng ứng lời kêu gọi kháng chiến của chủ tịch Hồ Chí Minh, dân làng đem quả chuông đồng thời Lê nặng 260 kg ủng hộ bộ đội đúc súng đạn. Chùa cũng được sơ tán vào trong làng. Trong nhiều đời sư cụ trụ trì, đã có 4 vị sư đắc đạo được tạc tượng lưu truyền hàng trăm năm, cho đến nay vẫn được bảo tồn. Trên nền chùa cũ, hiện nay vẫn bảo tồn nguyên vẹn ba tòa tháp cổ và sáu đế chân tượng đá Bụt Mộc.

Năm 1996, chùa được dựng lại theo kiến trúc cũ, ở sau đình, nằm trong quần thể di tích lịch sử văn hóa đình làng và nhà tưởng niệm Bác Hồ.

Một làng có hai chùa đó cũng là điều đặc biệt chỉ có ở làng Lỗ Khê.

Chùa Bụt Mộc là một thắng cảnh nổi tiếng gần xa, khách thập phương đến tham quan, lễ cầu nhơn nhip vào tháng Giêng, tháng Hai âm lịch hàng năm. Khách thăm chùa rất thích thú chiêm đèn đốt đuốc vào am chiêm ngưỡng Bụt Mộc gồm mười vị ngồi hai hàng thẳng băng, mỗi vị có một khuôn mặt hình dáng tư thái khác nhau, những tác phẩm kỳ diệu của tạo hóa.

2.1.3. Các di tích khác

● Nhà thờ Ca công

Nhà thờ ca công được xây dựng từ thời Lê do 12 họ của giáo phường hàng phủ góp tiền xây dựng. Nhà thờ được làm bằng gỗ lim với 5 gian nhà thờ Tổ, là dấu tích lịch sử minh chứng cho Lỗ Khê là đất tổ Ca trù. Năm 2001 nhà nước cho sửa lại. Đến nay nhà thờ vẫn còn lưu giữ được những bảo vật như: tượng thần hai vợ chồng Tổ sư tạc đúc bằng gỗ quý để trong khám; Thần phả ghi sự tích do tiên sĩ Đào Cử viết năm Hồng Đức thứ 7 (1476); Bốn chữ đại tự “ Sinh - Từ - Tự - Diên; Các đạo sắc phụng phong của vua triều Nguyễn.

Nhà thờ Ca công là nơi giáo phường ca trù khắp nơi về tụ họp tưởng nhớ đến nhị vị tổ sư ca trù vào ngày sinh và ngày hóa.

● Nhà thờ hai chí sĩ cách mạng

Hai ông đồ Phạm Hoàng Triết và Phạm Hoàng Luân sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo về đời sống kinh tế nhưng lại là một gia đình rất giàu về tri thức văn hóa.

Cụ ông thân sinh ra hai ông đồ là Phạm Hoàng Thỏa - một nhà nho hiền triết mẫu mực về lối sống giản dị. Mẹ hai ông là Chu Thị Sào, người nhà nông thuần túy lam lũ chân lấm tay bùn, chất chiu tần tiện nuôi dạy con cái học hành. Cụ ông và cụ bà sinh ra được 4 người con:

- Người con trai cả là ông Phạm Hoàng Trù, thi đỗ cử nhân khoa Đinh Dậu (1897) và được nhà nước phong kiến mời ra làm quan tỉnh Thái Bình.
- Người con thứ hai là ông Phạm Hoàng Văn cũng là một nhà nho yêu nước, là một người con trung kiên đáng tin cậy của phong trào yêu nước lúc bấy giờ.

Được sinh ra và lớn lên trong một gia đình nho học, trên mảnh đất giàu truyền thống cách mạng, tất cả điều đó đã sớm hun đúc trong hai ông lòng yêu nước. Chính vì vậy, trong phong trào của các tổ chức cách mạng năm 1907 - 1913 ở Lỗ Khê có cả hai ông đã xếp bút nghiên thi cử để tìm đường cách mạng cứu nước, đã tham gia vào tổ chức Việt Nam Quang Phục hội - một tổ chức do nhà

ái quốc Phan Bội Châu sáng lập ra. Hai ông là người đầu tiên trong xã dùng vũ khí tiêu diệt thù trong giặc ngoài ở thời kỳ Đảng cộng sản Việt Nam chưa ra đời. Cả hai ông đã hy sinh trên bàn máy chém của thực dân Pháp ở công nhà tù Hỏa Lò, để lại danh thơm cho quê hương, vẻ vang cho đất nước.

Năm 2006, huyện Đông Anh tổ chức cuộc hội thảo với sự tham gia của các nhà sử học, cán bộ văn hóa các cấp, viện bảo tàng cách mạng, ban quản lý nhà tù Hỏa Lò, các đồng chí lãnh đạo huyện, xã, thôn nhằm đánh giá công lao to lớn của hai ông đồ và đề xuất với các cấp có thẩm quyền chủ trương ghi công tích lâu dài. Và nhà thờ hai chí sĩ cách mạng đã sớm được xây dựng là một danh mục di tích lịch sử văn hóa làng. Làng Lỗ Khê lại có thêm một công trình di tích sau công trình nhà lưu niệm Bác Hồ do lãnh đạo huyện Đông Anh xây dựng vào giữa lúc Hà Nội và cả nước chuẩn bị đại lễ kỉ niệm 1000 năm Thăng Long, người Lỗ Khê biết mấy tự hào về văn hóa và những con người xưa nay của quê hương mình đã tạo nên.

2.2. CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Trên cơ sở nền nông nghiệp ruộng nước, với một hệ thống đình chùa đền miếu, với tín ngưỡng thờ thành hoàng là trung tâm, hàng năm cư dân làng Lỗ Khê tổ chức các hoạt động thờ cúng, các sinh hoạt văn hóa theo một lịch trình phân công hài hòa và nghiêm ngặt.

2.2.1. Phong tục tập quán

● Tục kết nghĩa

Việc kết nghĩa giữa Lỗ Khê với các làng sử sách không ghi chép và cũng không ai biết bắt đầu từ khi nào. Các cụ kể lại: Việc kết nghĩa hai bên có xây dựng định ước. Nội dung về hôn nhân, về giúp nhau bảo vệ sản xuất, về giao lưu văn hóa, về đi lại ngày hội làng của hai bên...

Dân Lỗ Khê với dân làng Chóa và dân Lỗ Khê với làng Hương Tràm từ xa xưa đến nay vẫn coi nhau như anh em cùng bọc sinh ra, trai gái hai làng kết nghĩa không được lấy nhau, coi tục lệ này nghiêm như luật.

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

Lỗ Khê và Hương Tràm là hai làng ruộng đồng liền nhau, do Điện Hưng và Cao Minh kết nghĩa từ thời vua Hùng. Hai làng luôn kề vai sát cánh bên nhau trong bảo vệ sản xuất và giao lưu văn hóa.

Lỗ Khê và Chóa kết nghĩa với nhau do thủy thần có công phù Điện Hưng đánh giặc. hai làng dù cách nhau hàng chục cây số, nhưng theo định ước nhất niên nhất lệ, dù mưa dầm gió bắc, đường xá lầy lội, đoàn đại biểu hai làng vẫn cứ áo toi nón lá che mưa đến với nhau đúng ngày hẹn.

Văn hóa kết nghĩa của làng Lỗ Khê với hai làng Hương Tràm và Chóa được thể hiện rõ nét qua sự giao lưu văn hóa trong những ngày hội của các làng với nhau.

Vào ngày hội mồng 10 tháng Giêng của Lỗ Khê thì ở Chóa cử đại diện sang Lỗ Khê, lễ vật gồm có hương sào (hương đen), làng Lỗ Khê chờ lễ của làng Chóa thắp hương vào đình rồi mới tế thần. Ngược lại đến ngày hội của làng Chóa vào mồng 6 tháng Giêng thì làng Lỗ Khê cũng cử người mang lễ vật là rượu hoàng đến và chỉ khi Lỗ Khê vào thì làng Chóa mới rước.

Vào hội tháng mồng 10 tháng Tám, bên Hương Tràm cũng sang chung vui cùng dân làng Lỗ Khê, dự liên hoan tại đình và giao lưu văn hóa chúc mừng nhau. Ví dụ:

Anh cả Hương Tràm hát xướng:

*“ Nay mừng vận mở thái hòa
Dân anh nhập tiệc xướng ca sự thân
Cả làng nhớ nghĩa giao lân
Có thư định ước hai dân hội đồng
Em sang yết lễ thánh cung
Anh ban chén ngọc mâm đồng làm vui
Trà nhất chẩn tửu tam bôi
Em xin chúc vịnh mấy lời cùng anh
Mừng cho già trẻ khỏe bình
Mừng dân anh được đa đình phú cường”*

Quan viên Lỗ Khê hát xướng lại:

*“ Mừng đất nước thái bình thịnh trị
Mừng năm qua hòa cốc phong đăng
Mừng hai dân sản xuất gia tăng
Mừng hàn sĩ đạt bằng khoa bảng”*

Sau thời kỳ chiến tranh gián đoạn, từ lâu Lỗ Khê và Chóa (gồm hai thôn Trâu Lạc và Lạc Trung) kể từ ngày 6 tháng giêng năm Bính Thìn (1976) đã khôi phục hoạt động kết nghĩa phát huy truyền thống xưa lên một tầng cao mới. Tuy chưa khôi phục quan hệ kết nghĩa như xưa, những tình nghĩa phong tục huynh đệ giữa nhân dân hai làng Lỗ Khê và Hương Tràm không hề thay đổi.

Mở rộng quan hệ bang giao thân hữu là một truyền thống văn hóa cực kỳ quý báu của nhân dân Lỗ Khê ta từ xưa đến nay.

● ***Tục cưới xin***

Cưới xin là một trong những việc trọng đại nhất trong cuộc đời một con người. Chính vì vậy đối với người Việt Nam ở châu thổ Bắc Bộ nói chung và người dân Lỗ Khê nói riêng, cưới xin không chỉ là việc của đôi nam nữ mà còn là việc của cả gia đình, dòng họ, xem cửa nhà hai bên có tương xứng không, có môn đăng hộ đối hay không.

Hôn nhân còn phải đáp ứng quyền lợi của làng xã. Tục nộp cheo chính là phương tiện kinh tế phục vụ cho nhu cầu ổn định làng xã. Khi lấy nhau đôi trai gái phải nộp cho làng một khoản “lệ phí” gọi là “cheo” thì đám cưới mới được xem là hợp pháp. Theo như hương ước của làng Lỗ Khê có quy định lệ nộp cheo như sau:

- Nộp cheo nội quán là con trai làng lấy con gái làng thì sửa 1 buồng cau ước 50 quả giở lên và 1,8đ nộp công quỹ. Buồng cau ấy trong khi ai có mặt thì cùng tiêu.
- Cheo ngoại quán là người làng khác lấy con gái làng phải sửa buồng cau ước 100 quả giở lên và 5đ nộp công quỹ. Buồng cau ấy cũng theo như hạng ở trên.

Việc phân biệt và thu nặng cheo ngoại hơn cheo nội là dấu hiệu rõ nhất cho thấy tục nộp cheo chính là một biện pháp kinh tế, một kiểu “đánh thuế hàng ngoại”. Khoản tiền này thường dùng vào những việc công ích như tu bổ đình chùa, đào giếng, xây công làng, đắp đường lát gạch...

Khi các quyền lợi của tập thể cộng đồng được tính đến cả rồi, lúc ấy người ta mới lo đến nhu cầu riêng tư.

Cũng như các làng quê khác, phong tục cưới xin ở làng Lỗ Khê xưa cũng tiến hành theo trình tự 6 lễ là:

- Lễ nạp thái: Nhà trai báo cho nhà gái về sự kén chọn của mình.
- Lễ vấn danh: Nhà trai mang lễ đến hỏi về tên tuổi, ngày sinh tháng đẻ của người con gái để so tuổi giữa hai người, đối chiếu xem hợp hay xung.
- Lễ nạp cát: Lễ báo sự hợp tuổi và chính thức đính ước cùng nhau.
- Thỉnh kỳ: Lễ xin ngày cưới
- Lễ nạp tệ: Nhà trai dẫn đồ cưới
- Thân nghinh: Nhà trai làm lễ cưới và đón dâu.

Ngày nay, ở Lỗ Khê hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tình yêu. Thanh niên nam nữ được tự do tìm hiểu, để có được một người bạn tâm đầu ý hợp cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc. Thủ tục đăng ký được tiến hành ở Ủy ban nhân dân xã, các nghi lễ được tiến hành đơn giản chủ yếu gồm: dạm ngõ, ăn hỏi và lễ cưới. Lễ cưới là niềm vui của hai bên gia đình với mong muốn con cái được sống hạnh phúc bên nhau nên không còn lệ thách cưới, lễ vật tụt vào hoàn cảnh của từng gia đình.

● ***Tục tang ma***

Tang ma là nghi lễ đánh dấu bước cuối cùng của chu kỳ loài người. Ngoài một bộ phận dân cư quan niệm “chết là hết” thì đông đảo người dân Lỗ Khê cho rằng chết là chia lìa cuộc sống ở trần gian để đến với cuộc sống ở cõi âm với quan niệm “trần sao, âm vậy”. Chính vì thế mỗi gia đình khi có tang thường làm mọi thủ tục sao cho người chết được an nghỉ nơi chín suối. Ngày mà

một con người chết đi được cả gia đình và dòng họ ghi nhớ là ngày giỗ.

Trước cách mạng tháng Tám, ở Lỗ Khê khi gia đình có tang thì giáp có trách nhiệm tổ chức lo tang, đưa đám, theo các nghi lễ cơ bản giống như nhiều làng quê khác trong xứ Kinh Bắc. Gia đình có tang phải báo cho Lý trưởng và Hộ lại chứng thực, sau đó báo cho giáp xin người đi đưa đám (đô tùy). Thông thường thì đô tùy có 32 người. Với các gia đình nghèo hoặc người chết còn ít tuổi thì đô tùy gồm 16 người. Giáp nào không đủ người thì mượn người của giáp khác đi thay. Người nào cùng khó không có ai họ hàng thân thuộc gì thì làng trích tiền công quỹ cho để mua ván đắp điếm cho.

Lễ đưa tang được xem giờ kỹ lưỡng từ giờ khâm liệm đến giờ phát tang và giờ chôn cất để tránh sự trùng tang.

Sau khi chôn cất người quá cố, gia đình tang chủ phải làm bữa cơm trả ơn hàng giáp. Tục cũ mời làng ăn uống xa phí, nay nộp ma bằng tiền hạng nhất nộp 4đ, hạng nhì 2đ, hạng ba 1đ bỏ công quỹ.

Đối với người ngụ cư, người ở làng khác muốn xin để mồ mả ở địa phận làng trước hết phải tường Hương lý và Tuần tráng để xem xét có đích thực không sau phải sửa lễ Yết Thần và nộp 5đ, cũng như lệ nộp cheo ngoại quán vậy, rồi mới được chôn. Nếu về sau lại muốn dời mộ đi nơi khác cũng phải tường Hương lý chứng kiến mới được mang đi.

● *Tục khao lão*

Khao lão là một trong những hình thức của tục khao vọng có hầu hết ở các làng quê Việt Nam nói chung và ở Lỗ Khê nói riêng. Hàng năm cứ chiếu theo sổ nhập giáp, những người tới 50 tuổi thì hôm 30 tết làm lễ giao thừa phải sửa 100 khẩu giàu lễ thần rồi được lên ngôi Hương lão. Đến 61 tuổi người nào chưa có vị thứ kỳ cựu hay Nhiêu nam thì vọng 3đ thì mới được dự lễ sóc vọng, nếu ai không chạy số tiền ấy thì đến 70 tuổi mới được dự sóc vọng.

Sau lễ khao lão, đương sự được xếp vào hàng cụ ở đình làng trong các kỳ lễ, tết, hội họp hàng năm còn không phải đóng sưu và phu phen tạp dịch. Chính

vì vậy, xưa kia ai đến tuổi và đến lượt khao lão theo sổ hàng giáp đều cố gắng lo cho đủ để làm cỗ khao, để chính thức được bước vào chiếu trên trong các kỳ việc làng.

2.2.2. Lễ hội

Trong năm làng có hai kỳ hội chính vào tháng Giêng và tháng Tám

● Hội “Kỳ Phúc” tháng Giêng

Ngày xưa, hàng năm vào tháng Giêng làng mở hội “ Kỳ Phúc”. Những năm mất mùa đói kém làng không mở lễ hội, mà các cụ chỉ làm lễ thập bái từ mồng Một đến mồng Mười tháng Giêng.

Theo lệ cổ thông thường có hai mức: Đầy trà (từ mồng 10 đến 26) và Bán trà (từ 10 đến 19), song thường chỉ làm Bán trà vì Đầy trà rất tốn kém, chi phí mất khoảng 600 đồng (theo Hương ước năm 1942); Còn Bán trà chi phí cũng hết 300 đồng. Các ngày hội đều có các châu hát.

Nội dung của kỳ hội tháng Giêng diễn ra như sau:

- Ngày mồng 10: Nhập tịch và đón đoàn đại biểu làng Chóa kết nghĩa. Lễ vật đón Quan Anh nhất thiết phải có rượu hoàng (rượu nếp cô); ngược lại Quan Anh mang đến đặc sản hương sào (hương thấp to và dài).

- Ngày 11: Rước văn đi trên đoạn đường từ cổng Đình Gia đến cầu Đỏ, vòng về Đình khoảng 800 mét, đi trong khoảng 8 giờ sáng đến 12 giờ trưa.

- Ngày 12: Buổi tối các cụ và quan viên nhắm tiệc châu thứ nhất tại đình. Cô đầu hát, quan viên xướng về (thương thẻ tre).

- Ngày 13: Rước Mục lục đi nhanh hơn ngày 11, trong thời gian 2 tiếng.

- Ngày 14: Nếu được mùa thì làng mời anh cả Hương Trầm dự lễ hội. Anh xuống 80 người, dự liên hoan tại Đình, vừa ăn vừa nghe cô đầu hát và xướng về giao lưu văn hóa, chúc mừng nhau.

- Ngày 15: Rước lễ của các cụ bà từ nhà tổ chùa ra đình

- Ngày 16: Buổi tối châu nhắm thứ hai của quan viên, cô đầu hát xướng.

- Ngày 17: Cô đầu dâng rượu quỳnh chúc các cụ. Ả đào tay múa tay nâng

ly rượu, miệng hát chúc tụng.

- Ngày 18: Cô đầu chúc rượu quỳnh quan viên. Giáo phường cử các cô đầu trẻ đẹp múa hát và chúc rượu. Cách thức cũng như trên.

- Ngày 19 (Giã đám): Cô đầu múa cây bông. Khi múa, trai làng nắm thắt lưng nhau rỗng rần ba vòng qua gằm hậu cung. Múa xong, cô đầu ném cây bông cho trai làng. Ai cướp được cây bông coi như người ấy được Thánh ban lộc “trong năm nếu ốm đáng chết thì sống, nếu gặp hạn thành may”.

Trong các ngày hội còn có tuồng cổ, thi vật, cờ tướng và một số trò chơi khác.

Sau hội ít ngày, tổ chức lễ hội Kỳ yên, nhằm cầu bình yên cho dân làng.

Ngày nay, lễ hội làng thực hiện qui chế chung của ngành văn hóa và đổi mới nhiều phong tục, nên lễ hội tháng Giêng chỉ tổ chức gọn trong ba ngày (10 - 12) với tinh thần cần kiệm, tươi vui, lành mạnh, giữ gìn bản sắc văn hóa quê hương.

● *Hội tháng Tám (mùng ngày sinh của Đức thánh Dương Trục)*

Hội được tổ chức trong ba ngày, từ mùng 10 đến ngày 12 tháng Tám hàng năm.

Tương truyền, sinh thời đức thánh Dương Trục đóng quân ở làng, vào ngày sinh nhật cho mổ trâu khao quân, mời cả làng ăn thịt trâu, nên tục lệ đâm tháng Tám mừng ngày sinh của Thánh cả làng góp tiền mua trâu thịt tại đình, chia đều thịt sống, từng miếng da, khúc lòng theo khẩu phần đóng tiền. Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, tục giết thịt trâu vẫn còn, đến sau khi hòa bình lập lại, nhà nước cấm giết trâu bò cày mới bỏ tục lệ giết trâu. Ngoài ra còn bốn cỗ chay do các viên cai đám, cai tế sửa, một cỗ chay đóng cửa đền do những người làm lễ sóc vọng sửa.

Ngoài hai kỳ hội chính, trong năm làng Lỗ Khê còn có các lệ và lễ sau:

- Tết Nguyên đán (ba ngày), các chức dịch làm lễ xôi gà ở đình.

- Từ mùng 4 đến mùng 6 tháng Giêng, trong ba ngày đám các viên cai đám sửa lễ chay. Ngày mùng 4 lễ cỗ chay (hay lễ Thánh đàn), trước đây lấy tiền công

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

quỹ chi cho lễ này, từ năm 1940 bỏ cho bốn giáp sửa, cỗ gồm bánh dày to, bông, chè lam, cam, mía. Cùng ngày này có lễ đãi Ca công.

- Thanh minh (mùng 3 tháng Ba) và các lễ giỗ hậu làng, do những người cày ruộng sóc vọng và ruộng hậu sửa lễ.

- Đoan ngo (mùng 5 tháng Năm) và tết Trùng thập (mùng 10 tháng Mười) do nhà sư sửa lễ (có ruộng ở sau đình).

- Xuân tế (Rằm tháng Giêng) và Thu tế (Rằm tháng Tám): tế Tiên hiền (Khổng Tử và những người đỗ đạt) ở Văn chỉ do Tư văn sửa lễ.

- Tứ quý Kỳ phúc (mùng 10 tháng Ba, mùng 9 tháng Bảy, 20 tháng Một và mùng 1 tháng Chạp) do các Giáp sửa lễ.

- Lễ Hạ điền (xuống đồng) vào đầu tháng Sáu, các Giáp sửa lễ; đến mùng chín tháng Bảy làm lễ Thượng điền, kết thúc vụ cấy mùa, cũng là ngày giỗ Thánh Tô Quang và Dương Trục.

- Lễ Thường tân (cơm mới, xôi mới): những người cấy ruộng cùng các giáp sửa lễ khi có lúa chín.

- Lễ Phong mã (27 tháng Chạp): những người dự lễ sóc vọng sửa lễ.

2.2.3. Truyền thống cách mạng và truyền thống khoa bảng

Tuy là một làng kinh tế chưa phát triển, chủ yếu làm nghề nông lam lũ vất vả nhưng các gia đình vẫn khắc phục nhiều khó khăn, chắt chiu tận tiện nuôi chồng nuôi con ăn học đỗ đạt.

Theo gia phả của một số họ, tính từ thời Lê đến triều Nguyễn, nhất là từ Hậu Lê năm 1536 trở lại, Lỗ Khê đã có 34 người thi đậu Hán Nôm từ cử nhân, hương cống xuống đến tú tài. Trong đó 7 người trúng cử nhân, hương cống.

Làng có 21 người có học, làm quan chức hành chính về tư pháp, giáo dục, võ quan. Nhiều nhất là họ Phạm có 16 người làm quan.

Làng có 39 người là thầy lang, thầy đồ dạy học ở trong làng và thiên hạ qua nhiều đời. Có gia đình ba anh em ruột là thầy đồ như họ Hoàng và họ Nguyễn nhà cụ đồ Sân. Có gia đình bố con cùng một khoa thi như họ Phạm. Cụ đồ Ba người họ

Phạm tuy lấy vợ và dạy học ở làng Tỏi, xa quê hương nhưng vẫn tâm huyết với quê hương. Cụ đã làm thơ ca ngợi cảnh làng và làm một câu đối nói về con người Lỗ Khê thời Lê:

“Trai luyện tài kiếm cung sách bút,
Gái cần mẫn đồng ruộng cầm ca”.

Những nét thanh lịch ấy đến nay vẫn còn in đậm trong phong cảnh nếp sống của làng ta.

Phong trào học chữ Hán - Nôm thời Lê - Nguyễn đã góp phần nâng cao tri thức và cốt cách tinh thần thanh lịch nho nhã cho con người Lỗ Khê.

Từ cái nôi văn hóa ấy, làng đã có hàng chục nhà nho yêu nước. Nổi bật họ Hoàng có hai anh em ruột là thầy đồ năm 1912 đã gia nhập và trở thành cán bộ lãnh đạo của phong trào “Việt Nam quang phục hội”, đó là hai ông Phạm Hoàng Triết và ông Phạm Hoàng Luân.

2.3. CA TRÙ – NÉT VĂN HÓA ĐỘC ĐÁO CỦA LÀNG LỖ KHÊ

2.3.1. Lỗ Khê – Đất Tổ ca trù

Vùng đất Lỗ Khê xưa nay vẫn được coi là đất tổ ca trù. Theo thần tích, Đinh Dự là con trai của tướng quân Đinh Lễ và vợ là Trần Minh Châu. Sau này, ông kết duyên cùng Đường Hoa Tiên Hải, người con gái chuyên dạy hát tại các giáo phường. Hai vợ chồng trở về Lỗ Khê mở giáo phường và truyền nghề hát ả đào khắp vùng. Từ đó, ca trù cứ truyền từ đời này sang đời khác, từ đất Lỗ Khê lan khắp nơi trên Đại Việt xưa. Khi hai vợ chồng qua đời dân làng lập đền thờ ở trang Lỗ Khê thờ vợ là Mãn Đường Hoa công chúa. Hàng năm, cứ đến ngày sinh (6.4 Âm lịch) và ngày mất (13.11 Âm lịch) của thần tổ nghề, con cháu mang trong mình huyết mạch của ca trù từ tám phương chín hướng lại qui tụ về Lỗ Khê để cất lời ca dâng trình cụ tổ. Do bản thần tích có nội dung dài nên em xin chuyển xuống phần phụ lục (phụ lục 1)

2.3.2. Tổ chức giáo phường ca trù Lỗ Khê

Ca trù Lỗ Khê gắn với giáo phường hàng Phủ của đạo Kinh Bắc (giáo

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

phường to nhất của nước ta lúc bấy giờ), trên địa bàn khá rộng của 12 họ, 11 làng hàng phủ. Cụ thể:

- Làng Trịnh Nguyễn (làng Ngòi) và làng Trịnh Xá thuộc huyện Đông Ngàn, nay cùng thuộc Châu Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
- Làng Dương Sơn (làng Chỗ), làng Phúc Tinh thuộc huyện Đông Ngàn, nay cùng thuộc xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
- Làng Thụy Hà, làng Quan Âm nay cùng thuộc xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh.
- Làng Lại Đà, huyện Đông Ngàn, nay thuộc xã Đông Hội, huyện Đông Anh.
- Làng Đông Lâu, làng Hồi Quan huyện Yên phong, nay thuộc hai xã Đông Tiến huyện Yên phong và Tương Giang, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
- Làng Phú Lâm huyện Tiên Du, nay thuộc xã Phú Lâm, huyện Tiên Du.
- Làng Lỗ Khê có hai họ:
 - ✓ Họ Nguyễn Văn, Tổ họ là Nguyễn Văn, hiệu Phúc Chính Tiên sinh.
 - ✓ Họ Nguyễn Thế, Tổ họ là Nguyễn Thế Nho, hiệu Trung Trực Tiên sinh.

Hai cụ tổ của hai họ nói trên là học trò của ông Đinh Dự. Kể cả hai cụ tổ bà của hai họ là người tiếp nối ông Đinh Dự và bà Đường Hoa truyền dạy ca trù đời nọ kế tiếp đời kia cho đến hôm nay không có gián đoạn. Lịch sử sáu trăm năm chưa rõ bao nhiêu đời, vẫn còn nguyên tượng thần hai tổ sư ở nhà thờ.

Cũng như các giáo phường khác, giáo phường Lỗ Khê có những luật lệ qui định rất nghiêm ngặt đối với đào kép.

● ***Về mặt tổ chức***

Xét về mặt tổ chức và sinh hoạt, thì giáo phường Lỗ Khê có quy củ và kỷ luật chặt chẽ những tiêu chuẩn cần thiết để làm cho giáo phường vững mạnh cả về tinh thần lẫn vật chất.

Như trên đã trình bày thì giáo phường Lỗ Khê có 12 họ (thập nhị tính).

Mỗi họ cử một người kỳ cựu hiểu luật hát ca trù làm *trùm họ*. Các ông trùm họ bầu người có khả năng có uy tín nhất làm *Quản giáp* phụ trách điều khiển tất cả mọi việc của giáo phường. Quản giáp giáo phường Lỗ Khê được quan tỉnh Bắc Ninh cấp bằng công nhận, nên từ trùm họ đến đào kép, ai nấy đều tôn trọng nội quy chung của giáo phường một cách tự giác.

● ***Cô đầu nòi***

Họ ả đào trong giáo phường không có nghĩa là họ hàng thân thích, theo dòng máu, cũng không phải họ ghi trong sổ đình ngày xưa. Nó mang tính chất tổ chức nghề nghiệp, bảo đảm về mặt chuyên môn nghệ thuật. Ngày xưa cô đầu và kép mỗi vùng có một tên họ riêng. Người thuộc về họ nào lấy chữ họ đó đặt lên trên, tên ở dưới. Ví dụ tên là Thuận mà thuộc về họ Thông thì gọi là Thông Thuận. Họ này có giá trị và ý nghĩa riêng trong phạm vi sinh hoạt của giáo phường. Họ ở đây bao hàm một niềm tự hào về truyền thống, nên ả đào trong họ mới được gọi là cô đầu nòi.

Người ngoài muốn học nghề hát phải được một người trong “họ” nhận đỡ đầu vào làm con nuôi một người trong họ truyền thống, thì mới được giáo phường công nhận. Thành kiến cho rằng cô đầu ngoài dẫu có hát hay hơi ảm, nhưng khuôn phép cách điệu vẫn kém, không bằng cô đầu nòi.

Sự tôn vinh “con nhà nòi” như vậy là một thứ chứng chỉ không văn tự khẳng định đẳng cấp nghệ thuật của giới nhà nghề. Đây là một luật tục đảm bảo tính gia truyền, duy trì những tinh hoa nghệ thuật trên phương diện cộng đồng dòng tộc. Nói cách khác, luật tục này một mặt đảm bảo tính “bản quyền” tài sản nghệ thuật của giới nghề.

● ***Qui định đối với đào kép***

Điều quan trọng trong nội quy giáo phường là đào kép phải giữ tư cách phẩm giá, giữ gìn nền nếp, luân lý gia đình cũng như trong quan hệ phường họ và quan hệ xã hội.

Vì quan niệm cổ hủ xưa thành kiến khinh miệt “xướng ca vô loài” nên

giáo phường Lỗ Khê từ xưa vẫn còn giữ thanh danh, không để ai chê trách vào đâu được, làm cho câu nói cửa miệng thế gian ấy không còn có đất sống nữa: như các cụ trùm họ, quản giáp tiền bối vẫn nhắc nhở lớp sau.

Đào, kếp có nhiệm vụ kèm cặp nhau, bảo ban nhau, giám sát nhau khi ở nhà cũng như khi đi hát cửa đình nơi xa.

Trong khi đi hát ở đào phải giữ thái độ nghiêm túc, không được nhìn ngang ngửa, không được công nhiên trò chuyện riêng với quan viên, sợ mang tiếng cho dòng họ, cho giáo phường, cho quê hương. Chính vì lẽ đó là luật lệ giáo phường quy định khi đi hát đám, hát cửa đình ở làng khác thì chồng đàn, vợ hát; anh đàn em hát; em đàn chị hát hoặc bố đàn con hát.

Bất kỳ ai mượn nghề xướng ca làm việc bất chính thì quản giáp, quản ca họp đàn anh, đàn chị trong phường lại phán xét, phê bình khuyết điểm. Nhẹ thì phê bình cảnh cáo, nặng hơn một chút thì “bắt vạ” phạt tiền bỏ vào quỹ chung. Nặng hơn nữa thì đuổi ra khỏi giáo phường, thông báo đi các nơi.

Đào, kếp rất tôn trọng Tổ sư giáo phường. Lê kiêng tên húy “Lễ. Châu. Dự. Hoa” không ai được vi phạm. Nếu vô ý nói đến là phải nộp phạt, bị cảnh cáo và truất ngôi thứ trong phường, tùy theo lỗi mới mắc lần đầu hay đã nhiều lần. Kỷ luật cũng được áp dụng tùy theo cương vị nữa.

● *Đạo thờ thầy*

Trong giáo phường, hễ bởi nhu cầu tiếp nối nghề nghiệp sinh nhai mà đạo thầy trò được coi như một luật tục nghiêm minh. Việc thờ thầy ở giáo phường Lỗ Khê rất có thủy chung. Học trò coi thầy như cha mẹ, ngày tết phải đến bái niên, ngày giỗ phải đến lễ ở từ đường. Học trò đi hát xa về đều phải góp một phần tiền công với phường để cung dưỡng thầy. Cô đầu danh ca nếu có nhiều học trò giỏi thì hưởng lộc nhiều lắm, tiền đó gọi là tiền đầu. Có lẽ vì thế mà ở đào danh ca huấn luyện được nhiều con em thành tài, được tặng nhiều tiền đầu, nên giáo phường Lỗ Khê ngày xưa mới gọi là cô đầu để tỏ ý trân trọng. Từ đó ở đào lão luyện được đề cao là cô đầu. Sau này ta gọi tràn lan ở đào với cô đầu không phân biệt.

● **Lệ chia tiền hát**

Đào kép đi hát lệ chỉ việc đàn hát xong đám thì về, tiền thưởng tiền công không cần phải tính toán. Tiền thù lao của địa phương phong bao tặng cho mang tất về đưa cho quản giáp chỉ theo thể lệ giáo phường quy định như sau:

Ngày xưa, quan tiền là đơn vị tiền tệ. Thí dụ đào kép đi hát lệ được thưởng mười quan tiền thì:

- Một quan tiền rút giao cho quản giáp hay trùm giữ để chi tiêu việc chung.
- Một quan *tiền công sức* chi cho đào hát.
- Một quan *tiền dây đàn* chi cho kép đàn.
- Còn lại 7 quan chia đều cho những người có mặt đi hát đám, dù người đó không phải đàn hát.

Việc sử dụng tiền thù lao đã thành nguyên tắc, nên mọi người đều vui vẻ cả.

● **Học hát và Lễ mở xiêm áo**

Học hát ở đào rất công phu. Ngày xưa người nào thông minh, chịu khó lắm cũng một vài năm mới cầm được lá phách. Trung bình phải từ năm năm trở lên mới gọi là biết hát.

Các cô hát trẻ khi mới vào học phải ăn uống kiêng khem, không được ăn no (sợ kém hơi), không được uống rượu và ăn những thứ chua cay (sợ kém giọng). Để giữ giọng có người thường nhấm chè ngon, thảo quả, ô mai, chanh...

Học hát nhất thiết phải *tròn vành rõ chữ*. Đã thế còn phải học phách nữa, vừa hát vừa gõ phách, hai công việc cùng làm một lúc, khó khăn gian khổ cho những người mới vào học nghề ở đào biết mấy. Cô đầu già cùng quản giáp, quản ca chỉ bảo hướng dẫn cách lấy hơi, lấy giọng dóc phách, tỉ mỉ từng li từng tí. Khi đã thuộc các khổ phách cung đàn, hát được bài đầu rồi mới dần dần học đến các làn điệu, tiết tấu phức tạp, từng bước từ dễ đến khó. Ngày xưa bài hát thường là chữ Hán, thế nên việc học thuộc vất vả vô cùng. Ngoài ra còn phải học đi đứng, ăn nói cho đúng phép tắc, đúng lễ nghi.

Học tập thành thục rồi, trước khi ca hát, ở đào mới phải biện coi trầu

trình với quản giáp. Các bậc đàn anh nhận lễ trình, họp lại sát hạch một buổi, nếu đủ tư cách là người đứng đắn, không có điều tiếng gì trong giáo phường thì sẽ được công nhận. Sau đó, chọn ngày làm lễ cáo tổ ở đền thờ ca công mời một quan viên có danh tiếng trong vùng đến cầm trống. Tục lệ giáo phường gọi buổi hát đầu tiên ấy là lễ *mở xiêm áo*.

Để mừng ngày lễ mở xiêm áo cho mình mới bước vào nghề chính thức, chị em còn làm cỗ cúng tổ tiên, thiết đãi phường họ và bà con thân thích. Những người được mời đến dự đều có ít nhiều quà tặng tỏ tình thông cảm, khích lệ, chia sẻ niềm vui chung.

● ***Việc đi hát***

Ngày xưa, giáo phường Lỗ Khê không những chỉ nhận hát cửa đình ở các xã trong mấy huyện gần thuộc đạo Kinh Bắc mà còn về một số nơi thuộc vùng tiếp giáp của Hải Dương, Hưng Yên nữa.

Các làng xã muốn mời đào kép Lỗ Khê về đàn hát đám đều có sự thỏa thuận liên hệ với nhau trước. Được quản giáp nhận lời, vào kế hoạch trước. Quản giáp cũng yêu cầu được biết trước ngày tháng tổ chức lễ tế Thành Hoàng thường lệ hàng năm để đưa vào lịch phục vụ, và biết tên húy của các thần để bảo cho ả đào biết trước nhớ mà kiêng khi đến hát cửa đình những nơi đó.

Việc phân công cho họ nào nhận hát đám ở làng xã nào, họ nào phụ trách bao nhiêu “cửa đình” đã trở thành quy tắc nghiêm ngặt, có sắp xếp hợp lý nhất thiết đào kép họ khác không được hát tranh.

Những khi có đình đám hội hè kéo dài 3 ngày hoặc 5 ngày, địa phương báo lại cho quản giáp biết trước hàng tháng để chuẩn bị lực lượng cho đúng yêu cầu.

Hát cửa đình kéo dài cả ngày, cả đêm có khi mấy ngày đêm liền, nên ngày xưa các cụ ta dùng thẻ làm bằng mảnh tre cạo bóng và có đánh dấu, để thưởng cho đào kép, chứ không chi tiền ngay. Quan viên, bô lão chia ngôi thứ ngôi hai bên đông tây đình làng thị lễ. Câu nào, khổ nào ả đào hát hay, phách dòn, được thưởng một tiếng cắc gõ vào tang trống cái, và một tiếng bili vào

chiêng, rồi ném luôn một thẻ. Hát xong cứ theo số thẻ được thưởng mà tính tiền. Vì thế, ả đào hát ở cửa đình được thưởng bằng thẻ nên được gọi là hát thẻ, chữ Hán là Ca trù.

● **Những vinh dự của giáo phường Lỗ Khê**

Tương truyền thời vua Lê chúa Trịnh, cũng có cô đầu ở Lỗ Khê được tuyển vào ban nữ nhạc ở kinh thành, dự hát cung đình (chúa Trịnh gọi là hát Cửa quyền).

Năm 1837, Bộ Lễ tư cho các quan tỉnh Bắc Hà chọn những phường tuồng chèo và ả đào xuất sắc vào Huế hát mừng Hoàng Thái hậu thất tuần thượng thọ, giáo phường Lỗ Khê cũng có người được tuyển.

Khi lên ngôi, Khải Định tổ chức lễ “tứ tuần đại khánh” (tháng 9 năm 1921), bà Nguyễn Thị Diễm, danh ca của Lỗ Khê cùng đi với bà Nguyễn Thị Tĩnh đậu thủ khoa thi hát cửa đình ở Vĩnh Yên được truyền vào điện tiền múa hát chúc thọ. Điều đó chứng tỏ Lỗ Khê luôn có người nổi tiếng về hát cửa đình.

2.3.3. Hát cửa đình – Không gian biểu diễn đặc trưng ở Lỗ Khê

Hát cửa đình là hình thức sinh hoạt Ca trù phục vụ cho nghi lễ thờ thánh thần ở các đình làng hay đền làng sở tại. Như đã biết, trong xã hội Việt Nam thời phong kiến, với cái phong hóa “phép vua thua lệ làng”, có thể hiểu được vai trò độc lập tương đối của từng cộng đồng làng xã. Bởi vậy các sinh hoạt văn hóa cộng đồng nơi đây có giá trị như một phần quan trọng của thiết chế văn hóa địa phương. Trong đó các lễ hội làng luôn đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

Có thể nói, hát cửa đình vừa là cỗ tinh thần để cúng thành hoàng tỏ lòng nhớ ơn, cũng vừa là món ăn tinh thần của quần chúng, từ lâu đã trở thành nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng của dân gian do giáo phường đảm nhiệm. Xuất phát từ ý thức tự hào dân tộc, ông cha ta muốn thông qua hát cửa đình để giáo dục truyền thống đấu tranh thiên nhiên và đấu tranh xã hội. Cho nên hát cửa đình trước hết phải trang nghiêm, cách hát phải minh bạch, điệu bộ phải đoan chính, lời hát phải rõ ràng, nội dung chương trình biểu diễn tế thần tất nhiên phải lấy những bài hát về lịch sử, ca ngợi sự nghiệp anh hùng, ca ngợi quê hương đất nước,

chức tụng dân làng là chính.

Mang tính chất anh hùng ca và sử thi, hát cửa đình Lỗ Khê còn có chức năng thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ, vui chơi giải trí cho quần chúng.

Hát cửa đình Lỗ Khê có hai hình thức *Hát thờ* và *Hát thi*.

2.3.3.1. Hát thờ

Nội dung chương trình hát cửa đình ở Lỗ Khê chia làm 4 phần: phần tế tự có 8 tiết mục, phần múa có 4 tiết mục, phần thơ ca có 10 tiết mục và phần diễn trò của các đào kép. Nhưng cũng có thể chia theo một hình thức lễ hội gồm phần lễ (tế tự) và phần hội, thường gồm 12 thể theo tuần tự sau:

- Giáo trống
- Giáo hương
- Dâng hương
- Thét nhạc
- Hát giai
- Đọc phú
- Đọc thơ
- Hát tỳ bà
- Đại thạch
- Múa bồ bộ
- Múa bài bông
- Tấu nhạc và múa tứ linh

a. Phần tế tự

● *Giáo trống*

Nội dung: Chúc Thánh, mừng làng. Sau 1 hồi 3 tiếng trống cái và chiêng, thì đàn phách dạo. Kép cầm trống khẩu đánh hồi ngắn các một tiếng rồi đọc:

Ồ là vậy, Đại Việt hoàng đồ, kính chúc Thánh Vương vạn vạn tuế (*điểm 3 tiếng trống khẩu, đàn ở bên ngoài*)

*Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội*

Mừng công danh Chúa rạng rỡ biên niên
Mừng làng bình yên khương thịnh đời đời
Mừng già dẻo dai sống lâu sức khỏe
Mừng cho thịnh trẻ vì có thịnh già
Văn đi thi chiếm bảng khôi khoa
Thương đi buôn tiền bạc dư thừa
Nông làm ruộng tích đầy lẫm hũ
Hỡi ơi!
Vui bề ca lạc ca diên
Mở hội tiết trời xuân
Cầu đất nước thịnh trị thái bình
Cầu xã dân nhà nhà thịnh vượng
Gió hòa mưa thuận
Bể lặng sông trong
Đã đẹp yên lữ kiến đàn ong
Nay kếp tôi xin giáo trống.

(Trống khẩu hồi ngân, cắc 1 tiếng, cúi đầu lậy rồi đọc tiếp)

Trung linh vang tiếng trống đình
Hội làng cầu phúc trung tình nước non
Trống vang tới chốn cung thiên
Cầu cho dân xã bình yên mạnh giàu.

(Trống cái giục hồi ngân, kếp vái rồi đi lùi ra ngoài, chiêm điếm 1 tiếng sau tiếng cắc)

● **Giáo hương**

Sau khi đọc xong giáo trống, kếp lùi lại hai bước, đọc câu giáo hương.

Ồ này dân xã!
Vậy có thơ nhang rằng:
Thông minh chính trực vị chi thân

Biến hóa vô cùng đức đại nhân

Câu đặc tự sắc phong vàng chói

Đệ nhất trung linh thượng đẳng thân

(Dạo đàn giấy lát rồi lại đọc tiếp)

Gió lọt mùi nhang

Đức quân vương nguyệt hằng

Nhạn bay về xứ thái

Hỡi con nhận kia

Lại đây ta nhủ mà

(Dạo đàn giấy lát rồi lại đọc tiếp)

Mừng vương ngôi ngự ngai vàng

Mừng vương muôn tuổi trị tròng vô biên

Nhang bay, bay khắp cửa tròng thiên

Chúc Thánh thượng tiên niên vạn thọ.

● ***Dâng hương (còn gọi là nhạc nhang)***

Kép đọc đến chữ “thọ” cúi đầu vái dạo đàn kết thúc. Khi kép đọc tấu Giáo hương thì 4 đào đứng hai bên, hai tay cầm nén hương trước ngực (nếu không đủ 4 đào thì nhất thiết phải là 2). Khi kép đi lùi ra khỏi chiếu hương án thì 4 đào quay mặt vào cung đình cúi đầu lạy Thánh rồi vừa đọc lời vừa đi.

Bài Dâng hương (nhạc nhang) có 4 khổ (*phụ lục 2*).

Xong đàn phách dạo đồng thời, 4 đào đưa nén hương cho quản giáp hoặc cho quan đám để cắm vào bát hương. Liền đó 4 đào đứng ra hai bên quay mặt vào nhau, hai bàn tay chắp trước ngực. Tiếp là đào kép đứng hát bài thét nhạc. Khi nào hát xong bài Thét nhạc, đào kép ngồi hát Giai thì 4 đào quay mặt vào cung đình, cúi đầu vái xong về vị trí.

● ***Bài Thét nhạc (hát đứng)***

Đây là bài hát mở đầu cho lối hát thờ cửa đình, đồng thời cũng là một điệu hát cổ nhất còn lưu truyền, xưa nay vẫn hát như thế, không thay đổi. Khúc hát này

chú trọng về nhạc hơn là về lời, có đặc điểm hát đủ 5 cung (..) ở đây dùng âm thanh của lời hát để dẫn nhạc, mà đặt ra khúc hát nên lời văn có phần rời rạc, ý nghĩa không rõ ràng, chặt chẽ lại có những tiếng những câu khó hiểu, nhưng khi hát lên thì nghe rất hay. Bài hát này từ xưa chỉ có một lời ca (*phụ lục 2*).

Dứt bài hát, đào kép mới ngồi xuống chiếu, chọn những bài Hát nói theo lối Hát cửa đình gọi là Hát giai.

● ***Hát giai***

Một thể hát có nhiều điệu, dùng để hát lên nhiều bài thơ khác nhau. Nội dung các bài thơ này thường là ca ngợi đất nước, tôn vinh thần linh, vịnh phong cảnh, vịnh sử hoặc hát dã sử, hát truyện... Do thể Hát giai có nhiều bài với lời ca và nội dung khác nhau nên phần trình bày luôn chiếm một khoảng thời gian dài trong hát thờ (*phụ lục 2*).

● ***Đọc phú***

Phú là một thể văn cổ có vần hoặc xen lẫn văn vần với văn xuôi dùng để tả cảnh, kể sự việc hay bàn chuyện đời... Phú cũng có thể là một lối văn biên ngẫu hoặc như một bài văn xuôi có vần. Phú thường được đọc theo một vài mô hình giai điệu có cá tính riêng, tuy gọi là đọc nhưng thực chất là ngâm và cũng có thể coi là hát. Ngày xưa, quan viên rất thích nghe cô đầu đọc phú và đọc thơ.

● ***Đọc thơ, Thông, Dồn***

À đào lần lượt đọc 5 bài thơ đường như 5 bài Thiên thai của Tào Đường hoặc 3 bài Thanh Bình điệu của Lý Bạch.

Khi đọc hết một bài thơ, thì ngâm tiếp luôn 4 câu Thông, mà nội dung gần như giải nghĩa bài thơ trên vừa đọc. Thông gồm 2 cặp lục bát viết bằng chữ Nôm. Chữ thứ sáu cuối câu Thông đầu tiên phải bắt vần với chữ cuối cùng của bài thơ bảy chữ trên.

Thông có nghĩa là thông, tức là bài thơ bảy chữ có thêm khúc đuôi 6 - 8 buồng thông xuống. Đào đọc thơ rồi đọc tiếp Thông xen vào thì nghe thấy đổi giai điệu, thêm mượt mà thú vị. Đọc Thông phải ngân ra từng chữ, rồi mới vào

phách. Khi đã vào phách thì cứ theo khổ phách mà hát.

Thông thường, lệ hát cửa đình là đọc thơ Thiên thai, vì nội dung vui tươi hơn thơ Thanh Bình điệu. Thơ Thiên Thai mô tả khung cảnh động tiên, yên tĩnh, thom tho làm dịu tâm hồn con người trần thế bon chen vất vả, hợp với ước mơ người xưa. (*phụ lục 2*).

● ***Gửi thư***

Đây là một điệu hát trữ tình vào loại bậc nhất của nghệ thuật ca trù, giọng hát bay bổng mượt mà, làn điệu thiết tha nồng ấm. Điệu hát này cho phép người ta diễn đạt tình ý của mình dưới hình thức một bức thư. Nó cũng là một mô hình giai điệu có đặc tính riêng dùng để hát một số bài thơ viết theo thể song thất lục bát.

● ***Đại thạch (Đại thực)***

Khúc múa hát Đại thực có từ trước đời vua Lê Thần Tông. Nhân dịp lễ vạn thọ, các quan triều đều đưa người nhà vào trong cung xem múa hát Đại Thực. Vua thấy đông quá mới truyền lệnh cho tiểu giám lấy những hòn đá to cho ban nữ nhạc đứng lên trên mà múa hát để cho mọi người có thể trông thấy rõ ràng, từ đó người ta gọi khúc Đại thực là Đại thạch (đá to). Tuy có nguồn gốc từ cung đình nhưng tiết mục này vẫn mang rõ nét dân gian. Mở đầu, một cô đào ngâm sáu câu lục bát với phách khoan. Sau đó vào phách mau để chuyển sang đoạn mới, các đào nương vừa múa vừa hát, âm điệu dồn dập gấp rút nên được gọi là Dồn Đại thạch. Cũng giống như bài Thét nhạc, lời ca ở đây chỉ sự lắp ghép những câu lục bát tả cảnh, tả tình chung chung, không nhất thiết phải gắn kết với nhau và cũng chẳng cần mang một ý nghĩa rõ ràng nào cả. Chủ yếu người ta xem múa và nghe nhạc.

*Chúa từ nghe hát vân vi
Thoạt thôi lại nói tí tê nổi lòng
Ngọn cờ đình núi xa trông
Nọ sao cung quế hện cúng trúc mai
Trách thay ô thước lỗ hoài
Cớ chi sao bỗng lạc loài cho nên*

Dôn

*Chón này là chón cung tiên
Ước gì lại được phỉ nguyên nhớ mong
Boong boong chuông giống đêm đông
Cảm lòng người những luống sông đợi chờ
Hỏi thăm ai kẻ thân sơ
Bóng trăng giải tỏ cỏ ua chẳng là
Đêm đêm tưởng bóng ngân hà
Trông sao bắc đẩu đã ba năm tròn
Non mòn nhưng nghĩa chẳng mòn
Tào Khê nước chảy lòng còn như in
Tình thư phong gửi cá chim
Chim tìm non thăm, cá tìm vực sâu
Duyên ưa có thấu tình nhau
Ngày nào ô thước bắc cầu sông Ngân.*

b. Phần hội

Chương trình hát cửa đình đến đây coi như chuyển từ phần tế thần kính cẩn trang nghiêm mang tính chất lễ nghi tôn giáo sang phần liên hoan văn nghệ nhằm mục đích phục vụ đối tượng chính là đông đảo dân làng.

Múa bỗ bộ, múa bài bông và múa tứ linh hợp lại thành cái đình của ngày hội. Cuộc trình diễn ca múa nhạc này trở thành một sinh hoạt văn hóa dân gian rõ rệt, thu hút dân các làng xã xung quanh đến xem tung bừng náo nức, thỏa mãn phần nào nhu cầu thẩm mỹ và giải trí của quần chúng vốn rất ham mê văn học nghệ thuật.

● ***Hát múa bỗ bộ***

Sau bài ca Đại thạch, tiếp đến tiết mục múa Bỗ bộ, loại hình kết hợp vừa hát vừa múa. Đặc biệt nó diễn tả không khí lao động sản xuất như: xe sợi, quay

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

tơ, hái chè, bắt ốc,...hoặc ca ngợi tinh thần thượng võ, luyện gương, tập súng, sẵn sàng chiến đấu chống giặc xâm lăng.

Bốn hoặc sáu hay tám cô đầu (tùy theo khả năng) đứng chia làm hai hàng đối nhau, vừa hát vừa múa. Khi đứng lên, khi ngồi xuống, khi xòe tay, làm điệu bộ theo câu hát cho phù hợp với động tác sinh hoạt, lao động hay chiến đấu.

Hát múa bộ bộ có hai phần: Phần mở đầu là Hát giai và phần chính là múa và hát gồm 5 sấp.

➤ **Phần mở đầu:**

Năm canh ngồi đợi bóng trăng (các cô ngồi xuống)

Năm canh ngồi đợi giải cơn buồn

Ngậm ngùi nhớ thương (các cô đều đứng lên)

Tay nâng bầu rượu túi thơ (tay làm hiệu giờ bầu rượu túi thơ)

Một mình đung đỉnh giải lo giải phiền (các cô đung đỉnh đi)

Xỏ kim kim xỏ (tay phải như cầm sợi chỉ, tay trái như cầm kim để xỏ vào nhau)

Ngồi hè vá may (tay phải cầm kim như khâu vào vải)

Dương cung ta bắn con cò (các cô đứng dậy giơ tay lên như bắn cung)

Con le nó lặn, con le nó lội, con cò nó bay (hai tay các cô xòe ra, nhắc lên nhắc xuống như con le lội và chập chờn như con cò bay)

➤ **Phần chính (gồm 5 sấp)**

Sấp I

Tình tang tính (các cô đều múa)

Em ra kẻ chợ em coi (vừa đi vừa nhìn)

Thấy quan tập trận, ô kìa chòi bắn cung (tay chỉ lên)

Giống con ngựa hồng (đi như cưỡi ngựa)

Mao tiền mao hậu (quay đằng trước, quay lại đằng sau)

Võ thần quan áo nậu vắt vai (hai tay chống vào hông)

Cờ vác vai (hai tay để lên vai)

Súng anh tọng nạp (tay làm hiệu nạp đạn vào súng)
Gươm tuốt trần (tuốt gươm ra)
Tay cấp mộc mang (tay cấp vào nách)
Trường khu đuổi đánh đã vang (đi nhanh, tay làm ra điệu đánh).

Sắp II

Những lời anh dặn cô bay (làm bộ gật gật)
Trống gióng thùng thùng (làm bộ đánh trống)
Trống giục thùng thùng
Giục bước cho mau (các cô dồn cả lại rồi đi nhanh)
Súng bắn sau (làm bộ hốt hoảng)
Trống giục thùng thùng
Giục quân ta tiến (đi nhanh)
Ta đánh trận này (làm bộ đánh trận)
Đuổi đến ngoại bang (làm bộ đuổi giặc)
Bỏ công đánh mào mài gươm (làm bộ mài gươm)

Ngoài hai sắp trên thì cuối điệu múa, đào nương vừa múa vừa hát thêm thêm ba sắp trò vui có tên gọi là Bọm gái say, Đào điên, Người đi săn nhằm tăng thêm tính chất vui nhộn cho ngày hội.

● **Múa Bài Bông**

Múa Bài Bông phức tạp, tốn kém hơn múa Bỏ Bộ nên chỉ khi nào làng vào đám mở hội lớn mới tổ chức múa Bài Bông.

Tương truyền, múa Bài Bông có từ đời Trần, do anh em thượng tướng Trần Quang Khải và Trần Nhật Duật sáng tác ra để quân đội và ca nữ múa hát trong cung. Thời Lê - Nguyễn có sửa lại, và năm 1940 ông Dương Ngọc ở thôn Hà Phong không rõ xin kịch bản ở đâu đã vào Lỗ Khê dạy.

Các cụ Quản giáp và trùm họ ở Lỗ Khê giải thích: Bài nghĩa là bày ra, dàn ra từng hàng. Bông là hoa, ngụ ý ca nữ múa hát đẹp như hoa.

Múa Bài Bông thường diễn ra vào những đêm trăng sáng để cho thêm

*Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội*

phần nguy nga tráng lệ, sao đèn của đội múa lung linh với sao trời và ánh trăng rất phù hợp với ngày tế thần là 10 tháng Giêng và 10 tháng Tám.

Trang phục của đội múa Bài Bông khá đặc biệt, nhiều màu rực rỡ. Đầu đội mũ kim phượng kiêu cánh sen có thêu kim tuyến lấp lánh. Mình mặc áo Mã tiên đỏ thắm cũng thêu kim tuyến, phía dưới đính nhiều tua chân chỉ hạt bột, có 8 dải lụa nhiều màu buộc quanh người, chia khoảng đều nhau thả dài chấm gót, bên ngoài thắt ngang lưng một khăn lụa hoặc khăn nhiễu khác màu cho nổi. Quần lĩnh đen chít ống, bít tất trắng, chân đi hài thêu. Khi múa, các tua xòe rộng bay phấp phới. Tay cầm quạt tàu, vai đặt đòn gánh rất xinh, hai đầu đeo đèn lồng nhiều màu, trong thấp nên hoặc đeo hai lẵng đầy hoa xếp công phu đẹp mắt, người đeo đèn người đeo lẵng hoa xếp xen kẽ.

Trước khi vào múa, đội hình xếp hàng ở bên ngoài sân đình. Quản giáp đánh trống cái giữ nhịp chỉ huy, các kếp kéo nhị, gảy đàn thổi sáo và đánh trống con. Ả đào đứng tuổi ngồi gõ phách, nhóm nhạc công hòa tấu, rước đội hoa đi hàng một vào trước hương án, hai tay nâng quạt lên khỏi đầu.

Đội hình múa lấy nhạc làm chuẩn, tiến lên, lùi xuống, nhanh hoặc chậm đều theo sự chỉ huy của tiếng trống, tiếng nhạc rộn rã hay khoan thai. Lúc xoay chỉ xoay nửa người, không được quay lưng vào hương án. Động tác múa đòi hỏi sự nhịp nhàng đồng loạt, vừa mềm dẻo vừa giữ thăng bằng để không đổ nên, chày đèn, rơi hoa.

Múa Bài Bông khai mạc bằng bài hát giáo đầu giọng rất cao, chủ yếu ca ngợi và chúc tụng dân làng, như:

“Bài Bông múa hát cửa đình

Chúc mừng dân xã hiển vinh đời đời

Trai tài gái đảm đua vui

Kẻ dưng rượu thánh người ngồi cỗ tiên

Tuổi già mạnh khỏe bách niên

Tuổi trẻ khoa bảng làm nên nghiệp nhà

*Giờ đây đàn hát múa ca
Mừng làng thịnh vượng mừng nhà giàu sang
Người người hạnh phúc an khang
Bài Bông vũ khúc khai trương mở đầu.”*

*Rồi hát tiếp mấy câu nói lời đồng dạc
Như tôi nay tiên ông trao chức
Ngô biểu tự Tiên Đông
Truyền ca nhà nam bắc đông tây
Đều múa hát mừng vương khang thọ*

Dứt câu, hai hàng vũ nữ đều đứng lên mở quạt ra múa, chân đi bước ngắn, vừa múa vừa hát theo đàn, phách, trống.

Múa Bài Bông có 3 sấp. Sau khi múa 3 sấp lấy quạt mở ra theo đàn, trống, phách giục liên hồi, chân đi gót, tay múa lượn như cánh bướm bay đi xoay vòng tròn, cúi đầu bái tạ Thánh linh rồi đi ra khỏi chiếu không quay lưng vào cung đình. Trống chiêng một hồi kết thúc múa.

● **Tấu nhạc và múa Tứ linh**

Theo các cụ truyền lại thì giáo phường 12 họ hàng phủ xưa có múa, song ở đình Lỗ Khê thường không múa Tứ linh mà chỉ thường múa Bài Bông, múa Bồ Bộ, Vũ nhạc dân dã.

Múa Tứ linh thì 4 kếp múa đầu đội lột đầu 4 con vật: Chim Hạc (thay Rồng), chim Phượng, Kỳ lân, Rùa. Múa chân đi theo nhịp điều khiển con vật. Đây là điệu múa tượng trưng cho bốn con vật thiêng quy tụ trong tế lễ thần ở sân đình.

2.3.3.2. Hát Thi

Hát Thi nhằm mục đích lựa chọn đào hay, kếp giỏi. Cô đầu ngày xưa chưa qua kỳ thi này thì chưa được công nhận là biết lẽ lối hát. Kỳ thi cuối cùng ở cửa đình Lỗ Khê tổ chức cách đây gần 60 năm rồi.

Ngoài đào kếp của giáo phường sở tại, các giáo phường các tỉnh lân cận

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

cũng về dự kỳ thi Hát ở cửa đình Lỗ Khê, vì đây là đất quê hương của Thánh sư.

Năm nào giáo phường Lỗ Khê định tổ chức hát thì phải báo trước cho các nơi xa biết truyền đạt lại cho đào kép đăng kí dự thi hát. Trước khi tổ chức thi hát, phải dán tờ giấy đỏ vuông chéo góc viết bốn chữ “bách nghệ thông hành” vào cột đình, gian giữa cho các nơi biết để về dự. Dân làng và giáo phường cử 4 quan viên sành nghe hát, hiểu âm luật vào Ban giám khảo. Ban giám khảo lại cử một chủ khảo và niêm yết tại đình nội quy thi hát có những điểm sau đây:

1. Số Châu thi, Châu cầm và Phúc hạch ky này định hát là bao nhiêu. Các châu hát ấn định vào đêm nào, ngày nào...

2. Tên các đào kép được dự hát Châu thi

3. Mỗi châu hát mấy đôi. Đôi nào hát thì vào lúc nào.

4. Các chữ Húy phải kiêng

5. Cấm chồng đàn vợ hát, anh đàn em hát để tránh nâng đỡ nhau.

Mỗi cuộc hát đều có lệ thưởng. Từ giải nhất, giải nhì, giải ba đến giải mười. Số người dự thi đông thì có thể cho thêm bốn năm giải “Thiên thủ” (lấy thêm) để khuyến khích.

Hát thi phải đủ mọi thể cách ca trù nên thường lâu đến 5,7 ngày hoặc 10 ngày, tùy theo số người dự nhiều hay ít.

Hát Thi ở cửa đình có 4 kì: Văn, Châu thi, Châu cầm và Phúc hạch

● ***Văn***

Trước khi lấy người vào hát châu thi, ban giám khảo sát hạch sơ qua trình độ của đào kép để loại bớt những người kém.

Văn là đào hát mấy câu gửi thư, Thông, Thiên thai. Kép hát mấy câu thơ cách. Đào kép qua kì văn để tỏ mình có khả năng biết lẽ lối hát.

● ***Châu thi***

Đào kép qua kì Văn, được ban giám khảo chứng nhận, yết tên lên bảng mới được vào hát châu thi. Châu thi có 28 khúc và chia từng khúc cho đào hoặc kép hát như sau:

- Kép hát: Giáo đầu, Ca đàn, thơ cách, hát giai một câu, hát nói giai, giáo thư phòng, Hà nam một câu, nói Hà nam, đạo đọc phú, đọc phú.

- Đào hát: Thơ phòng, Hà liễu một câu, nói Hà liễu, trở tay ba, Nhạc nhang, chúc Tam thanh, Thét nhạc, ngâm vọng, bắc phản, mưỡu, hát nói, nhịp ba cung bắc hoặc chừ khi, đại thạch, hãm, gửi thư, dống chinh phu.

- Đào kép cùng hát: Dựng huỳnh, nói luồn.

● *Chầu cầm*

Trúng tuyển kỳ hát Châu Thi, đào kép mới được vào Châu cầm. Châu cầm có 17 khúc hát sau đây: Ngâm sang hát giai, Hát giai một câu, Hát nói giai, Xướng tâng, Tụng tứ dân, Đọc phú, Màn đầu hát giai, Mã thượng kiều, Hà liễu câu một, Nói Hà liễu, Trở tay ba, Hát sử và dã sử, Màn đầu hát truyện, Hát truyện, Dựng huỳnh, Phản huỳnh, Làm trò vui.

● *Phúc hạch*

Đào kép qua Châu cầm mới được vào soát lại để ban giám khảo cân nhắc hơn kém, định giải nhất nhì.

Khi đào kép vào hát thi, nếu đàn được mà hát kém thì ban giám khảo lấy người khác hát thay. Nếu hát được mà đàn kém thì lấy người khác đàn thay.

Đàn hát là tiêu chuẩn một, sắc đẹp là tiêu chuẩn hai. Tư cách đạo đức là tiêu chuẩn ba. Hội đồng xét trình độ đàn hát trước, rồi mới lấy đến sắc đẹp.

Cô đầu trúng giải nhất thi hát gọi là Thủ khoa; giải nhì gọi là Á nguyên.

Đêm tổng kết hát giã đám, các cô đậu tân khoa trang phục chỉnh tề lịch sự xếp hàng đôi lên đình làm lễ dâng hương, vừa múa vừa hát. Đi đầu hàng bên trái là Thủ khoa rồi đến các cô trúng giải ba, bốn, năm, sáu. Đi đầu hàng bên phải là Á nguyên rồi đến các cô trúng giải bảy, tám, chín, mười. Sáng hôm sau các đào kép đến lĩnh thưởng và dự tiệc. Sau khi lĩnh thưởng, các cô đầu được giải ngồi một bên, các kép hát được giải ngồi một bên.

2.3.3.3. Hát thờ tổ tại nhà thờ ca công Lỗ Khê

Hát thờ Tổ là sinh hoạt thường niên của nội bộ giới nghề. Theo thông lệ,

các giáo phường lân cận trong một vùng thường rủ nhau cùng tổ chức, ít khi làm riêng rẽ.

Ngày xưa, giáo phường Lỗ Khê làm lễ tế tổ sư là Thanh Xà đại vương và Mãn Đường Hoa công chúa vào ngày sinh của đại vương là mùng 6 tháng 4 và ngày hai vị tổ sư cùng hóa là ngày 13 tháng 11, tại nhà thờ ca công. Trước ngày giỗ độ một tháng, các trùm họ họp nhau lại cắt đặt đò kếp giới mọi nơi về hát thờ, đò kếp đò cách xa mấy, mà giáo phường cắt đặt cũng phải tìm về hát. Những người đò về hát thờ coi đò là một sự vinh hạnh, giáo phường gọi đò là đò đò dự *Châu cử*.

Hát thờ tổ có múa hát đò mọi lối, đò mọi thể, như một hội diễn liên hoan của giáo phường, vừa tỏ lòng nhớ ơn thánh tổ, vừa phục vụ dân làng.

Cũng như các ngành nghề khác, ngày tế lễ tổ nghề của Ca trù là dịp đò các nghệ sĩ giáo phường đò tài khoe sắc báo công với thần tổ. Bởi vậy vào dịp lễ tế tổ, các đò kếp trở hết tài năng và nhiệt tình như đò báo cáo trước bàn thờ tổ tiên, báo cáo với quản giáp, trùm họ và dân làng, đò đò ôn luyện lại chuyên môn và thắt chặt tình đò đò kết tương thân tương ái giữa các họ.

Hát thờ tổ khác lối hát thờ Thành hoàng ở đình, khi bắt đò hát bao giờ đò kếp cũng ngâm hai khúc Non Mai và Hồng Hạnh. Đò kếp dự châu cử chỉ ngâm Non Mai, Hồng Hạnh khi hát thờ tổ ở đò Ca công, ngoài ra không bao giờ hát hai khúc ấy ở bất kỳ cửa đình, cửa đò nào, cũng không đò hát cho bất kỳ ai nghe. Vì một lễ đò giản, hai khúc ấy là hai bài hát đò các vị tổ sư giáo phường đò ra nên chỉ hát đò thờ tổ mà thôi.

2.3.4. Giá trị đò đò của ca trù

2.3.4.1. Giá trị văn hóa

Ca trù là một bộ môn nghệ thuật đò đò của văn hóa Việt. Ca trù xưa và cổ kính như đò giấu mình trong lớp trầm tích của văn hóa Việt Nam. Lối ứng xử linh hoạt trong ca trù làm nhiều người khi đò đò thức đò nhận thấy, đò là giữa người hát và người nghe đò đò như không có ranh giới. Phải đò đò đò

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làn ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

cũng là điểm khác biệt của ca trù so với bất kỳ loại hình âm nhạc nào khác. Khi những giai điệu ca trù cất lên, đã cuốn hút tâm hồn của những người yêu và say mê ca trù, đưa họ lại gần nhau hơn, đem đến sự công bằng cho cả người nghe và người hát. Ca trù như sợi dây vô hình kết nối tâm tư tình cảm của mọi lớp người, mọi thế hệ, bất kể những cản trở về mặt không gian và thời gian.

Ta có thể thấy nét đẹp văn hóa thể hiện ở những người tham gia buổi hát, họ là những người thanh lịch. Trang phục, dáng ngồi, điệu nói phải hết sức tế nhị, đào kép luôn phải giữ tư cách, phẩm giá, nề nếp trong gia đình cũng như trong quan hệ phường họ và quan hệ xã hội. Khán giả phải là những người có tâm hồn sẵn sàng nhập cuộc vui, nó không chấp nhận bất kỳ sự sô bồ, sự pha tạp, sự lai căng nào.

Trước đây vào những dịp hội hè ở làng quê, Ca trù được mời biểu diễn ở ngay sân đình. Các cuộc hát thờ, ca tụng công đức của các vị thần, vị thánh được cất lên trang trọng và linh thiêng, đây đã trở thành “nhà hát nhân dân” của cả cộng đồng làng xã. Qua ca trù ta có thể thấy được bóng dáng phong tục tập quán, đời sống tâm linh của ông cha ta. Ca trù trở thành món ăn tinh thần, nhu cầu văn hóa không thể thiếu được của người dân vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Cách thưởng thức ca trù được coi là nét văn hóa đặc biệt, một nét đẹp trong văn hóa thưởng thức nghệ thuật, để thưởng cho đào hát, thay trả tiền mặt bằng thẻ tre, khi hát xong đào kép ứng với số thẻ được thưởng mà nhận tiền theo đúng quy định. Như vậy mọi giá trị vật chất đều không cản trở tới mạch cảm xúc cũng như tác động tới thái độ của người thưởng thức.

Ca trù còn có điểm độc đáo đó là cách khán giả thưởng thức thơ và cũng là cách để thơ được phổ nhạc. Thơ có thể được ngâm, đọc, nhưng ở đây lại là hát thơ, nó đem đến sự cảm nhận mới mẻ, có sức lôi cuốn hấp dẫn khó có thể cưỡng lại khi đã nghe một lần. Không chỉ vậy, ca trù còn góp phần không nhỏ để nâng cao ngôn ngữ dân tộc mình, đồng thời là cầu nối đưa khán giả đến gần với các thi nhân xưa. Có thể nói, ca trù chứa đựng trong đó những ứng xử đạo đức, những phong tục tập

quán, những bản sắc văn hóa của người Việt Nam.

2.3.4.2. Giá trị nghệ thuật

- Thể loại văn học (lời thơ)

Ca trù là loại hình ca hát có giá trị cao về mặt văn chương. Các điệu hát ngày xưa như Đại Thạch, Dâng hương, Gửi thư... vẫn còn mộc mạc, chất phác, về sau các điệu hát nói, hát muơu, Tỳ bà... từ ngữ đã trau chuốt, bóng bẩy hơn. Điều này đã đánh dấu một bước tiến bộ lớn của nền nghệ thuật âm nhạc, trong đó chỉ có Hát nói là phổ biến nhất.

Hát nói là một trong 15 thể hát trong hình thức hát chơi và là lối hát chính trong Ca trù. Gọi là Hát nói vì tác giả nói ý của mình và xếp thành vần để cô đầu hát. Thể Hát nói trong Ca trù gắn bó chặt chẽ với thơ ca, càng ngày càng được thể hiện và sử dụng rộng rãi trong suốt thời kỳ cận đại. Những bài thơ chữ nôm được sử dụng làm lời cho bài hát là một trong những lý do khiến cho mối quan hệ của Ca trù với văn học càng mật thiết hơn, thúc đẩy sự mở rộng dòng văn Nôm có tính dân tộc và tính nhân dân sâu sắc. Thời kỳ cực thịnh của văn Nôm là thời kỳ cận đại, đánh dấu bước ngoặt lịch sử phát triển nhất của ngôn ngữ Việt Nam mà Ca trù đã phản ánh rõ nét nhất sự tiến bộ đó.

Hát nói giàu âm điệu, kết cấu bào thơ chặt chẽ, khuôn khổ nhưng lại rất phóng túng, tự do. Cấu trúc thơ của Hát nói bóng bẩy, bố cục chặt chẽ nhưng câu thơ không bị hạn chế số chữ. Thể loại này đã đánh dấu một bước tiến bộ của văn chương Việt Nam. Lời thơ, mạch thơ của Hát nói là nguồn gốc chính của lối hát Ca trù, nó tác động đến cách xử lý, cách trình bày của nghệ sĩ. Trống, đàn, phách phải phụ họa cho Hát nói, chứ hát nói không bị lệ thuộc vào nhạc. Đó là điều khác biệt cơ bản của Hát nói với bất kỳ một bài hát nào.

Trong quá trình phát triển của mình, Ca trù còn là một loại hình âm nhạc phục vụ cho mục đích chính trị. Đó là những tiếng cười trào phúng, đả kích, tiếng nói căm thù, vạch tội bọn cướp nước và bọn bán nước, đó là lời kêu gọi mọi người đứng dậy đòi lại nền độc lập.

Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làn ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà huyện Đông Anh, Hà Nội

Ngày nay, hòa vào không khí chung của thời đại, chủ đề Hát nói ngày càng phong phú hơn, nội dung chủ yếu là ca ngợi cảnh đẹp quê hương đất nước. Có thể nói, Ca trù là tiếng hát của thơ Việt Nam, trong đó có cả cổ cả kim; có cả chất dân gian, bình dân đến phong kiến, bác học; có niêm luật thơ cũ mà có cả chất hiện đại của thơ mới. Thơ Ca trù - một lối thơ phong phú, có mẹo luật mà vẫn có thể ra ngoài khuôn khổ. Đây là một sự tổng hợp, biến hóa linh hoạt, uyển chuyển tinh tế mà khó có thể loại nào sánh bằng.

● Âm nhạc

Nghệ thuật Ca trù, theo nhiều nhà nghiên cứu thì nó mang tính hàn lâm, bác học. Tính nghệ thuật không chỉ thể hiện bằng sự kết hợp hài hòa giữa nhạc và thơ, sự hòa quyện âm thanh của tiếng hát, tiếng phách, tiếng đàn, tiếng trống mà còn thể hiện ở sự đồng điệu về tâm hồn giữa người biểu diễn và người thưởng thức. Ngay cả cách rèn luyện từng lời ca điệu hát, từng tiếng đàn, tiếng phách cũng rất công phu. Lối hát ả đào chỉ có bốn nhạc khí, tuy ít nhưng rất đầy đủ. Mỗi nhạc khí có một nhiệm vụ riêng, người hát giữ phần chính, còn phần phụ họa là cây đàn đáy làm khuôn cho giọng hát, phách được coi là cái hồn của giọng hát, tiếng trống nhận trách nhiệm phân chia từng đoạn, từng câu cho một bản nhạc.

Hát Ca trù còn là hát lên các bài thơ, với yêu cầu diễn cảm ý thơ, tình thơ rất cao. Vì vậy, đào nương phải học *nhả chữ* cho thật giỏi. Cố nghệ sĩ Quách Thị Hồ thường dạy các học trò rằng: Khi hát *cái lộc bình nó rơi* thì hình như nó rơi thật trước mắt người đang nghe hát. Muốn đạt đến trình độ ấy phải học luyện chữ cho thật khéo. Nghe bà Hồ luyện từng chữ của bài Tỳ bà hành, bà Phúc luyện chữ “đạo” của câu *Trong nhân luật đạo vợ nghĩa chồng* của bản Hát ru, bà Mùi luyện thật sâu chữ “say” trong câu *say mà ai biết rằng say bao giờ* của bài Cung Bắc..thì cứ như mỗi chữ là một hình tròn, tiếng hát công phu uốn theo đủ hết các vành tròn của chữ, không để hở một ly nào không luyện, lột tả hết mọi cảm hứng và kịch tính trong lời thơ. Vì vậy tiếng hát Ca trù đẹp lung linh giống như một cái vòng vàng,

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làn ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

vòng bạc chạm trở công phu từng nét một. Để đạt đúng tinh thần cảm xúc trong lời thơ, người đào nương ngoài việc hát tròn vành rõ chữ, không ngọng ngịu, biết ngắt mạch từng câu chữ, đào hát phải nhuần nhuyễn các khổ nhạc đảm bảo hát đúng cung bậc. Âm thanh phát ra hòa vào tiếng đàn, tiếng phách, khi mau khi thưa, khi cao khi thấp nhưng đều nằm trong 5 khổ nhạc được định sẵn. Như vậy, yêu cầu của tiếng hát vừa đảm bảo chất thơ, vừa đảm bảo chất nhạc và đào nương không chỉ thuộc thơ mà còn phải có tâm hồn thơ.

Tiếng phách là tiếng hát thứ hai của đào nương, ngoài nhiệm vụ giữ nhịp, ngắt mạch thơ, nó còn giúp tiếng hát sau khi ngừng không bị lơ lửng và tiếp sang câu hát sau mà vẫn có phách lót kê. Tùy theo ý thơ, tình thơ mà tiếng phách khi mau, khi thưa, khi chậm rãi, khi khoan thai, khi giục giã, khi lại uyển chuyển, đĩnh đạc hoặc trầm lắng. A đào muốn hát hay thì gõ phách phải giỏi, phải sắc tay. Chưa cần nghe hát mà chỉ cần nghe phách đã có thể biết trình độ của người hát rồi, người đào hát có kinh nghiệm sẽ biết khi nào gõ vào giữa bàn phách, khi nào gõ vào khoảng cách một phần ba phách kể từ đầu bên trái hay bên phải sao cho hay nhất.

Bên cạnh đó cây đàn đáy được coi là một nhạc cụ nối liền giọng hát với phách. Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát có nhận xét về mối quan hệ giữa đàn đáy - phách - tiếng hát như sau: “Khi hòa thì đàn ghim với giọng hát, nhưng tiết tấu lại đàn chặt chẽ với phách”. Về độc đáo của âm thanh cây đàn đáy thể hiện ở các ngón đàn. Các ngón đàn ấy được gảy lên từ những giây tơ tạo nên âm thanh vừa đùng đục, vừa khúc khuỷu nâng tiếng hát lên trong trẻo du dương. Dù đàn có hay, réo rắt, phóng khoáng đến đâu cũng phải đảm bảo cho tiếng hát, tiếng đàn là một. Khi chuyển làn điệu thì đàn phải thật khéo léo để kiệu cho tiếng hát. Chính vì vậy, Ca trù tuy chỉ có 5 khổ đàn nhưng đàn bài nào ra bài đấy, âm thanh gắn bó mật thiết với giai điệu và tiết tấu của nghệ thuật ca trù.

Tiếng trống chầu cũng là điểm độc đáo của nghệ thuật ca trù. Người đánh trống hòa tấu với đàn, phách và tiếng hát không phải là nhạc công mà chính là

*Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làn ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội*

người khách, người thưởng thức. Dù văn nhân, tài tử tùy hứng phóng túng dung cảm theo ý thơ, tình thơ cũng phải đảm bảo lễ lối và khuôn phép đánh trống châu, đó là bắt buộc tiếng trống nào cũng phải nằm trong âm luật của ca trù, trong 5 khổ trống chính (chính diện, xuyên tâm, lạc nhận, quán châu, thượng mã). Ngoài ra, các khách tài tử biến hóa thêm nhiều cách với các tên gọi rất đẹp như thù châu, liên châu, song châu...

Tiếng trống châu còn đi kèm luyện và nâng giá trị nhịp phách, cung đàn, giọng hát và lời ca. Vì vậy, người cầm châu vừa là thánh giả thụ động, vừa lại chủ động làm giám khảo châu hát, chăm điếm cả đàn, phách, giọng hát, khen chê đúng chỗ, đúng lúc, kịp thời. Vừa thưởng thức văn học, vừa thưởng thức nghệ thuật biểu diễn ca nhạc, người cầm châu phải am hiểu nghệ thuật Ca trù, sành nghe đàn, hát, phách, phải có trình độ văn hóa, văn chương, có tâm hồn thơ.

Do ca trù là lối chơi thưởng thức nhạc thơ tao nhã, nên phong cách cầm châu cũng phải rất tao nhã. Từ động tác chào, phong cách ngồi sập chiếu, đến cách thức cầm roi, đánh trống thưởng đàn hát đã thể hiện sự thanh nhã, đỉnh đạc và lịch lãm. Tiếng trống vừa phải làm các việc ngắt mạch câu văn, khổ phách, khen câu thơ hay, tiếng đàn tiếng hát tài tình, vừa phải hòa tấu thật khăng khít với đàn phách. Người đánh trống phải biết lắng nghe, có óc sáng tác, phải công phu gọt giũa tiếng trống được tròn, được chắc, được sắc, phải thưởng thức, cảm thụ được những đặc thù của nghệ thuật phối hợp giữa thơ ca, hát xướng và đàn phách rất độc đáo này thì mới làm tròn nhiệm vụ của mình.

Với những giá trị độc đáo, đặc sắc của nghệ thuật ca trù cho thấy đây là một tài nguyên vô cùng quý giá, nếu ngành du lịch biết khai thác. Trên thực tế đã có nhiều loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống khi đưa vào phục vụ khách đã mang lại sự thích thú cho du khách và mang lại hiệu quả kinh tế cho ngành du lịch.

Chương 3

GIẢI PHÁP BẢO TỒN, KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, VĂN HÓA CỦA LÀNG CA TRÙ LỖ KHÊ PHỤC VỤ DU LỊCH



3.1. THỰC TRẠNG BẢO TỒN, KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, VĂN HÓA PHỤC VỤ DU LỊCH

3.1.1. Bảo tồn các di sản văn hóa làng

Hiểu rõ được những giá trị tinh thần mà hệ thống các di tích mang lại cho người dân nên những năm qua hàng loạt các di tích của làng lần lượt được người dân góp tiền góp sức tu sửa như đình làng với diện tích 8699 m² trong đó đất liền 7068 m², đất ao rãnh thoát nước 1691 m², diện tích công trình sử dụng gồm 421 m² công trình cổ, 374 m² công trình mới, 4238 m² sân vận động, trên 1000 m² sân lát gạch và 1286 m² ao đình.

Đặc biệt là công trình chùa Bụt Mộc ở ngoài đồng được chính thức khởi công xây dựng lại vào năm 2006 nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân. Với sự đóng góp của nhân dân cùng với tiền công đức của khách thập phương, hiện nay ngôi chùa Bụt Mộc đang ước tính mức đầu tư cho nhà tổ là 1,8 tỷ và nhà mẫu là 2,5 tỷ.

Tuy nhiên, trong vấn đề tôn tạo và bảo tồn các di tích của làng vẫn còn những bất cập, đó là việc tôn tạo các hạng mục công trình thiếu tính đồng bộ, hiện đại đã làm mất đi sự cổ kính của di tích, thay vào đó là sự xuất hiện của các cột xi măng, nền xi măng.

Các lễ hội tuy đã được khôi phục và duy trì song vẫn chưa được quan tâm đúng mức.

Điều tồn tại lớn nhất ở làng hiện nay chính là sự lãng phí tài nguyên du lịch. Là một làng quê với bề dày lịch sử, với sự đa dạng của hệ thống di tích, phong tục tập quán, lễ hội nếu như có hướng khai thác hợp lý sẽ trở thành một điểm du lịch hấp dẫn, song tất cả vẫn chỉ ở dạng tiềm năng chưa được đánh thức.


Đây chính là vấn đề cần quan tâm của cán bộ các cấp.

3.1.2. Quy hoạch du lịch sinh thái làng Lỗ Khê


Làng Lỗ Khê được trung tâm Nghiên cứu và phát triển vùng (Bộ khoa học và công nghệ) chọn làm nơi xây dựng mô hình sinh thái điểm để phục vụ phát triển du lịch. Đây là dự án mang tính bảo tồn, tôn tạo làng cổ truyền thống cho mục đích giữ gìn và phát triển các giá trị văn hóa, đảm bảo cân bằng sinh thái trong quá trình phát triển, phù hợp với phát triển của huyện Đông Anh và thủ đô.

Theo quy hoạch, khu dân cư trong làng cổ sẽ được chỉnh trang, bảo tồn và có hướng phát triển mở rộng về phía bên đường sau làng. Các khu đất còn lại phát triển đa dạng hệ sinh học tái tạo môi sinh, làm sạch môi trường, đồng thời tạo việc làm, tăng thu nhập đảm bảo cuộc sống cho dân. Hệ thống hạ tầng được chỉnh trang nâng cấp, có khu ở, công trình công cộng, cây xanh mặt nước và cảnh quan môi trường. Về khu ở, các hộ trong làng tu bổ nhà ở theo kiểu truyền thống sẽ điều chỉnh theo nguyên tắc: giảm diện tích xây dựng công trình phụ, xóa hẳn chuồng trại chăn nuôi, thu hẹp sân phơi, tăng tỷ trọng đất trồng cây và xây dựng khuôn viên theo mô hình nhà vườn. Mỗi hộ dân có khu đất ở từ 180 – 200 m². Quy hoạch một số cụm công trình, nhà ở có giá trị bảo tồn tôn tạo tuyến tham quan du lịch trong làng.


Sau khi điều tra, khảo sát, nghiên cứu, để đảm bảo khai thác tốt tài nguyên du lịch sẵn có, nhằm làm phong phú cho sản phẩm du lịch của làng sinh thái Lỗ Khê – Liên Hà, nhóm nghiên cứu đã đề xuất quy hoạch khu chức năng như sau:

 Khu A: Trung tâm quản lý điều hành - Dịch vụ du lịch


1. Cổng chào “Làng sinh thái Lỗ Khê”: qui mô vừa phải
2. Nhà khánh tiết - trưng bày giới thiệu - quản lý điều hành: qui mô 160 m²
3. Nhà bảo vệ: qui mô 12 m²
4. Bãi đỗ xe: qui mô 30 ô tô

 Khu B: Trung tâm thương mại - chợ làng - cụm tiêu thủ công nghiệp truyền thống

1. Chợ làng: qui mô 40 gian
2. Cụm kiốt bán hàng: 400 m²
3. Nhà quản lý điều hành: qui mô 60 m²
4. Nhà sản xuất và bán đồ lưu niệm: qui mô 120 m²
5. Cụm tiêu thủ công nghiệp truyền thống
6. Bãi đỗ xe: qui mô 30 ô tô.

 Khu C: Trung tâm thể dục thể thao - vui chơi cộng đồng


1. Sân lễ hội truyền thống
2. Sân bóng đá mini, bóng chuyền, tennis, cầu lông, cắm trại dã ngoại: qui mô 5500 m²
3. Nhà dịch vụ quản lý: Qui mô 24 m²

 Khu D: Khu du lịch sinh thái

1. Nhà dịch vụ quản lý: qui mô 24 m²
2. Khu đầm, ao thả cá, thủy sản: qui mô 30 ao (4500 m²), 20 lều câu (180m²)
3. Nhà hàng: qui mô 3 nhà (300 m²)
4. Nhà nghỉ: qui mô 10 nhà (300 m²)
5. Vườn cảnh quan: qui mô 10000 m²

 Khu E: Trung tâm văn hóa nghệ thuật dân gian

1. Câu lạc bộ
2. Sân khấu biểu diễn ngoài trời

 Khu F: Trung tâm ẩm thực truyền thống

1. Nhà dịch vụ quản lý: qui mô 24 m²
2. Nhà hàng: qui mô 3 nhà (300 m²)

3.1.3. Bảo tồn và khai thác ca trù

3.1.3.1. Thực trạng bảo tồn nghệ thuật ca trù ở Lỗ Khê trong những năm gần đây

Trải qua gần một nghìn năm hình thành và phát triển, Ca trù đã trở thành một loại hình ca nhạc cổ truyền của dân tộc. Đã từng có một thời ca trù giữ một vị trí khá đặc biệt trong đời sống văn hóa cộng đồng. Đầu thế kỷ XX, do ảnh hưởng của nền văn minh phương tây, những nền tảng đạo đức của dân tộc ta bị lung lay khiến các lề lối, luật lệ khắt khe của ca trù bị phá vỡ. Ca trù đã trở thành thứ kinh doanh, phục vụ nhu cầu của tầng lớp quan lại, người giàu sang thỏa mãn thú ăn chơi hưởng lạc, khiến ca trù không còn là một thú chơi tao nhã. Sau cách mạng tháng Tám, ca trù vẫn còn bị nhiều người thành kiến coi ca trù với cô đầu là xấu xa. Để tránh mang tiếng xấu, sợ người đời khinh miệt, hầu hết các nghệ nhân ca trù từng nổi tiếng một thời, người thì mai danh ẩn tích, người thì rời bỏ giáo phường, bỏ phách, bỏ đàn đi tìm nghề khác kiếm sống. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, hầu hết các thành phố, xóm làng đều bị bom đạn tàn phá, khiến cho ở các thành phố hình thức hát cô đầu không còn hợp thời và ở các làng quê cũng không còn điều kiện thành thoi để các giáo phường hoạt động. Ca trù trong nhiều năm tưởng như bị lãng quên. Tới những năm 70 của thế kỷ XX, Ca trù được nhắc đến, được coi là loại hình ca nhạc dân tộc độc đáo, quý hiếm của nền âm nhạc cổ truyền Việt Nam.

Ở Lỗ Khê gần 600 năm nay, ca trù tuy có đoạn thăng trầm nhưng khói hương ở nhà thờ Tổ sư không bao giờ ngừng kể cả trong những năm tháng chiến tranh ác liệt, chức quản giáp hai họ Nguyễn Văn, Nguyễn Thế vẫn thay nhau làm, cho mãi đến năm 1993 mới chuyển thành Ban quản lý nhà thờ do các cụ hai họ cử ra. Ngày nay mừng một hàng tháng hai họ vẫn sửa vấn lễ để cúng tổ.

Ngay sau cách mạng tháng Tám, ca trù ở Lỗ Khê đã chuyển hướng nội dung bài hát phục vụ kháng chiến, lấy bài hát nói “Giang san tín mỹ” của cụ Huỳnh Thúc Kháng đăng trên báo cứu quốc năm 1946 động viên toàn dân hãy

đứng lên chống Pháp.

Năm 1966 - 1967, được sự hỗ trợ kinh phí của huyện và xã, lớp đào tạo ca trù đầu tiên được mở do nghệ nhân Nguyễn Thế Tuất dạy đàn, nghệ nhân Nguyễn Thị Hào và Nguyễn Thị Mùi dạy hát, ông Phạm Huy Năng cán bộ thôn vừa chỉ đạo vừa trực tiếp sáng tác lời ca mang nội dung mới ca ngợi Đảng và Bác Hồ, ca ngợi đất nước quê hương đi lên Chủ nghĩa xã hội.

Năm 1993, ngành văn hóa huyện mở hai lớp đào tạo và nâng cao do nghệ nhân kép Nguyễn Văn Hành và nghệ nhân Phạm Thị Mùi truyền dạy. Kết quả lớp học này đã đào tạo được một số đào kép trẻ. Kép Nguyễn Văn Tuyền, Phạm Văn Phong; Đào Phạm Thị Mận, Nguyễn Thị Lan, Nguyễn Thị Thảo.

Năm 2002, ngành văn hóa huyện lại tổ chức lớp đào tạo các cháu tuổi học trò tiểu học và trung học cơ sở. Gần 50 cháu do đào nương Phạm Thị Mận truyền dạy, các cháu đã tiếp xúc với cỡ phách tre, tạm gõ được phách và bước đầu tập hát nói.

Năm 2007, ngành văn hóa huyện lại tổ chức mở lớp giao cho văn hóa xã quản lý, đào nương Nguyễn Thị Thảo dạy 30 buổi tối, học trò có 30 cháu. Lớp đào tạo các cháu đều gõ được 5 khổ phách cơ bản và một số bài hát nói. Còn lớp nâng cao của các bà trung nữ, nghệ nhân Dương Thị Nhiên truyền dạy.

Như vậy cùng với sự hồi phục nghệ thuật ca trù trong cả nước thì Lỗ Khê - nơi đất tổ ca trù cũng đã có những cống hiến, những nỗ lực không nhỏ để vực dậy làn điệu ca trù những tưởng đã bị lãng quên.

3.1.3.2. Bảo tồn và khai thác ca trù qua hình thức câu lạc bộ

Chế độ xã hội thay đổi, chiến tranh kéo dài liên miên đã buộc Ca trù phải “ngủ im” hơn 60 năm. Hơn 60 năm ấy gần hai thế hệ đào kép ra đi vĩnh viễn mang theo biết bao nhiêu tri thức nghề nghiệp, vốn liếng nghề nghiệp và cả tài năng nghề nghiệp.

Bước vào thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, một trào lưu phục hưng văn hóa truyền thống dân tộc được nhà nước phát động nhằm bảo tồn bản sắc

Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà huyện Đông Anh, Hà Nội

văn hóa trước sự xâm lăng của những trào lưu văn hóa toàn cầu. Nhiều Sở văn hóa thông tin trong cả nước đã vận động đào kép tham gia phục dựng hình thức nghệ thuật này.

Với sự vận động ấy, hàng loạt câu lạc bộ ca trù trong cả nước lần lượt ra đời. Và ngày 13 tháng 11 năm 1995 (lấy ngày hóa của nhị vị tổ sư ca trù), câu lạc bộ ca trù Lỗ Khê đã được thành lập, do chính quyền thôn thống nhất với các cụ hai họ nhằm nhân rộng phong trào.

Đề án xây dựng câu lạc bộ do ông Hoàng Kỷ khởi thảo. Ban chủ nhiệm có ba người: chủ nhiệm là ông Nguyễn Văn Phùng, phó chủ nhiệm là ông Nguyễn Thế Hối và bà Dương Thị Nhiên. Hội viên câu lạc bộ khởi đầu có 80 người bao gồm một số người biết đàn trước năm 1945 như ông Nguyễn Ninh Sơn. Những bà biết hát trước và sau năm 1945 như Đỗ Thị Nguyệt, Dương Thị Nhiên, Nguyễn Thị Vân, Nguyễn Thị Mịch, Hoàng Thị Thành, Đỗ Thị Sông, Nguyễn thị Nhón. Nguyễn Thị Tô, Nguyễn Thị Thiều... và những người mến mộ ca trù tham gia vào câu lạc bộ còn trên dưới 30 người.

Từ khi thành lập đến nay, câu lạc bộ đã đạt được một số kết quả đáng tự hào đó là đào tạo được đội ngũ nghệ nhân trẻ, tham gia đi hát phục vụ cửa đình 27 lần, một lần đi phục vụ đại hội VIII của Đảng ở Hà Nội...

Câu lạc bộ đã xúc tiến với nhiều đoàn quay phim, nhà văn, nhà báo trao đổi về ca trù hát cửa đình Lỗ Khê, đặc biệt đã truyền dạy cho sinh viên nước ngoài 1 tháng hát ca trù để làm luận án tiến sĩ. Đây là một điều đáng mừng, rằng qua đó ca trù Lỗ Khê cũng như ca trù Việt Nam sẽ được bạn bè thế giới biết đến nhiều hơn.

3.1.3.3. Bảo tồn ca trù trong các ngày lễ hội

Lỗ Khê là một làng thuần nông, người dân nơi đây quanh năm gắn bó với ruộng đồng ao hồ. Một năm hai vụ lúa hết gieo hạt, cấy lúa, tát nước... rồi lại gieo hạt, cấy lúa. Công việc chỉ có vậy, sau những ngày thu hoạch là những ngày nông nhàn, người dân nơi đây lại có thời gian vui chơi giải trí, tổ chức các

ngày lễ hội trong làng. Như đã thành lệ từ thời các cụ xa xưa đã có những ngày lễ hội gắn liền với các thời điểm nhất định trong năm. Lễ hội diễn ra là dịp con người tưởng nhớ đến những người có công tạo dựng, che chở cho xóm làng và đồng thời là dịp để con người thu giãn, nghỉ ngơi sau những ngày làm việc vất vả.

Ngày nay Lỗ Khê vẫn duy trì được phong tục đó, Ca trù thường được biểu diễn vào những ngày lễ hội như: mùng 10 tháng Giêng, mùng 10 tháng 8, và đặc biệt ngày sinh (6/4), ngày hóa (13/11) của Tổ sư ca trù.

3.1.3.4. Khai thác ca trù phục vụ khách du lịch

Những năm gần đây, ca trù đã được nhiều người biết đến hơn. Việc hình thành những câu lạc bộ ở một số thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương đã thu hút đông đảo những người yêu mến ca trù tham gia, đặc biệt là sự mến mộ của du khách nước ngoài đối với hình thức nghệ thuật này.

Ca trù Lỗ Khê cũng đã bảo tồn và khai thác để phục vụ khách du lịch. Nhưng do hoạt động du lịch ở Lỗ Khê chưa hình thành, ở Lỗ Khê chưa có không gian biểu diễn cũng như cơ sở vật chất kỹ thuật để phục vụ du khách, hơn nữa khách đến với ca trù chủ yếu là khách nước ngoài. Bởi vậy việc khai thác ca trù cho khách du lịch không được tổ chức ngay tại Lỗ Khê mà hàng ngày vào các buổi tối, các nghệ nhân làng Lỗ Khê thường đến hát tại các câu lạc bộ ở thủ đô Hà Nội để phục vụ du khách như: trung tâm văn hóa Thăng Long do Phạm Thị Huệ chủ nhiệm và đạo quán Bạch Vân.

3.2. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP NHẪM BẢO TỒN VÀ KHAI THÁC GIÁ TRỊ DU LỊCH Ở LỖ KHÊ

3.2.1. Dự báo xu thế phát triển của làng Lỗ Khê

Trong công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa hiện nay, với vị trí cách Thủ đô Hà Nội không xa. Lỗ Khê có điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội với các vùng lân cận và Thủ đô.

Lỗ Khê xưa nằm trong vùng có bề dày lịch sử văn hóa nổi tiếng là đất

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

Đông Ngàn xưa, nay là huyện Từ Sơn. Về mảnh đất này, sách Lịch triều hiến chương loại chí viết: “Mạch đất tốt tụ vào đây nên càng nhiều chỗ có dấu tích đẹp, tinh hoa hợp vào mà sinh ra nhiều danh thần. Vì là khí hồn trọng ở phương Bắc phát ra nên khác với mọi nơi... phong tục dân phần nhiều chuộng văn hóa ít quê kệch...”. Mảnh đất này chứa đựng bao giá trị lịch sử - văn hóa gắn liền với sự hình thành và thịnh vượng của vương triều Lý, ghi đậm dấu ấn trong các trang sử thăng trầm của đất nước. Mảnh đất này cũng đã hình thành một truyền thống hiếu học và khoa bảng rực rỡ, từ đó tạo nên cốt cách người dân nơi đây: tinh tế, hồn hậu trong cư xử, thông minh chịu khó trong lao động sản xuất. Quê hương Đông Ngàn không chỉ đi vào sử sách và lòng người bởi những truyền thống văn hóa tốt đẹp, những phong tục tập quán lễ hội đậm chất dân gian, mà còn nổi tiếng cả nước bởi những sản phẩm của các làng nghề truyền thống đạt đến độ tinh xảo.

Hoạt động du lịch của huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội trong những năm gần đây cũng rất phát triển. Với lợi thế là mảnh đất giàu tài nguyên du lịch nhân văn, nơi tập trung với mật độ dày đặc các di tích như: đình, đền, chùa... các loại hình sinh hoạt văn hóa truyền thống... Đông Anh đang hình thành tập trung phát triển loại hình du lịch văn hóa và đặc biệt là du lịch sinh thái.

Trong bối cảnh ấy, làng quê Lỗ Khê đang có những chuyển biến rõ rệt. Lỗ Khê đang trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Đặc biệt Lỗ Khê đang chú trọng phát triển làm đồ thủ công mỹ nghệ. Hoạt động này đem lại hiệu quả kinh tế rất cao. Trong nông nghiệp thế độc canh nông nghiệp đang được xóa dần, có sự kết hợp chặt chẽ giữa chăn nuôi và trồng trọt. Với những đổi thay về kinh tế, đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện. Đặc biệt, lĩnh vực giáo dục, đời sống văn hóa - xã hội được nâng lên một chất lượng mới. Cùng với sự cố gắng, nỗ lực của chính quyền và nhân dân Lỗ Khê nhằm xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, Lỗ Khê cũng nhận được sự quan tâm đặc biệt của nhà nước. Dự

án xây dựng mô hình làng du lịch sinh thái đã được đưa ra hội thảo nghiên cứu đề
kêu gọi đầu tư. Trong tương lai khi dự án này được hoàn thành, hứa hẹn sẽ tạo
nên một diện mạo mới cho miền quê này. Đây cũng là một cơ sở quan trọng cho
việc hình thành và phát triển du lịch ở Lỗ Khê.

Như vậy, Lỗ Khê đang và sẽ phát triển theo hướng đô thị hóa, công
nghiệp hóa. Những điều kiện thuận lợi trên là những tiền đề vô cùng quan trọng
để trong tương lai không xa Lỗ Khê sẽ phát triển đa dạng các hoạt động kinh tế,
trong đó có du lịch.

3.2.2. Giải pháp bảo tồn, khai thác các giá trị văn hóa chung của làng Lỗ Khê

3.2.2.1. Giải pháp tôn tạo và bảo tồn các di tích trong phát triển du lịch

Việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa có ý nghĩa tích cực trong
thu hút khách du lịch đến với Lỗ Khê.

Các di tích lịch sử văn hóa làng Lỗ Khê luôn được chính quyền và người
dân nơi đây bảo vệ, giữ gìn như những di sản quý giá của quê hương. UBND xã
Liên Hà đã cùng các cấp ngành có liên quan của huyện Đông Anh, TP Hà Nội kết
hợp các viện nghiên cứu chuyên ngành đã tiến hành các hoạt động thiết thực nhằm
bảo tồn, tôn tạo các giá trị lịch sử văn hóa của hệ thống di tích làng Lỗ Khê như: tổ
chức hội thảo khoa học về hai chí sĩ cách mạng Phạm Hoàng Triết và Phạm Hoàng
Luân thu hút được sự tham gia của rất nhiều nhà nghiên cứu. triển khai các hoạt
động trùng tu, tôn tạo phục hồi các di tích đình - chùa , nhà thờ ca công, sinh hoạt
văn hóa ca trù, lễ hội truyền thống...

Tuy nhiên cần có các phương án tu bổ, tôn tạo đối với từng di tích để đáp
ứng được yêu cầu trước mắt và lâu dài. Cần phân định các công việc phải làm
cho từng thời gian cụ thể, có như vậy việc tu bổ di tích mới không manh mún,
thiếu đồng bộ, từng bước khôi phục lại tổng thể các công trình kiến trúc, cần
phải có những người có trình độ chuyên môn để di tích không bị biến dạng theo
ý đồ chủ quan như đã từng xảy ra ở nhiều địa phương.

Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà huyện Đông Anh, Hà Nội

Trong các hạng mục di tích cần trùng tu tôn tạo thì cụm di tích đình - chùa được quan tâm hàng đầu. Ngoài ra, làng cần khôi phục lại hệ thống văn bia, văn chỉ - biểu tượng cho truyền thống trọng sự học, hiếu học của làng.

Bên cạnh các giá trị văn hóa vật thể như trên, để hoạt động du lịch hình thành và phát triển lâu dài và phong phú, chính quyền xã còn phải quan tâm nhiều hơn nữa đến việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể là các lễ hội truyền thống, đặc biệt là loại hình sinh hoạt ca trù. Riêng phần bảo tồn và khai thác giá trị nghệ thuật ca trù, một tiềm năng lớn cho phát triển du lịch của làng Lỗ Khê, em xin trình bày cụ thể hơn ở phần sau.

3.2.2.2. Giải pháp tuyên truyền, quảng cáo trong phát triển du lịch làng Lỗ Khê

Trong kinh doanh du lịch, hoạt động tuyên truyền, quảng bá giữ một vai trò quan trọng. Đối với Lỗ Khê, du lịch còn đang là một ngành hoàn toàn mới mẻ. Khách thập phương mới chỉ biết đến Lỗ Khê qua sử sách là một làng văn hóa cổ chứ chưa biết đến Lỗ Khê như một điểm du lịch. Vì vậy, hoạt động quảng cáo tuyên truyền càng cần phải được đặc biệt quan tâm.

Ủy ban nhân dân xã Lỗ Khê cần phải phối hợp với Sở văn hóa thể thao và du lịch Hà Nội đưa hình ảnh Lỗ Khê vào chiến dịch quảng bá du lịch của thành phố để thu hút sự chú ý quan tâm của khách thập phương đối với Lỗ Khê khi đến Hà Nội.

Hoạt động tuyên truyền, quảng bá thông qua các bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng, các ấn phẩm giới thiệu về các di tích lịch sử, các giá trị đối với mỗi di tích, cần phải gắn các bảng chỉ dẫn, cũng như bảng giới thiệu ngắn gọn về giá trị văn hóa, lịch sử của di tích đó để du khách hiểu được phần nào về đối tượng tham quan.

Để hoạt động du lịch diễn ra chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao, cần phải đào tạo cán bộ nhân viên hướng dẫn tại các điểm di tích. Hoạt động này có thể giúp cho du khách hiểu một cách sâu sắc và đúng di tích, đồng thời cũng khiến

cho hoạt động du lịch tại điểm du lịch có thêm “không khí”. Con em Lỗ Khê chính là nguồn lao động dồi dào cho hoạt động này. Vì vậy, cần phải tổ chức tuyên truyền, giảng dạy cho đội ngũ cán bộ nhân viên hiểu sâu sắc về các giá trị lịch sử cũng như truyền thống quý báu của quê hương, đồng thời tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn để họ có thể làm tốt công việc của mình.

3.2.2.3. Giải pháp xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Muốn hình thành và phát triển du lịch ở Lỗ Khê, song song với công tác tuyên truyền, quảng bá cần đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Trước hết cần phải đảm bảo đầy đủ vấn đề ăn, nghỉ cho khách du lịch khi họ đến với Lỗ Khê.

Việc xây dựng các nhà nghỉ với các tiện nghi, trang thiết bị hiện đại, kiến trúc theo phong cách hài hòa, thân thiện với môi trường cảnh quan thiên nhiên làng Lỗ Khê sẽ đem lại cảm giác thú vị, thoải mái cho du khách.

Hiện nay đời sống của người dân Lỗ Khê ngày càng được nâng cao. Các ngôi nhà tầng mọc lên ngày càng nhiều. Nếu phát triển loại hình du lịch Homestay kết hợp với du lịch tham quan, nghiên cứu thì đây là cơ sở thuận lợi để giải quyết vấn đề nghỉ ngơi của khách.

Cần đảm bảo diện tích đỗ xe cho du khách ở vị trí hợp lý, không gây ô nhiễm cho môi trường sống và sinh hoạt của người dân địa phương.

Cần xây dựng hệ thống các nhà hàng phục vụ ăn uống cho du khách, đảm bảo tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

Để hoạt động du lịch được phong phú, sôi nổi cần xây dựng các cửa hàng giới thiệu và kinh doanh các sản phẩm đặc trưng của Lỗ Khê từ các ngành thủ công nghiệp và nông nghiệp, vừa đáp ứng nhu cầu mua của du khách, vừa đem lại nguồn thu nhập cho người dân địa phương.

Cần đảm bảo tốt vấn đề điện nước, thông tin liên lạc một cách tốt nhất cho du khách.

Quá trình xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cần phải được tiến hành theo

định hướng quy hoạch của xã Liên Hà, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường tự nhiên, văn hóa và xã hội của làng Lỗ Khê, có ý nghĩa thúc đẩy kinh tế Lỗ Khê phát triển.

3.2.2.4. Giải pháp huy động vốn để phát triển du lịch

Hiện nay, hoạt động du lịch ở Lỗ Khê chưa hình thành nhưng lại có rất nhiều tiềm năng, nếu có phương án quy hoạch hợp lý, du lịch sẽ là một trong những hoạt động kinh tế sôi nổi, có khả năng thay đổi diện mạo của vùng quê này. Vì vậy ngành du lịch ở Liên Hà nói chung, ở làng Lỗ Khê nói riêng cần phải tăng cường thu hút đầu tư để khai thác hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên. Vì tài nguyên du lịch ở Lỗ Khê còn ở dạng tiềm năng, bởi vậy muốn đưa vào khai thác cần phải nghiên cứu kỹ về nhu cầu, thị hiếu, khả năng đáp ứng nhu cầu của du khách cũng như việc thu hút đầu tư để xây dựng thành các điểm du lịch. Khi nghiên cứu phải đưa ra các sản phẩm du lịch độc đáo có sức thu hút khách du lịch, tránh việc khai thác tràn lan không thu hút được khách và phải chú ý tới việc bảo vệ môi trường.

Để hình thành và phát triển hoạt động du lịch ở Lỗ Khê cần có sự nỗ lực quyết tâm và góp sức của các cấp ngành có liên quan và người dân địa phương, đặc biệt là vấn đề kinh phí cho các công tác sau:

- Bảo tồn, tu bổ cho các di tích lịch sử văn hóa.
- Xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch.
- Công tác tuyên truyền quảng bá phục vụ phát triển du lịch.
- Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ hoạt động du lịch.

Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, chính quyền xã Liên Hà cần đẩy mạnh và mở rộng các hình thức huy động vốn:

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.
- Nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài địa phương.
- Đóng góp của nhân dân địa phương.
- Đóng góp của người làng Lỗ Khê đang sinh sống, làm ăn ở trong và

ngoài nước.

- Đóng góp của khách thập phương.
- Nguồn vốn vay từ ngân hàng.

3.2.2.5. Giải pháp về giáo dục cộng đồng

Một trong những yếu tố góp phần tích cực vào việc bảo vệ nguồn tài nguyên và môi trường du lịch đó chính là việc giáo dục cộng đồng. Đối với cộng đồng dân cư địa phương cần tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về giá trị của các loại tài nguyên với hoạt động du lịch. Đồng thời giúp cho người dân hiểu được rằng hoạt động du lịch sẽ tạo ra công ăn việc làm và sẽ làm giàu cho họ. Từ đó họ sẽ tích cực bảo vệ, tôn tạo và đóng góp tiền của để trùng tu tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, có ý thức khôi phục và duy trì các làng nghề truyền thống, các loại hình nghệ thuật để phục vụ du khách. Ngoài ra còn hạn chế những ứng xử không đẹp với du khách làm xấu đi hình ảnh của du lịch Lỗ Khê trong lòng du khách.

3.2.2.6. Đề xuất một số tour, tuyến du lịch

Dựa trên hệ thống các di tích lịch sử văn hóa, các giá trị truyền thống của làng có thể hình thành một số tuyến du lịch sau:

➤ **Tuyến du lịch trong làng**

Trong tuyến du lịch này, du khách sẽ đến thăm các di tích lịch sử văn hóa làng Lỗ Khê để hiểu về lịch sử hình thành và phát triển cũng những truyền thống quý báu của làng.

Điểm đến đầu tiên trong tuyến du lịch này là quần thể di tích đình làng, chùa Bụt mọc - di tích tiêu biểu nhất trong hệ thống các di tích của làng. Du khách sẽ được dâng hương lễ phật, thăm văn cảnh chùa, ngoài ra còn được tiếp xúc với những tư liệu và kiến thức lịch sử của các di tích này, về các nhân vật được tôn thờ tại đây, vừa rất đời thường nhưng lại rất đổi linh thiêng.

Cũng trong tuyến du lịch này, du khách có thể tìm hiểu về tên tuổi của những người con ưu tú của Lỗ Khê qua các tấm văn bia được lưu giữ tại đình Lỗ Khê.

Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà huyện Đông Anh, Hà Nội

Sau khi đã tham quan cụm di tích đình chùa, du khách lại tiếp tục cuộc hành trình của mình, theo con đường làng đến nhà thờ hai chí sĩ cách mạng là Phạm Hoàng Triết và Phạm Hoàng Luân - hai nhà nho yêu nước có công lớn trong việc “thức tỉnh hồn nước”, thức tỉnh nhân dân tham gia phong trào chống Pháp, đấu tranh giành độc lập cho đất nước. Với việc tham quan và thuyết minh về cuộc đời của hai ông sẽ giúp giáo dục tinh thần yêu quê hương đất nước cho thế hệ trẻ.

Điểm đến cuối cùng trong chuyến hệ thống các di tích làng Lỗ Khê là nhà thờ Ca công, nơi lưu giữ những giá trị quý báu minh chứng cho dấu tích đất tổ ca trù của Việt Nam. Cùng với việc tham quan nhà thờ, du khách còn được thả hồn mình trong những làn điệu ca trù do chính các nghệ nhân trong làng biểu diễn.

Như vậy, thông qua tuyến du lịch này du khách sẽ hiểu thêm về một làng quê Lỗ Khê với bề dày lịch sử văn hóa.

➤ Các tuyến du lịch từ Lỗ Khê đi các nơi

Làng Lỗ Khê nằm kề cận các làng nghề mộc chạm nổi tiếng như Thiết úng (xã Vân Hà, huyện Đông Anh), Phù Khê, Đồng Kỵ (huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Làng, xã còn kề cận một loạt làng có di tích lịch sử văn hóa gắn với các lễ hội nổi tiếng trong vùng, như Khu di tích và hội Cổ Loa (cách 5 km về phía Bắc), Đền Sái với tục rước vua sống (xã Thụy Lâm); hay các loại hình nghệ thuật dân gian độc đáo mà tiêu biểu là rối Đào Thục (xã Thụy Lâm) và các làng điệu dân ca Quan họ. Đó là những thuận lợi cơ bản để hình thành và phát triển du lịch sinh thái trong sự kết hợp với du lịch làng nghề và du lịch văn hóa, hay nói một cách khác, sản phẩm du lịch của Lỗ Khê là: du lịch sinh thái - văn hóa - làng nghề.

- Tuyến du lịch làng nghề: Lỗ Khê - Thiết Úng - Phù Khê - Đồng Kỵ
- Tuyến du lịch lễ hội: Lỗ Khê - Đền Sái (Thụy Lâm) - Cổ Loa
- Tuyến du lịch văn hóa: Lỗ Khê - Bắc Ninh
- Tuyến du lịch thưởng thức các nghệ thuật dân gian : ca trù Lỗ Khê - múa rối Đào Thục (Thụy Lâm) - quan họ Bắc Ninh
- Tuyến du lịch sinh thái: Lỗ Khê - Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cuối

tuần Sóc Sơn

3.2.3. Giải pháp cho phát triển ca trù phục vụ du lịch

Nhận thức được tầm quan trọng của Ca trù trong những năm qua Đảng bộ chính quyền địa phương đã hết sức coi trọng việc bảo vệ giữ gìn, khai thác, phát huy các giá trị của ca trù trong phát triển du lịch. Bởi vì một tài nguyên du lịch có tiềm năng lớn đến đâu nhưng không có định hướng bảo tồn một cách hợp lý, chắc chắn tài nguyên đó sẽ bị mai một. Định hướng chung được đề ra trước hết là phải bảo tồn, giữ gìn những giá trị truyền thống đặc sắc của ca trù đồng thời đưa được những giá trị truyền thống ấy đến đông đảo quần chúng qua con đường du lịch, đáp ứng ngày càng cao của khách về những giá trị đặc sắc của ca trù.

Để bảo tồn và phát huy các giá trị của ca trù đòi hỏi phải có sự quan tâm của các ban ngành đoàn thể, các cấp lãnh đạo từ trung ương đến địa phương. Hiện nay một trong những giải pháp được đánh giá cao nhất là mở lớp dạy các nghệ nhân hát ca trù đặc biệt ưu tiên cho các thế hệ là con cháu của các nghệ nhân vì họ có điều kiện tiếp xúc với các ngón nghề, các bí quyết của các thế hệ cha ông trong những gia đình có truyền thống lâu đời.

Có thể nói rằng, trong những tiềm năng du lịch của làng Lỗ Khê thì nghệ thuật Ca trù đóng vai trò hết sức quan trọng, đây được coi là một điểm sáng trong hoạt động du lịch của Làng. Nhận thấy tầm quan trọng đó, nên em muốn đưa ra một số giải pháp riêng cho Ca trù với mong muốn không chỉ bảo tồn lưu giữ được loại hình nghệ thuật quý giá này, mà qua đó cùng với sự kết hợp hệ thống các di tích, các phong tục, lễ hội khác sẽ mang lại một sự đổi thay cho hoạt động du lịch của làng nói riêng và của toàn huyện Đông Anh nói chung.

3.2.3.1. Đào tạo nghệ nhân Ca trù

Đây được coi là biện pháp khả thi nhất và đạt được hiệu quả cao nhất. Để ca trù có thể được lưu giữ và phát triển bền vững thì phải có thế hệ kế thừa những thành công của cha ông, muốn vậy phải đào tạo lớp nghệ nhân một cách thường xuyên bài bản và theo một mô hình chuyên biệt. Vì có một thức tế là đào

tạo ca trù chưa có trong hệ thống trường lớp chuyên ngành văn hóa nghệ thuật. Sách vở nghiên cứu ca trù tuy nhiều nhưng sách dạy về ca trù là chưa có. Qua các lớp truyền nghề cho thấy thời gian học ca trù rất dài và gian khổ trong khi đó học xong rất khó kiếm tiền so với các ngành học khác. Do đó việc đề ra kế hoạch ca trù phải kèm theo một số chính sách ưu đãi mới thu được nhân tài trong chiến lược giáo dục.

Đối với người học: Bên cạnh chính sách ưu đãi chính sách về chi phí cần có chế độ ưu tiên cho sinh viên tài năng để kịp thời đào tạo đội ngũ nghệ nhân kế cận, sau khi cấp chứng chỉ tốt nghiệp và tuyển dụng làm việc ở những nơi sử dụng đúng ngành nghề của họ như các nhà hát, các câu lạc bộ hay các trường dạy nghề của địa phương.

Đối với người dạy: Đặc biệt là các nghệ nhân, các nhân chứng sống của ca trù thì chính quyền cần có các biện pháp nhằm hỗ trợ cho cuộc sống của họ vì phần lớn các nghệ nhân của ta đều có cuộc sống khó khăn do thu nhập thấp và chủ yếu sống bằng nông nghiệp, có như thế họ mới chuyên tâm hơn trong việc truyền nghề. Công lao và tài năng của nghệ nhân cần được tương thưởng xứng đáng để họ đem hết tâm huyết của mình truyền thụ cho thế hệ sau một cách bài bản hơn và đầy đủ nhất trong tầm hiểu biết của mình để tránh tình trạng không vì tư lợi cá nhân mà giấu nghề hoặc truyền thụ sai.

3.2.3.2. Nghiên cứu thu thập tài liệu

Đây được coi là vấn đề then chốt của công tác bảo tồn vì để bảo tồn phải tiến hành kiểm tra nghiên cứu, nghiên cứu các giá trị liên quan đến hình thức ca trù xây dựng kế hoạch sưu tầm sách vở để dần dựng các chương trình bảo tồn, tránh nguy cơ mất mát.

Bên cạnh việc sưu tầm, thu thập các bài hát cũng cần biên soạn và xuất bản các ấn phẩm ca trù trên cơ sở tiếp cận các nghệ nhân, các nhân chứng sống còn hiểu biết để tiến hành thu băng, chụp hình quay phim để công bố rộng rãi. Giới thiệu với công chúng qua các ấn phẩm, các buổi thảo luận chuyên đề, các

buổi liên hoan hội thảo cũng không kém phần quan trọng nhằm góp phần nâng cao trình độ nhận thức nhằm thức dậy tình yêu đối với ca trù thuộc mọi tầng lớp nhân dân. Việc tổ chức các buổi hội thảo để thế hệ trẻ thấy đây là một vấn đề cấp bách. Họ có hiểu thì mới yêu, từ đó mới có ý thức và trách nhiệm của mình trong việc bảo tồn, giữ gìn phát huy loại hình nghệ thuật có nguy cơ không lây lại được. Vì thế hệ trẻ chính là cầu nối quan trọng trong việc tuyên truyền quảng bá hình ảnh của ca trù.

3.2.3.3. Chính sách hỗ trợ tài chính đối với những nghệ nhân

Những người tham gia hoạt động trong nghệ thuật ca trù, họ là những nghệ nhân, những diễn viên không chuyên. Họ đã, đang và sẽ tiếp nối truyền thống tổ nghề, trực tiếp giữ gìn, bảo tồn và lưu truyền giá trị truyền thống của dân tộc cho thế hệ mai sau. Họ là những người nông dân chân lấm tay bùn bước vào nghệ thuật, nguồn thu nhập chính của họ là sản xuất nông nghiệp và một số ngành nghề khác nhưng không ổn định. Vì vậy họ cần có chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền trợ cấp hàng tháng như những người nghệ sĩ thực thụ phục vụ cho ngành nghệ thuật để họ có thể ổn định cuộc sống, chuyên tâm dồn hết năng lực và tâm huyết cho việc khôi phục và phát triển những giá trị quý báu của môn nghệ thuật này.

3.2.3.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng cáo

Một thực tế dễ nhận thấy hiện nay là hát Ca trù là một di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận, được bạn bè quốc tế biết đến, tuy nhiên Ca trù Việt Nam nói chung và Ca trù Lỗ Khê nói riêng chưa thực sự được quan tâm. Vì vậy cần tăng cường đầu tư cho các hoạt động tuyên truyền quảng bá hình ảnh của nghệ thuật Ca trù.

Trước hết xã Liên Hà cần phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng của huyện, thành phố và địa phương để quảng bá, lập các biển quảng cáo, pano áp phích ở các tuyến đường chính từ trung tâm huyện xuống địa phận làng Lỗ Khê. Đồng thời chúng ta nên làm các tập gấp trong đó giới thiệu về nghệ

*Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội*

thuật ca trù để khách du lịch có được chút ít hiểu về loại hình nghệ thuật này. Trong các tập gấp, tờ rơi quảng cáo nên để ở dạng song ngữ (tiếng Anh), bởi nguồn khách chính chủ yếu đến thưởng thức ca trù là người nước ngoài.

Quảng cáo Ca trù trên mạng internet bằng cách lập một trang web riêng bên cạnh những thông tin chung chung trong trang web của du lịch Đông Anh, Hà Nội. Trong trang web này sẽ chi tiết cho khách du lịch biết về lịch sử hình thành, quá trình phát triển, những nét riêng biệt độc đáo của giáo phường ca trù Lỗ Khê so với các đoàn biểu diễn khác.

3.2.3.5. Liên kết với các công ty du lịch

Để có thêm nguồn khách du lịch, ngoài việc tăng cường thông tin quảng cáo để khách có thông tin về Ca trù Lỗ Khê thì việc tăng cường khai thác ký hợp đồng với các công ty du lịch là việc làm hết sức cần thiết. Bởi thông qua các công ty du lịch, các hàng lữ hành thì khách du lịch sẽ đến với Ca trù nhiều hơn. Họ sẽ là những người cung cấp một lượng khách thường xuyên và ổn định cho phường. Hiện tại trên địa bàn huyện Đông Anh, số công ty du lịch chưa nhiều, có thể liên kết với các công ty du lịch ngoài huyện hay trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

KẾT LUẬN

Trong cuộc sống bận rộn của thời đại công nghiệp, khi kinh tế nhiều khi đã không còn là mối lo chính thì việc nghỉ ngơi giải trí đặc biệt là đi du lịch đã trở thành lựa chọn của nhiều gia đình. Bên cạnh việc lựa chọn những địa điểm nghỉ ngơi như đi du lịch biển, du lịch núi thì du lịch văn hóa cũng là một sự lựa chọn của rất nhiều người.

Đến từng vùng đất, từng miền khác nhau, du khách sẽ thấy được sự khác biệt trong sinh hoạt trong truyền thống ăn ở từng nơi. Sự khác biệt ấy tạo nên hấp dẫn với mỗi du khách trong hành trình khám phá của mình.

Văn hóa làng, đặc biệt văn hóa làng Bắc Bộ, nơi lưu giữ những giá trị văn hóa cổ truyền, những phong tục tập quán tốt đẹp, những giá trị lịch sử lâu đời, truyền thống đánh giặc giữ làng giữ nước của cư dân người Việt từ bao đời nay là nét thu hút lớn của du khách trong và ngoài nước.

Làng Lỗ Khê Làng Lỗ Khê thuộc xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội là một làng có bề dày lịch sử và truyền thống văn hóa tiêu biểu cho một vùng quê Bắc Bộ. Vùng quê này gần như hội tụ đủ những truyền thống văn hiến của đất nước.

Phát triển loại hình du lịch văn hóa là lựa chọn tối ưu trong hướng phát triển du lịch của làng. Phát triển du lịch không những tạo cơ hội quảng bá lớn về các di tích lịch sử, lễ hội của làng mà còn tăng thêm nguồn kinh phí trong công tác tu bổ tôn tạo di tích cũng như phát triển kinh tế của làng. Hướng phát triển kinh tế này còn tạo thu nhập cho dân làng, nhất là những hộ dân đã bị mất đất nông nghiệp chuyển hướng sang làm dịch vụ.

Tài nguyên du lịch là rất nhiều, song cho đến nay hoạt động du lịch của làng Lỗ Khê chưa hề phát triển nếu không nói là không có gì. Nếu để tình trạng như vậy sẽ gây lãng phí tài nguyên. Vì vậy việc nghiên cứu quy hoạch đưa làng Lỗ Khê trở thành điểm du lịch, để những tài nguyên ấy trở nên sống dậy là vấn đề cấp bách hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Xuân Đính, *Giáo dục và khoa cử nho học Thăng Long Hà Nội*, Nhà xuất bản, Hà Nội, năm 2010.
2. Đỗ Bằng Đoàn - Đỗ Trọng Huề, *Việt Nam ca trù biên khảo*, Nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh, năm 1994.
3. Trần Từ, *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984.
4. Bùi Thị Hải Yến, *Quy hoạch du lịch*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2006.
5. Bùi Thị Hải Yến, *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, năm 2006.
6. Ban chấp hành Đảng bộ Hà Nội, *Liên Hà truyền thống lịch sử văn hóa và cách mạng*, Hà Nội, năm 2004.
7. Chi bộ thôn Lỗ Khê, *Lỗ Khê xưa và nay*, Hà Nội, năm 2001.
8. *Hương ước xã Lỗ Khê* lập năm 1921, lưu tại thư viện Thông tin Khoa học Xã hội.
9. Trung tâm nghiên cứu và phát triển vùng, *Báo cáo chuyên đề xây dựng mô hình làng sinh thái làng Lỗ Khê*, Hà Nội năm 2005.
10. Sở Văn hóa Thông tin - hội văn nghệ Hà Nội, *Hát cửa đình Lỗ Khê*, năm 1980.
11. UBND huyện Đông Anh, *Kỷ yếu hội thảo khoa học về hai chí sĩ cách mạng*, năm 2006.
12. Viện âm nhạc Hà Nội, *Đặc khảo ca trù Việt Nam*, năm 2006.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Bố cục của khoá luận	4
Chương 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ LÀNG LỖ KHÊ	5
1.1. ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH.....	5
1.2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG LỖ KHÊ.....	6
1.3. CƠ SỞ KINH TẾ	8
1.3.1. Nông nghiệp	8
1.3.2. Thủ công nghiệp.....	11
1.3.3. Thương nghiệp	11
1.4. CƠ CẤU TỔ CHỨC LÀNG LỖ KHÊ	12
1.4.1. Xóm ngõ	13
1.4.2. Dòng họ.....	14
1.4.3. Giáp và phường hội.....	15
1.4.4. Bộ máy tổ chức quản lý	17
Chương 2. NHỮNG GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VĂN HÓA CỦA LÀNG CA TRÙ LỖ KHÊ	23
2.1. CÁC THÀNH TỐ VÀ CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA VẬT THỂ	23
2.1.1. Đình.....	23
2.1.2. Chùa Bụt Mọc (Quang Linh Am tự).....	26
2.1.3. Các di tích khác	28
2.2. CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA PHI VẬT THỂ.....	29
2.2.1. Phong tục tập quán	29
2.2.2. Lễ hội.....	34

2.2.3. Truyền thống cách mạng và truyền thống khoa bảng.....	36
2.3. CA TRÙ – NÉT VĂN HÓA ĐỘC ĐÁO CỦA LÀNG LỖ KHÊ	37
2.3.1. Lỗ Khê – Đất Tổ ca trù	37
2.3.2. Tổ chức giáo phường ca trù Lỗ Khê	37
2.3.3. Hát cửa đình – Không gian biểu diễn đặc trưng ở Lỗ Khê.....	43
2.3.4. Giá trị độc đáo của ca trù	56
Chương 3. GIẢI PHÁP BẢO TỒN, KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, VĂN HÓA CỦA LÀNG CA TRÙ LỖ KHÊ PHỤC VỤ DU LỊCH	62
3.1. THỰC TRẠNG BẢO TỒN, KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, VĂN HÓA PHỤC VỤ DU LỊCH	62
3.1.1. Bảo tồn các di sản văn hóa làng	62
3.1.2. Quy hoạch du lịch sinh thái làng Lỗ Khê	63
3.1.3. Bảo tồn và khai thác ca trù.....	65
3.2. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP NHẪM BẢO TỒN VÀ KHAI THÁC GIÁ TRỊ DU LỊCH Ở LỖ KHÊ.....	68
3.2.1. Dự báo xu thế phát triển của làng Lỗ Khê	68
3.2.2. Giải pháp bảo tồn, khai thác các giá trị văn hóa chung của làng Lỗ Khê ...	70
3.2.3. Giải pháp cho phát triển ca trù phục vụ du lịch	76
KẾT LUẬN	80
TÀI LIỆU THAM KHẢO	81
PHỤ LỤC	

LỜI CẢM ƠN

Khóa luận tốt nghiệp là kết quả học tập của mỗi sinh viên sau thời gian dài miệt mài học tập. Vì vậy nó có vai trò, ý nghĩa rất to lớn, đánh giá phần nào kết quả học tập của người thực hiện khóa luận. Khóa luận này được hoàn thành tại khoa văn hóa du lịch, trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.

Để hoàn thành khóa luận, em đã nhận được sự chỉ bảo tận tình của PGS.TS Bùi Xuân Đính trong việc định hướng đề tài, truyền đạt các kinh nghiệm nghiên cứu, nhất là kinh nghiệm điền dã thu thập tài liệu, hình thành các ý tưởng khoa học đến cách viết bài. Qua đây em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Thầy.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn đến các cán bộ UBND xã Liên Hà, cán bộ và nhân dân thôn Lỗ Khê, đặc biệt là cụ Hoàng Kỳ đã tận tình chỉ bảo, cung cấp thông tin tài liệu giúp em hoàn thành đề tài.

Cuối cùng, em xin tỏ lòng cảm ơn tới toàn thể các thầy cô giáo trong khoa văn hóa du lịch trường Đại học Dân Lập Hải Phòng đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ em hoàn thành khóa luận này.

Trong quá trình làm đề tài này, do kiến thức còn hạn chế và thời gian có hạn, mặc dù đã cố gắng nhưng khóa luận không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Kính mong thầy cô giáo và bạn bè quan tâm đóng góp ý kiến để khóa luận hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng 6 năm 2010

Sinh viên

Trần Thị Xuyên

PHỤ LỤC

- I. Các tư liệu liên quan đến Ca trù Lỗ Khê
 - 1. Thần tích tổ sư ca trù
 - 2. Một số bài hát trong hát Cửa đình Lỗ Khê
- II. Danh sách người làng Lỗ Khê đỗ Hương cống, cử nhân thời phong kiến
- III. Sơ đồ, ảnh làng Lỗ Khê

I. Các tư liệu liên quan đến Ca trù

1. Thần tích tổ sư ca trù

Theo chiều dài lịch sử của nước Việt Nam qua các đời Đế Vương thì chỉ đến đời vua Lê Thái Tổ (đầu thế kỷ XV) mới xuất hiện văn hóa ca công do một người họ Đinh, húy là Lễ (Đinh Lễ), người động Hoa Lư, huyện An Khánh, phủ Trường An, đạo Thanh Hóa tòng Lê Lợi khởi nghĩa Lam Sơn chống Vương Thông mười năm. Đinh Lễ có vợ là người họ Trần, hiệu Minh Châu. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng Đinh Lễ đi viễn cảnh đến huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, đạo Thanh Hóa, nơi đây có một hang động rất mơ mộng bên bờ biển, dân quanh vùng quen gọi là “động Bích Đào” hay còn gọi là “động Thần Tiên”. Lúc ấy mặt trời vừa xế bóng, hai vợ chồng nằm nghỉ trong hang động. Minh Châu mơ màng thấy hai ông già đến tự xưng: “ Ta vốn ở trên điện Thừa Hoa tên là Đông Phương Sóc hàng ngày thường giáng hạ xuống các Tiên cung biển. Ta thấy nhà ngươi có đức dày như trời biển non cao ở nơi đất tốt, khi sinh con ắt được quý tử như mong muốn, ý trời đã định như vậy”. Nói xong, ông già theo mây về trời. Đinh Lễ khi tỉnh dậy người nhẹ nhàng khoan khoái liền có bài thơ tức cảnh:

*“ Hải thượng quần tiên sự diều mang
Bích Đào động Khẩu thái hoang lương
Càn Khôn nhất ngộ cùng Đông sóc
Vân Thủy song nga lão Bắc Phương
Thạch cổ hữu thanh sao hiểu nguyệt
Sa diêm vô vị niết thu sương
Thế nhân khổ tác Thiên Thai mộng
Thùy Thức Thiên Thai triệu bát tràng”*

Tam dịch là:

*“ Trên biển người tiên chuyện mãi vương
Bích Đào cửa động khá thê lương
Trời đất rui may gặp Đông Sóc*

*Mây nước đôi đường tới Bắc phương
Trống đá âm vang va bóng nguyệt
Muối sao vô vị nhạt thu xương
Người đời đâu dễ thiên thai mộng
Ai biết thiên thai chẳng mơ màng”*

Đến một ngày thượng tuần tháng Giêng, Lê Thái Tổ có thư gửi đến Đinh Lễ, sai Đinh Lễ cầm quân lên biên giới phía bắc tuần phòng để ứng phó với quân Minh ngay từ đầu khi chúng qua biên giới sang nước ta. Một trận giao chiến quyết liệt với quân Minh, lực lượng hao mòn nhiều mà vẫn không phân thắng bại. Để bảo tồn củng cố lực lượng, Đinh Lễ một mặt để bộ phận nhỏ ở lại canh giới, còn đại bộ phận rút về Lỗ Khê trang, nơi đây có địa hình địa vật có lợi về quân sự và lại là nơi có phong cảnh đẹp sơn thủy hữu tình, có thể địa hình dáng hình con Phượng múa về hình cây đàn. Đại quân của Đinh Lễ dừng lại ở Lỗ Khê trang thiết lập đồn trại được nhân dân Lỗ Khê nhiệt tình ủng hộ giúp đỡ mọi phương diện.

Tại bản doanh, một đêm trăng thu mát mẻ, vợ chồng Đinh Lễ nằm ngủ, bà Trần Minh Châu mơ màng thấy một con rắn xanh bò đến trườn vào lòng bà quẩn quýt và ẩn trong lòng bà. Bà hoảng sợ bừng tỉnh dậy thấy trong lòng khoan khoái, bà tự nhủ: Chắc là trời đất mang điềm lành giành cho bà nơi đất bản doanh này, từ đó bà mang thai và cái bào thai cứ to dần. Đinh Lễ thấy vợ mang thai càng nức lòng vui. Đến năm Quý Tị (1413), tháng Tư, ngày mồng Sáu bà sinh ra một người con trai, thân hình dài rộng, mặt mũi khôi ngô. Đinh công biết sinh ra được người con trai như thế này là nhờ đất địa, bèn đặt tên là Đinh Dự.

Lại một ngày đầu mùa xuân, Lê Thái Tổ sai sứ giả mang thư đến Lỗ Khê trang cho Đinh Lễ, lệnh cho Đinh Lễ mang đại quân lên phía bắc hướng Lạng Sơn đánh chặn giặc Minh. Ông bèn tập trung quân lính cùng kéo tới đánh một trận lớn nhưng chưa phân thắng bại. Thế rồi ông trở về đạo Kinh Bắc, ở lại trang Lỗ Khê. Ngày tháng trôi qua, chàng Dự lên mười hai tuổi, thiên tư đỉnh đặc, học

*Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội*

vân tinh thông, cầm kỳ thi họa, đàn hát ngón nghề đều tinh đều khéo, chưa anh tài nào địch nổi.

Những ngày xuân đẹp trời, chàng dạo chơi đó đây, tìm hoa thơm cỏ lạ, đến những nơi giáo phường sành tay đàn giọng hát. Khi tới huyện Gia Bình phủ Thuận An, nghe nói ở trang Đông Cứu có rặng núi sừng sững soi bóng xuống dòng sông, trên đó có chùa Thiên Thai. Chàng bèn đến văn cảnh, tình cờ gặp một người con gái, giọng nói và dung nhan đều tuyệt hảo, có thể nói “chim sa cá lặn, nguyệt thẹn hoa nhường”. Chàng Đinh Dự ước hỏi: “Nàng ở đâu đến mà hai ta gặp gỡ nơi đây?”. Người con gái ấy đáp: “Thưa Đường Hoa Tiên Hải là thiếp, người ở động Nga Sơn Thanh Hóa, nhân lúc nhàn rỗi giờ nghề đàn ca hát xướng khắp các giáo phường”. Nghe xong, chàng Dự cười: “Thật là kỳ ngộ, đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Nay bậc đế vương đức hòa hợp ở trên, dạy dân ta hòa hợp ở dưới, vậy nên ta để lòng ở xứ Bắc này, nơi giáo phường lễ yêu nghĩa trọng. Cầm ca là nghiệp hai ta cùng theo đuổi đó”.

Thế rồi Đường Hoa và chàng Dự kết duyên vợ chồng. Sau ngày đó họ đưa nhau trở lại trang Lỗ Khê lập giáo phường, cha mẹ đều rất vừa ý. Khoảng một năm sau, họ dạy cho dân biết nghề đàn hát. Bấy giờ vua Lê Thái Tổ sai sứ giả mang thư đến, nói rằng giặc Minh rất đông, chia thành nhiều ngả kéo vào nước ta. Vua kể cùng lực kiệt, chả lẽ bó tay chịu thua. Nhà vua vì lo quá mà đổ bệnh, bèn triệu vời Đinh Lễ cấp tốc trở về Thanh Hóa để vua tôi bàn định kế sách tiến công. Ngay ngày hôm đó hai vợ chồng ông cùng con trai và nhân dân đem quân về Thanh Hóa. Không ngờ hai cha mẹ Đinh Lễ, Minh Châu giữa đường lâm bệnh rồi chết. Đinh Dự cùng binh sĩ rước thi hài về quê cũ, chọn đất tốt mai táng. Thế rồi vợ chồng Đinh Dự cùng đến nơi đồn sở của Thái Tổ, tâu: “Cha mẹ thần do số trời định đoạt, đã mất cả rồi. Thần xin tự nguyện đàn hát làm vui, giải bệnh cho bệ hạ”. Nhờ thế bệnh của nhà vua qua khỏi. Thái Tổ quyết chiến một trận, giặc bị bắt sống rất nhiều, quân Minh bị dẹp tan. Khi lên ngôi hoàng đế, Thái Tổ nhớ đến các bậc công thần nghĩa sĩ, bèn cho vời vợ chồng Đinh Dự về

*Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội*

kinh đô dự tiệc yến ẩm ban tước thường công.

Bảy giờ bỗng Đường Hoa nói với chồng mình là Đinh Dự rằng: “ Thiếp vốn do tinh anh vượng khí của trời đất chung đúc nên, biến hóa vô thường, tinh linh sáng suốt, thiếp cùng các bậc diêu nữ và đám quân tiên dất dẫn thao lược, biến hóa duyên lành, chu du thiên hạ. Thiếp từng đi khắp nam bắc tây đông, truyền dạy cho các phường bằng sức lực suốt cả cõi đời, những muốn lưu truyền tiếng thơm muôn thuở. Năm tháng ngày giờ đã mãn hạn ở trần thế, thiếp xin từ tạ phu quân để trở về thượng giới”. Nói rồi đọc luôn câu thơ:

*Trần phong triều tấu của trùng thiên
Tịch kích thành môn tuyệt khả liên
Nghĩa cũ báo sinh thân trượng tiết
Thời nhân hốt vị giáo phường hiền*

Tạm dịch thơ:

*Sáng ra dâng tấu triều đình
Chiều về khiến giặc ngoài thành thất kinh
Bề tôi nguyện hiến dâng mình
Giáo phường tài giỏi, dân tình ngợi khen.*

Nàng đọc xong liền bay vào cõi không biến mất. Thế rồi chồng nàng là Đinh Dự tưởng nhớ tình nghĩa vợ chồng bị trời đoạt đi, bèn bái tạ nhà vua và đọc một bài thơ:

*Lũy thế quân ân hốt khiết nhiên
Hiếu trung nhất tiết lưỡng kiêm tuyên
Hạc quy hoa biểu thiên niên tại
Vạn nhất tri tâm thác lão thiên*

Dịch thơ:

*Ơn vua đâu dám thờ ơ,
Hiếu trung con nguyện phụng thờ cả hai
Hạc đi, dấu vết nào phai,
Ông trời gửi gắm nay mai tác lòng.*

***Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội***

Đọc xong, chàng ngửa mặt lên trời than rằng “ Biết làm sao được nữa, cũng cùng một lẽ”. Đinh Dự liền đập đầu vào cột điện nhà vua, biến thành con rắn xanh vừa to vừa dài, bò quanh cột rồi biến mất. Nhà vua nghĩ rằng hai vợ chồng nhà này là bê tôi trung nghĩa. Đinh Dự cùng Đường Hoa hóa một ngày, ngày hôm đó là ngày 13 tháng 11.

Ngay ngày hôm đó, nhà vua truyền hịch ra toàn cõi nước Nam, lệnh cho thần dân các giáo phường lên kinh đô rước mỹ tự về dựng từ đường để thờ tự. Nhà vua chuẩn ban lệ cửa đình nước Nam như sau: Mùa xuân khai hạ cầu phúc được 300 mạch tiền, giáo phường được nhận để sắm sửa đèn nhang. Việc thờ cúng của giáo phường cũng y theo lệ đó.

Đến thời Hoàng đế Lê Thánh Tông, nhà vua ghi chép công tích của các công thần, phổ hiệp vần thành lời ca nhằm tôn vinh những điều tốt đẹp ấy, gồm các tác phẩm: “ Quân đạo thần tiết ” (Đạo của nhà vua, tiết tháo của bê tôi), “ Quân minh thần lương” (Vua sáng tôi hiền), “ Dao tướng anh hiền” (tướng nhớ các bậc anh tài). Nhà vua còn phong tặng Đinh Dự là “ Thanh Xà Đại Vương”, Đường Hoa là “Mãn Đường Hoa công chúa”, và chuẩn y cho giáo phường Lỗ Khê trang, đạo Kinh Bắc bốn chữ đại tự “ Sinh - Từ - Tự - Điền”.

Ôi, vẻ vang thay!

Lệ tục ngày sinh ngày sinh hóa và chữ húy cấm kỵ như sau:

- Cấm dùng bốn chữ: Lỗ, Châu, Dự, Hoa.
- Lệ tục ngày sinh: Ngày sinh mừng 6 tháng 4. Lễ cúng, trên đặt mâm cỗ chay, dưới đặt mâm cỗ thịt bê bò, xôi , rượu, xướng ca mười ngày.
- Lệ tục ngày hóa: Ngày 13 tháng 11. Lễ cúng, trên đặt mâm cỗ chay, dưới đặt mâm cỗ thịt lợn đen, xôi rượu.

2. Một số bài hát ca trù trong hát cửa đình Lỗ Khê

Dâng hương (4 khổ)

*Một nén hương thơm thấu chín lần
Kính trời kính đất kính linh thần
Chữ rằng nhất niệm thông tam giới
Mừng vua muôn tuổi trị muôn dân.*

----------

*Nghi ngút hương trầm thấu thượng thiên
Mây lòng năm thức, nguyệt lòng in
Thành kính dâng nén hương thơm khói
Rờ rờ vinh hoa ỨC VẠN NIÊN.*

----------

*Công minh chính trực vị chi thần
Biến hóa vô cùng đức đại nhân
Đại đức thanh cao tâm doanh ái
Cần Khôn chi tỵ tối linh thần.*

----------

*Xã dân hương khói trọn tiết tuần
Tưởng nhớ thánh linh cách bụi trần
Dâng nén hương thơm lòng thành kính
Âm phù dương trợ thịnh xã dân.*

Thét nhạc

Tiếng Dương tranh

*“ Đàn...(1) ai đàn một tiếng Dương tranh,
Chung thuở ngọc ô đàn nào nùng chiều ai oán.....
Nhạc Thiều...tâu,
Xa đưa tiếng nhạc Thiều tâu,
Vẳng nghe chuông giống lâu lâu lại...dừng
Dương, hơi dương đậm.....ấm...
Nhớ từ thuở hơi dương đậm ấm...
Năm thức mây che,*

*Thức mây che rờ rở ngát.....trời
Nguyệt dãi thêm lan,
Thanh bóng trắng thanh dài tỏ thêm lan...
Tiếc thay mặt ngọc thương ai,
Vây là đêm là đêm đông.....trường.
Rạng vẽ mây hồng,
Thiên, Nam thiên rạng vẽ mây hồng, rục rờ nghìn thu,
Nghìn thu ngạt...ngào.
Lãng uẩn xa bay,
Luống thâu đêm, đêm nghe phảng phát mối sầu tuôn
Tuôn khôn nhịn ngán ngơ nổi ...buồn
Thu, lá thu ngô đồng rụng...
Một lá thu bay hơi sương lọt mảy,
Sương lọt mảy, ngòi nghe tiếng.....đàn.
Sông, sông hồ nước biếc chín khúc uốn quanh,
Đáy nước long lanh, dạo ngòi chơi, ngòi chơi thủy.....đình.
Nguyệt tà tà xe xé, ánh dãi chênh chênh,
Trên không hoa cỏ lặng canh dài,
Đỉnh Thần sơn, đỉnh Thần sơn mặt ngọc mảy ngài
Thấy khách hôn mai.
Dãi tường lâu,
Nguyệt dãi tường lâu đồng vọng bóng trắng thâu,
Nặng tiếng, tiếng đỉnh đang,
Tiếng đỉnh đang xui lòng thiếu nữ.....
Nhớ thương ai gửi bước đường trường,
Bước đường trường, chầy ai đã nện, nên tương tưsầu.
Vò võ phòng hương,
Luống chực phòng hương,
Gửi cố nhân tình thư một bức, gọi nổi ái ân,
Tư, tương tư.....sầu.*

✚ Đọc thơ, thông, đồn

THIÊN THAI BÀI MỘT

*Thu nhập thiên thai thạch lộ tân
Vân hòa tảo tĩnh quýnh vô trần
Yên hà bất tỉnh sinh tiền sự
Thủy mộc không nghi mộng hậu thân
Vãng vãng kê minh nham hạ nguyệt
Thời thời khuyến phệ động trung xuân
Bất tri thử địa qui hà xứ
Tu tựa đào nguyên vấn chủ nhân*

Tam dịch:

*Cây đá thiên thai mới bội phần
Cỏ mây chẳng bợn chút hơi trần
Yên hà không hiểu duyên tiền kiếp
Thủy mộc khôn lường mộng hậu thân
Sớm sớm canh gà vang dưới nguyệt
Thường thường tiếng chó rện trong xuân
Nơi này nào biết về đâu nhỉ
Nên tới Đào nguyên hỏi chủ nhân.*

THÔNG

*Cỏ cây chẳng chút bụi trần
Lối vào không biết rằng gần hay xa
Xinh thay hỏi thú yên hà*

*Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội*

Nguồn đào wóm hỏi ai là chủ nhân.

Đào đọc xong 5 bài thơ và 5 bài Thông thì đọc tiếp đoạn Dồn sau đây:

DỒN

*Non xanh khéo đúc lên bầu
Xưa nay ai đã dễ hầu tìm lên
Kẻ trần phút gặp người tiên
Lạ thay Lư Nguyễn là duyên tình cờ
Cùng mây hện những ngày xưa
Vì đường hái thuốc bây giờ se duyên
Lâng lâng thế giới ba nghìn
Một ngày cũng đã là tiên nợ nhiều
Non xanh từng đá cheo leo
Ai may thì gặp, nợ gieo mình vào.*

II. Danh sách người làng Lỗ Khê đỗ Hương cống, cử nhân thời phong kiến

TT	Họ và tên	Ghi chú
1	Phạm Trọng Án	Hương cống thời Lê
2	Phạm Hoàng Trù	Cử nhân khoa Đinh Dậu, niên hiệu Thành Thái (1897)
3	Phạm Huy Chu	Hương cống, làm Huấn đạo
4	Phạm Đăng Đình	Hương cống, làm Huấn đạo
5	Hoàng Đức Khang	Hương cống
6	Phạm Nhã Lượng	Hương cống, làm Huấn đạo
7	Phạm Huy Tự	Hương cống

Tư liệu ghi theo cuốn “ Giáo dục và khoa cử nho học Thăng Long Hà Nội, nhà xuất bản Hà Nội, năm 2010 của PGS.TS.Bùi Xuân Đính và cuốn “ Lỗ Khê xưa và nay” của cụ Hoàng Kỷ.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ LÀNG LỖ KHÊ



Cổng đình làng Lỗ Khê



Nhà văn hóa thôn Lỗ Khê

*Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội*



Tượng Bụt chùa ngoài đồng



Tượng Bụt chùa trong làng



Đình làng Lỗ Khê

*Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội*



Bút nghiên của đức Thánh Cả



Cổng làng Lỗ Khê



*Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội*

Nhà bia sau đình Lỗ Khê



Đình làng Lỗ Khê vinh dự đón Bác Hồ về chúc tết năm Giáp Thìn (13 - 2 - 1964)



*Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội*

Chợ Giỗ họp vào ngày bốn và chín



Nhà thờ hai chí sĩ cách mạng
Phạm Hoàng Triết và Phạm Hoàng Luân



Nhà thờ ca công



Tượng nhị vị tổ sư ca trù trong khám



Bốn chữ đại tự: SINH - TỬ - TỰ - ĐIỀN



Làm lễ ở nhà thờ ca công nhân ngày giỗ tổ Ca trù
(mùng 6 tháng Tư)



Điệu múa vũ nhạc dân tộc nhân ngày giỗ tổ ca trù

*Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội*



(do cụ Hoàng Kỷ biên soạn lại)

Nghệ nhân Hoàng Kỷ (83 tuổi)



*Tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hóa của làng ca trù Lỗ Khê, xã Liên Hà
huyện Đông Anh, Hà Nội*

Cụ Nguyễn Thị Sông